

PHÁP LUẬT CỦA CHÚNG TA CÓ THỨC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI?

SỔ TAY NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp quốc (UN Women) là tổ chức hoạt động về Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Là một cơ quan đi đầu về bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em, cơ quan Phụ nữ Liên Hợp quốc được thành lập với mục tiêu thúc đẩy tiến bộ nhằm đáp ứng nhu cầu của phụ nữ và trẻ em trên toàn thế giới.

Quan điểm thể hiện trong xuất bản phẩm này là của các tác giả và không nhất thiết đại diện cho quan điểm của UN Women, Liên Hợp Quốc hay bất kỳ tổ chức trực thuộc nào của UN Women.

Pháp luật của chúng ta có thúc đẩy bình đẳng giới?

Sổ tay Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW

Bản quyền © Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng Giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)

Thời gian xuất bản: Tháng 6/2010

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng Giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)

Văn phòng Khu vực Đông và Đông Nam Á của UN Women

Tầng 5 Tòa nhà LHQ, Đại lộ Rajdamnern Nok

Bangkok 10200 Thái Lan

Tel: +662-288-2093

Fax: +662-280-6030

www.unwomen.org

Tác giả: Rea Abada Chiongson

Hiệu đính: Sarah Fortuna

Dịch ra tiếng Việt: Hà Ngọc Anh

Hiệu đính và biên tập bản tiếng Việt: Nguyễn Thị Thúy

PHÁP LUẬT CỦA CHÚNG TA CÓ THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI?

SỔ TAY NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

LỜI NÓI ĐẦU

Trong ba thập kỷ qua - kể từ khi Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) - các quốc gia khu vực Đông và Đông Nam Á đã ban hành nhiều văn bản pháp luật thiết lập các tiêu chuẩn về bình đẳng giới, đảm bảo bình đẳng giới và không phân biệt đối xử. Nhiều quy định mang tính phân biệt đối xử đối với phụ nữ đã được xóa bỏ, và các văn bản pháp luật mới thúc đẩy quyền của phụ nữ và chống lại các hình thức bạo lực trên cơ sở giới, chủ yếu ra đời trong thời gian gần đây, đã được thông qua trên toàn khu vực.

Trên phạm vi toàn cầu, UNIFEM đã hỗ trợ các cơ quan chính phủ các nước và các tổ chức xã hội dân sự hoạt động nhằm tăng cường bình đẳng giới, thực hiện nghiên cứu rà soát pháp luật trong nước về mức độ tuân thủ Công ước CEDAW và kiên trì cải cách luật pháp nhằm tăng cường bình đẳng giới. Chỉ riêng ở Đông Nam Á, trong năm năm qua, Chương trình CEDAW Khu vực Đông Nam Á đã hỗ trợ những hoạt động nghiên cứu rà soát này tại Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan và Việt Nam. Những kinh nghiệm này đã góp phần xây dựng một khối lượng lớn kiến thức về thực trạng bình đẳng giới trong pháp luật. Quan trọng hơn, những kinh nghiệm này, là một trong nhiều biện pháp khác, là cơ sở dẫn tới việc thông qua Luật Bình đẳng giới ở Việt Nam, Luật Magna Carta về Phụ nữ ở Phi-líp-pin, và việc sửa đổi Luật về đảng chính trị và Luật tổng tuyển cử ở In-đô-nê-xi-a, Bộ Luật hình sự và dân sự của Thái Lan.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều ví dụ về các văn bản luật thể hiện tính phân biệt đối xử đối với phụ nữ trên cơ sở giới tính của họ. Chính phủ nhiều nước tin rằng pháp luật trung lập về giới mang lại lợi ích như nhau cho phụ nữ và nam giới, nhưng trên thực tế thì ngược lại bởi do các rào cản có gốc rễ sâu xa về cấu trúc, thể chế, xã hội và văn hóa phân biệt đối xử với phụ nữ. Việc thiếu cân nhắc và giải quyết các khác biệt về giới trong pháp luật làm kéo dài tình trạng bất bình đẳng giới. Do đó, các chủ thể/cơ quan/tổ chức hoạt động về bình đẳng giới cần phải kiên định trong hoạt động của mình nhằm xác định pháp luật nào chưa nhất quán với Công ước CEDAW, đề xuất các biện pháp điều chỉnh cần thiết, và hỗ trợ tạo ra khuôn khổ pháp lý mạnh mẽ hơn về bình đẳng giới.

Để hỗ trợ nhiệm vụ phức hợp này, UNIFEM đã xây dựng cuốn sổ tay - Pháp luật của chúng ta có thúc đẩy bình đẳng giới? - nhằm phục vụ công tác nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW, để có hướng dẫn thực tế và từng bước cho nghiên cứu rà soát cấp bách pháp luật quốc gia, và thông qua các hoạt động nghiên cứu rà soát pháp luật thực tế, có thể đưa ra một bộ chỉ số đã được xây dựng và kiểm nghiệm.

Chúng tôi hy vọng rằng cuốn sổ tay này sẽ là một công cụ hữu ích cho những cơ quan/tổ chức hoạt động về quyền của phụ nữ, với những nỗ lực của mình nhằm chấm dứt sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ cả trong pháp luật và đời sống hàng ngày.

Moni Pizani
Giám đốc Chương trình khu vực
Văn phòng Khu vực Đông và Đông Nam Á của UNIFEM

LỜI CẢM ƠN

Tác giả muốn tỏ lòng biết ơn đối với Quỹ Phát triển phụ nữ Liên Hợp Quốc (UNIFEM) đã tạo cơ hội cho tác giả góp phần xây dựng nên cuốn sổ tay này. Tác giả đặc biệt cảm ơn bà Shoko Ishikawa, bà Amarsanaa Darisuren, ông Vũ Ngọc Bình, ông Vanny Prok, bà Syafridah Hardani và bà Pannin Laptaweasath đã liên tục hỗ trợ và hướng dẫn cho nghiên cứu rà soát này.

Vì khuôn khổ đánh giá được trình bày trong cuốn sổ tay này, đã được thử nghiệm thí điểm tại 4 cuộc hội thảo tổ chức tại In-đô-nê-xi-a và Cam-pu-chia, tác giả muốn được cảm ơn ban tổ chức và các đại biểu đã tham dự các hội thảo này, đặc biệt là Bà Chan Sotheavy, Quốc Vụ Khanh Bộ Tư pháp Cam-pu-chia và các nhân viên của bà; Ly Vichuta; Musdah Mulia; Rena Herdiyani; và các thành viên Nhóm làm việc về sáng kiến CEDAW.

Tác giả cũng muốn được cảm ơn các cán bộ của UNIFEM Trung Quốc và các đại biểu tham dự “Tập huấn về sự phù hợp của pháp luật quốc gia với Công ước CEDAW” được tổ chức từ ngày 28-30 tháng 4 năm 2009 tại Bắc Kinh, Trung Quốc. Những ý kiến đóng góp của họ đã góp phần làm rõ thêm cho khung đánh giá này.

Tác giả cũng muốn bày tỏ sự cảm kích đối với những người đã cung cấp những ý kiến đóng góp vô cùng quý báu cho các dự thảo của cuốn sổ tay này, đặc biệt là bà Usa Lerdsrisuntad, Giám đốc Chương trình của Tổ chức vì Phụ nữ. Tác giả cũng xin cảm ơn bà Sarah Fortuna đã hiệu đính kỹ lưỡng và thiết kế trình bày cho cuốn sổ tay này.

Cuối cùng, tác giả xin đặc biệt cảm ơn các ông/bà Ricardo, Erlinda, bà Richelle và Rolica Chiongson, và Emmett Cunningham đã khuyến khích và hỗ trợ trong quá trình hoàn thiện cuốn sổ tay này.

Rea Abada Chiongson, tháng 2 năm 2010

ĐÔI LỜI VỀ TÁC GIẢ

Rea Abada Chiongson là luật gia và thành viên của Khoa Luật Trường đại học Ateneo de Manila (Phi-líp-pin). Bà đã có các bằng cử nhân luật học và chính trị học của trường đại học Ateneo de Manila (Phi-líp-pin) và thạc sĩ luật học về Luật quốc tế của Trường đại học Columbia, New York (Hoa Kỳ).

Rea được công nhận là chuyên gia về Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và các chuẩn mực quốc tế khác về bình đẳng giới và quyền con người, và áp dụng các chuẩn mực này ở cấp quốc gia. Bà đã làm chuyên gia tư vấn ở một số nước, bao gồm xây dựng các văn bản pháp luật về bình đẳng giới, tiến hành đánh giá pháp luật và chính sách từ góc độ giới, lồng ghép yếu tố giới trong các công việc về kiện tụng và trợ giúp pháp lý, và các chương trình tập huấn về bình đẳng giới cho cơ quan chính phủ các nước, các chuyên gia, các Tổ chức phi chính phủ và các nhà vận động chính sách. Hiện nay, bà đang làm việc cho UNIFEM với tư cách là chuyên gia tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật trong việc đánh giá tính tuân thủ của pháp luật quốc gia với CEDAW, xây dựng pháp luật về bình đẳng giới và nâng cao năng lực quốc gia về bình đẳng giới tại khu vực Đông Nam Á.



MỤC LỤC

Lời nói đầu	i
Lời cảm ơn	ii
Đôi lời về tác giả	ii
Giới thiệu	1

PHẦN MỘT

CEDAW và nghiên cứu rà soát pháp luật	3
Nghiên cứu rà soát pháp luật	3
CEDAW - Khung cho nghiên cứu rà soát pháp luật	3
Tầm quan trọng của việc sử dụng CEDAW như một Khung rà soát pháp luật	3

PHẦN HAI

Một số kiến thức cần biết trước khi tiến hành nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công Ước CEDAW	7
CEDAW và các nguyên tắc chính	7
CEDAW Từ Điều 1 tới Điều 30	10
Tình hình của phụ nữ và bình đẳng giới trong thực tế	14
Luật và xây dựng luật	15
Những câu hỏi thường gặp về luật và xây dựng luật	18

PHẦN BA

Lập kế hoạch đánh giá pháp luật dựa trên Công ước CEDAW	21
--	-----------

PHẦN BỐN

Khung Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW	25
Khung Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW (Khung đánh giá)	26
Xây dựng các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW	28
Mức độ tuân thủ và khuyến nghị	43

PHẦN NĂM

Sử dụng kết quả nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW	55
---	-----------



PHỤ LỤC I

Danh mục các chỉ số pháp luật dựa trên Công ước CEDAW

59

PHỤ LỤC II

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (Công ước CEDAW)

67

PHỤ LỤC III

Một số gợi ý các nguồn thông tin về CEDAW

76

Đề xuất tham khảo các nguồn tài liệu về CEDAW

79

GIỚI THIỆU

Thông tin cơ sở

Năm 2009 là năm diễn ra lễ kỷ niệm 30 năm Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), được Đại hội đồng LHQ thông qua vào ngày 18 tháng 12 năm 1979. Tính tới ngày 1 tháng 8 năm 2009, đã có 186 quốc gia phê chuẩn CEDAW, phản ánh sự đồng thuận của các quốc gia trên phạm vi toàn cầu trong việc thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện bình đẳng giới và xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử.

CEDAW đặt ra một khuôn khổ toàn diện tạo điều kiện thúc đẩy, bảo vệ và thực hiện quyền con người của phụ nữ. Đặc biệt, theo tinh thần Công ước các quốc gia thành viên, bằng mọi biện pháp thích hợp, bao gồm cả pháp luật, ngay lập tức phải loại bỏ sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, mặc dù Công ước CEDAW đã đặt ra những nghĩa vụ mà các quốc gia thành viên phải thực hiện, tình trạng phân biệt đối xử vẫn tồn tại trên tất cả các lĩnh vực, kể cả trong lĩnh vực pháp luật. Pháp luật mang tính phân biệt đối xử còn hạn chế, cản trở, hoặc vô hiệu hóa quyền con người của phụ nữ và không có biện pháp trừng phạt đối với các hành vi vi phạm. Do đó, điều này đã tước mất việc thụ hưởng các quyền con người và quyền được phát triển toàn diện đối với phụ nữ.

Ủy ban CEDAW, trong các nhận xét kết luận gần đây của mình, đã kêu gọi các quốc gia thành viên thực hiện tính tương thích và tuân thủ pháp luật nước mình với Công ước. Ủy ban CEDAW hết sức khuyến khích các quốc gia đảm bảo áp dụng Công ước CEDAW và các điều khoản của Công ước được lồng ghép toàn diện trong hệ thống pháp luật của nước mình.

Mục đích

Cuốn sổ tay này được xây dựng với mục đích hướng dẫn cho các cán bộ thực thi của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ (NGOs), các viện nghiên cứu, các cơ quan phát triển và các nhóm phụ nữ có thể đánh giá liệu pháp luật của nước mình có tuân thủ Công ước CEDAW hay không và để đưa ra các khuyến nghị phù hợp, sao cho pháp luật tương thích với Công ước thông qua hoạt động nghiên cứu rà soát pháp luật từ quan điểm của CEDAW. Việc này, được thực hiện thông qua khung đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật (khung đánh giá). Khung đánh giá này góp phần nâng cao năng lực của cán bộ thực thi pháp luật nhằm xác định các nghĩa vụ theo Công ước CEDAW, đưa ra các chỉ số về pháp luật, xác định điều khoản của pháp luật có tính phân biệt đối xử, đề xuất, xây dựng, sửa đổi hay điều chỉnh luật, nhằm thúc đẩy bình đẳng giới cũng như đưa ra các khuyến nghị khác để bảo đảm tính tương thích của pháp luật với Công ước. Đối tượng chính của cuốn sổ tay này là các cán bộ thực thi ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, sổ tay cũng có thể được sử dụng ở các khu vực khác ngoài Đông Nam Á.

Phương pháp luận

Khung đánh giá này được xây dựng năm 2007 và được sử dụng để rà soát các văn bản pháp luật Việt Nam. Việc nghiên cứu rà soát các văn bản pháp luật Việt Nam đã xác định được 117 chỉ số và 34 tiêu chí số, chia thành các lĩnh vực sau đây:

1. Đảm bảo bình đẳng và không phân biệt đối xử
2. Cấm phân biệt đối xử
3. Bảo vệ pháp lý đối với phụ nữ
4. Các thiết chế, cơ chế thực hiện và theo dõi
5. Nội luật hóa và áp dụng điều ước
6. Bạo lực trên cơ sở giới
7. Các biện pháp đặc biệt tạm thời
8. Những mẫu hình xã hội và văn hóa của hành vi
9. Buôn bán người và bóc lột mại dâm
10. Đời sống chính trị và công cộng
11. Quốc tịch
12. Giáo dục
13. Việc làm
14. Sức khỏe
15. Đời sống kinh tế và xã hội
16. Phụ nữ nông thôn
17. Bình đẳng trước pháp luật
18. Hôn nhân và gia đình

Khung đánh giá đã được hoàn thiện trong thời gian từ tháng 6 năm 2008 đến tháng 2 năm 2009 qua quá trình áp dụng vào nghiên cứu rà soát pháp luật của In-đô-nê-xi-a và Cam-pu-chia, bao gồm bốn hội thảo¹ được tổ chức nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho các nhóm trong nước để thực hiện nghiên cứu rà soát pháp luật quốc gia. Hỗ trợ kỹ thuật và các phiên thảo luận tạo điều kiện cho việc thực hiện nghiên cứu rà soát pháp luật được thường xuyên thực hiện. Các chuyên gia In-đô-nê-xi-a đã tiến hành rà soát Luật Hôn nhân (Luật số 1 năm 1974) của nước mình. Một nhóm công tác liên ngành do Nhóm làm việc về sáng kiến của CE-DAW (CWGI) chủ trì đang thực hiện nghiên cứu rà soát này. Nghiên cứu rà soát pháp luật của Campuchia đánh giá pháp luật về bạo lực gia đình, buôn bán người và bóc lột tình dục, việc làm, lao động giúp việc gia đình, và hôn nhân. Bộ Tư pháp Cam-pu-chia là cơ quan chủ trì trong sáng kiến này. Cả hai nghiên cứu rà soát pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện. Khung đánh giá cũng được cải tiến hơn trong “Tập huấn về Đánh giá mức độ tuân thủ của pháp luật quốc gia với CEDAW”, được tổ chức ngày 28-30 tháng 4 năm 2009 tại Bắc Kinh, Trung Quốc do Cơ quan Liên Hợp Quốc tại Trung Quốc về Giới tổ chức.

Cuốn sổ tay này cũng được xây dựng dựa trên những sáng kiến trước đây về CEDAW và pháp luật, bao gồm:

- a) Nghiên cứu chung giữa UNIFEM và UNDP – Thái Bình Dương từ năm 2007 – Đưa nội dung CEDAW vào luật: Mức độ tuân thủ Công ước CEDAW của hệ thống pháp luật 9 quốc đảo ở Thái Bình Dương - đã đưa ra được một bộ 113 chỉ số pháp luật cụ thể, trong đó nêu ra các yêu cầu đối với luật của các nước quốc gia nhằm tuân thủ một cách toàn diện Công ước CEDAW;²
- b) Ấn phẩm của Văn phòng UNIFEM ở Nam Á và Trung tâm Nghiên cứu Phụ nữ (CENWOR) có tiêu đề Sáng kiến Các chỉ số CEDAW đối với Nam Á³ – liệt kê các chỉ số được đề xuất về pháp luật, giáo dục, việc làm, sức khỏe và phụ nữ trong khu vực nông thôn;
- c) Sổ tay của UNDP có tên Soạn thảo pháp luật có nhận thức giới: Biện pháp tăng cường và duy trì bình đẳng giới ở Trung, Đông Âu và Cộng đồng các quốc gia độc lập,⁴ đưa ra các hướng dẫn về lồng ghép các tiêu chuẩn quốc tế trong pháp luật quốc gia.

Mặc dù các sáng kiến trên đây mang đặc thù của từng khu vực, nhưng các sáng kiến đó đã góp phần cho việc soạn thảo cuốn sổ tay này.

¹ 4 cuộc hội thảo là: a) Hội thảo về Đánh giá tính tuân thủ Luật Hôn nhân và Gia đình của In-đô-nê-xi-a với CEDAW, Jakarta, In-đô-nê-xi-a, 30/6 - 3/7/2008; (b) Hội thảo thông qua Nghiên cứu rà soát Luật Gia đình số 1/1974, Jakarta, In-đô-nê-xi-a, 16-17 tháng 9/2008; (c) Đánh giá mức độ tuân thủ luật Cam-pu-chia với CEDAW, 8-12 tháng 9/2008, Xiêm-riệp, Cam-pu-chia; và (d) Hội thảo phổ biến kết quả nghiên cứu về tính tuân thủ của pháp luật quốc gia với CEDAW, Phnom Penh, Cam-pu-chia, 5/ 2/2009. Các hội thảo tại Cam-pu-chia do Bộ Tư pháp tổ chức, còn các hội thảo tại In-đô-nê-xi-a lại do nhóm sáng kiến của CEDAW (CWGI) tổ chức.

² Trung tâm UNIFEM và UNDP Thái Bình Dương. Đưa nội dung CEDAW vào luật: Mức độ tuân thủ Công ước CEDAW của hệ thống pháp luật 9 quốc đảo Thái Bình Dương, Suva, 2007.

³ CENWOR và UNIFEM. Các chỉ số CEDAW đối với Nam Á: Một sáng kiến, Sri Lanka, 2004.

⁴ UNDP. Soạn thảo pháp luật có nhận thức giới: Biện pháp tăng cường và duy trì bình đẳng giới ở Trung và Đông Âu và ở Khối thịnh vượng chung các Quốc gia độc lập (CIS), Bratislava, UNDP, 2003.

PHẦN 1:

CEDAW VÀ NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT

Phần này gồm:

- ✓ Nghiên cứu rà soát pháp luật là gì?
- ✓ CEDAW - khung nghiên cứu rà soát pháp luật

NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT

Nghiên cứu rà soát pháp luật sẽ chỉ ra những bất cập trong luật cụ thể và đề xuất cách thức giải quyết những bất cập này. Nghiên cứu sẽ đưa ra các khuyến nghị để có những giải pháp khả thi về mặt pháp lý như sửa đổi, điều chỉnh hay bãi bỏ luật hiện hành hoặc xây dựng luật mới.

CEDAW - KHUNG NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT

Nghiên cứu sử dụng CEDAW là khung luật pháp quốc tế để đánh giá các luật thông qua lăng kính chuẩn về bình đẳng giới được quốc tế công nhận. Là khung cơ sở cho nghiên cứu rà soát pháp luật, CEDAW có những ưu điểm như sau:

Là một *Hiệp ước về quyền con người*, CEDAW thúc đẩy một cách mạnh mẽ phương pháp tiếp cận dựa trên quyền để đòi quyền. CEDAW nhấn mạnh việc thụ hưởng quyền con người và nêu bật mối liên quan tương tác và tầm quan trọng như nhau giữa các quyền con người (dù là quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, hay văn hóa), như được bảo đảm trong các điều ước về nhân quyền khác.

Là một *Hiệp ước về bình đẳng*, do đó CEDAW:

- Xem xét cấu trúc xã hội từ góc độ giới;
- Bảo đảm bình đẳng toàn diện trong tất cả các lĩnh vực – dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và các lĩnh vực khác;
- Không chỉ quy định trách nhiệm về bình đẳng trong luật pháp mà còn, quan trọng hơn nữa là còn nêu bình đẳng về kết quả (bình đẳng trong thực tế hay bình đẳng thực chất);
- Đưa ra định nghĩa về phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, đặc biệt là phân biệt đối xử gián tiếp; và
- Chú trọng nghĩa vụ của các quốc gia thành viên nhằm đảm bảo bình đẳng và quyền con người của phụ nữ.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG CÔNG ƯỚC CEDAW NHƯ KHUNG QUỐC TẾ ĐỂ NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT

Các luật thể hiện những nguyên tắc của CEDAW thành những điều khoản trong pháp luật cụ thể để người dân có thể dễ dàng tiếp cận và thụ hưởng ở từng quốc gia. Nghiên cứu rà soát pháp luật sử dụng khung Công ước CEDAW sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình này.

Đặc biệt khung Công ước CEDAW nhằm:

- Xác định phân biệt đối xử về giới trong luật;
- Nhấn mạnh nghĩa vụ của các quốc gia thành viên đối với các lĩnh vực cụ thể của luật pháp;
- Nêu những hạn chế hoặc bất cập trong luật để thực hiện bình đẳng giới;
- Chỉ ra những nội dung cần thay đổi nhằm xây dựng luật có nhạy cảm và trách nhiệm giới.
- Đưa ra các khuyến nghị về biện pháp giải quyết tình trạng phân biệt đối xử.

Mục đích nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW

Trong hầu hết các trường hợp, việc nghiên cứu rà soát pháp luật sử dụng khung CEDAW được coi là bước khởi đầu để cải cách pháp luật.

Mục đích trước mắt của nghiên cứu rà soát có thể nhằm:

- Nêu bật **các khía cạnh giới trong các lĩnh vực cụ thể của luật**;
- Hồ sơ hóa **các tiến bộ đạt được trong công tác bình đẳng giới** (kể cả khâu nhận xét, đánh giá);
- Hải hòa hóa **những điểm chưa nhất quán trong các lĩnh vực khác nhau của luật** thông qua áp dụng các chuẩn mực về bình đẳng giới (ví dụ: ở Việt Nam, sau khi Luật Bình đẳng giới được thông qua vào ngày 29 tháng 11 năm 2006, Chỉ thị của chính phủ về Luật Bình đẳng giới đã được ban hành vào ngày 3 tháng 5 năm 2007. Chỉ thị nêu rõ Chính phủ cần phải hoàn tất việc nghiên cứu đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nhằm đánh giá mức độ cần thiết của việc sửa đổi, chỉnh sửa hoặc bãi bỏ, hay cần có luật mới. Để hỗ trợ Chính phủ trong hoạt động này, một nghiên cứu rà soát pháp luật độc lập được tiến hành);⁵
- Xác định liệu **pháp luật, các quy định hành chính hoặc các thói quen văn hóa-xã hội có làm giảm tính bảo đảm về thể chế về bình đẳng và không phân biệt đối xử** hay không?
- **Yêu cầu nhà nước có trách nhiệm giải trình trong việc bảo đảm** bình đẳng;
- Xác định các **khuyến nghị để xây dựng luật có trách nhiệm giới và nhạy cảm giới**;
- So sánh **tiến bộ đạt được giữa các quốc gia** (ví dụ: ở Thái Bình Dương, hai nghiên cứu rà soát tài liệu do Trung tâm UNIFEM Thái Bình Dương và UNDP Thái Bình Dương đặt hàng thực hiện nhằm đánh giá sự tuân thủ pháp luật đối với CEDAW của 9 nước trong khu vực Thái Bình Dương:⁶ Liên bang Micronesia, Fiji, Kiribati, quần đảo Marshall, Papua New Guinea, Samoa, quần đảo Solomon, Tuvalu và Vanuatu. Các nghiên cứu đã sử dụng các chỉ số tương tự và là cơ sở thuận lợi cho nghiên cứu so sánh giữa 9 nước được tiến hành rà soát);
- Đánh giá **tính tương thích của pháp luật với các cam kết quốc tế**, trong đó có Công ước CEDAW;
- Khởi xướng **thực hiện các khuyến nghị của các cơ quan quốc tế về bình đẳng giới**, trong đó có Ủy ban CEDAW.

⁵ Nghiên cứu rà soát pháp luật CEDAW và pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW. Chương trình CEDAW khu vực Đông Nam Á (CEDAW SEAP) của UNIFEM, 2009.

⁶ Báo cáo rà soát nghiên cứu tài liệu, đã được xuất bản Đưa Công ước CEDAW vào: Tuân thủ pháp luật đối với Công ước CEDAW tại 9 quốc đảo ở Thái Bình Dương.

Ủy ban CEDAW và việc nghiên cứu rà soát pháp luật

Ủy ban CEDAW công nhận việc nghiên cứu rà soát pháp luật là một công cụ quan trọng đối với việc tuân thủ CEDAW. Ủy ban rất khuyến khích nghiên cứu rà soát pháp luật ở tất cả các nước nhằm hỗ trợ cải cách luật pháp và thực hiện Công ước CEDAW. Dưới đây là một số ví dụ minh họa về các khuyến nghị của Ủy ban CEDAW về nghiên cứu rà soát pháp luật.

Thái Lan

“Ủy ban quan ngại rằng không phải tất cả các luật có tính phân biệt đối xử đều đã được sửa đổi nhằm đảm bảo rằng Công ước và các điều khoản của Công ước đều có thể áp dụng được một cách đầy đủ trong hệ thống pháp luật quốc gia.” (Ý kiến kết luận của Ủy ban CEDAW đối với Thái Lan, 2006, đoạn 13)

“Ủy ban khuyến nghị Quốc gia thành viên rà soát một cách có hệ thống toàn bộ pháp luật nhằm thực hiện tuân thủ đầy đủ với các điều khoản của Công ước. Ủy ban chỉ ra rằng Quốc gia thành viên có nghĩa vụ đảm bảo rằng Công ước có thể áp dụng được một cách đầy đủ trong hệ thống pháp luật quốc gia.” (Ý kiến kết luận của Ủy ban CEDAW đối với Thái Lan, 2006, đoạn 14)

Cam-pu-chia

“[Ủy ban CEDAW] khuyến khích quốc gia thành viên tận dụng quá trình cải cách pháp luật đang diễn ra để đạt được tính tương thích và tuân thủ hoàn toàn của toàn bộ pháp luật với các điều khoản của Công ước.” (Ý kiến kết luận của Ủy ban CEDAW đối với Cam-pu-chia, 2006, đoạn 12)

Phi-lip-pin

“Ủy ban khuyến nghị Quốc gia thành viên thực hiện rà soát một cách có hệ thống toàn bộ pháp luật và đề xuất những sửa đổi cần thiết nhằm đạt được sự tuân thủ hoàn toàn với các điều khoản của Công ước”. (Ý kiến kết luận của Ủy ban CEDAW đối với Phi-lip-pin, 2006, đoạn 12)

In-đô-nê-xi-a

“Ủy ban hoan nghênh những nỗ lực của Chính phủ trong việc xác định xem các luật có định kiến giới hay không và đề xuất những sáng kiến điều chỉnh các luật đó... Tuy nhiên, Ủy ban cũng lo ngại rằng những điều chỉnh này vẫn chưa được thực hiện đối với tất cả 21 luật mà Chính phủ đã xác định là có phân biệt đối xử, và rằng một số những sửa đổi này, mặc dù đã có những tiến bộ tiến tới bình đẳng, mặt khác vẫn có phân biệt đối xử với phụ nữ.” (Ý kiến kết luận của Ủy ban CEDAW đối với In-đô-nê-xi-a, 2007, đoạn 10)

“Ủy ban kêu gọi quốc gia thành viên coi đây là vấn đề ưu tiên lớn mà cải cách và sửa đổi ngay lập tức luật pháp, các luật và quy định mang tính phân biệt đối xử và làm cho chúng phù hợp với Công ước, và trong thời gian rõ ràng.” (Ý kiến kết luận của Ủy ban CEDAW đối với In-đô-nê-xi-a, 2007, đoạn 11)

- ✓ Xem **Phần 2. Một số kiến thức cần biết điều trước khi tiến hành nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên CEDAW** để biết thêm chi tiết về Ủy ban CEDAW

PHẦN HAI:

MỘT SỐ KIẾN THỨC CẦN BIẾT TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

Phần này gồm:

- ✓ CEDAW và các nguyên tắc chính
- ✓ CEDAW từ Điều 1 tới Điều 30
- ✓ Tình hình của phụ nữ và bình đẳng giới trong thực tế
- ✓ Luật và xây dựng luật
- ✓ Những câu hỏi thường gặp về luật và xây dựng luật

Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW được thực hiện trên cơ sở kiến thức và hiểu biết rõ về:

1. Công ước CEDAW;
2. Thực trạng của phụ nữ và bình đẳng giới; và
3. Luật và xây dựng luật.

Lưu ý rằng đây là ba nội dung tối cần thiết.

CEDAW VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CHÍNH

Công ước CEDAW nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ dưới mọi hình thức và mọi biểu hiện – CEDAW thường được nói đến như một Hiệp ước quốc tế về quyền con người của phụ nữ. Công ước được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 18-12-1979 và có hiệu lực từ 3-9-1981. CEDAW có 186 Quốc gia thành viên là một trong những Hiệp ước quốc tế về quyền con người được nhiều quốc gia phê chuẩn nhất. CEDAW gồm có Lời mở đầu và 30 điều.

Các nguyên tắc của CEDAW

CEDAW có 3 nguyên tắc chính:

- Bình đẳng thực chất;
- Không phân biệt đối xử; và
- Nghĩa vụ quốc gia.

Những nguyên tắc này nêu bật khuôn khổ khái niệm của CEDAW. Nếu không hiểu rõ các nguyên tắc chính này thì không thể áp dụng đúng CEDAW. Cả 3 nguyên tắc của CEDAW này đều nhấn mạnh rằng bình đẳng phải được thụ hưởng trên thực tế, không chỉ “trên giấy tờ”. Nếu chỉ có pháp luật và chính sách trên văn bản thì chưa đủ một khi phụ nữ chưa được trải nghiệm bình đẳng đó trong thực tế hàng ngày.

Bình đẳng thực chất

Chuẩn mực bình đẳng trong CEDAW là bình đẳng thực chất. Bình đẳng thực chất được Ủy ban CEDAW giải thích là bình đẳng trên thực tế (bình đẳng trên thực tế hoặc bình đẳng thực chất) hay bình đẳng về kết quả. Tuy nhiên, thực hiện bình đẳng thực chất là phụ nữ được tạo cơ hội bình đẳng, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội và có môi trường thuận lợi để đạt được các kết quả bình đẳng.

Bình đẳng thực chất cần được nhìn nhận xa hơn tầm bảo đảm của pháp luật về đối xử bình đẳng, và nhận định về tác động của các hoạt động can thiệp.

Ví dụ: một luật có thể tạo cơ hội bình đẳng cho phụ nữ và nam giới trong tiếp cận tín dụng nếu họ có thể chấp (cam đoan hoặc thế chấp). Nhưng trên thực tế, phụ nữ không được kiểm soát, quản lý hoặc thừa kế tài sản, vậy nên họ khó mà có thể thế chấp và do đó, họ không thể tiếp cận được tín dụng. Nếu không có những biện pháp đảm bảo việc thực hiện bình đẳng trên thực tế thì không thể có bình đẳng thực chất.

Để tuân thủ CEDAW, pháp luật phải mang lại bình đẳng thực chất.

Những thách thức để đạt được bình đẳng thực chất

Mặc dù nguyên tắc về bình đẳng được công nhận rộng rãi trong hiến pháp và pháp luật, nhưng trong thực tế còn có nhiều ví dụ về những cách hiểu về bình đẳng mà chưa đem lại bình đẳng thực chất.

- (a) *Bình đẳng về hình thức.* Bình đẳng thường được hiểu là đối xử như nhau đối với những người giống nhau. Đó là bình đẳng về hình thức. Ở phương pháp tiếp cận này, nam giới và phụ nữ được coi là giống nhau, và vì thế họ được đối xử như nhau. Hệ quả là, những sự khác biệt trên cơ sở sinh học như mang thai hoặc sinh con đều bị bỏ qua. Những sự khác biệt về xã hội và văn hóa - như quan niệm xã hội coi phụ nữ là phái yếu, phụ thuộc về mặt kinh tế, và chỉ quanh quẩn trong nhà - tác động của những quan niệm này đối với phụ nữ cũng bị xem nhẹ. Khi bỏ qua những sự khác biệt này thì những nhu cầu đặc thù của phụ nữ cũng sẽ không được xét đến.
- (b) *Cách tiếp cận bảo vệ.* Cách tiếp cận này cho rằng phụ nữ yếu đuối hơn so với nam giới và do đó cần được bảo vệ. Vì với mục đích bảo vệ an toàn cho phụ nữ, nên sự lựa chọn của họ thường bị hạn chế và quyền của họ bị bỏ qua. Việc cấm phụ nữ làm việc ban đêm để bảo vệ an toàn cho họ là một ví dụ về cách tiếp cận bảo vệ này (ví dụ: Điều 130 của Bộ Luật Lao động Phi-líp-pin), hoặc cấm phụ nữ làm việc ở những ngành nghề nguy hiểm (ví dụ: Điều 113 của Bộ Luật Lao động của Việt Nam và các điều khoản bổ sung của bộ luật này). Trong cả hai ví dụ trên, phụ nữ bị coi là vấn đề, chứ không phải môi trường không an toàn chưa được cải thiện. Phụ nữ bị đổ lỗi vì bị cho rằng họ không có khả năng bảo vệ bản thân chứ không phải do các biện pháp về an ninh và trật tự công cộng còn chưa tốt hay do thiếu các biện pháp thích hợp về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Tuy nhiên, người ta lại cho rằng không cần phải bảo vệ nam giới đối với các nghề có nguy cơ hay nguy hiểm. Trong hầu hết các trường hợp, môi trường đều gây nguy hiểm cho cả nam giới và phụ nữ. Cách tiếp cận mang tính bảo vệ này đã cản trở phụ nữ bởi họ bị cho là yếu ớt. Thay vì giải quyết vấn đề về môi trường nguy hiểm và thúc đẩy phong trào hướng tới bình đẳng, cách tiếp cận bảo vệ này lại làm trầm trọng thêm địa vị bị thấp kém của phụ nữ và vì thế không mang lại bình đẳng trên thực tế.

Trong Khuyến nghị chung số 25 Ủy ban CEDAW tuyên bố:

"...cách tiếp cận thuần túy về pháp lý chính quy hay chương trình là chưa đủ để đạt được bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trên thực tế như Ủy ban giải thích về bình đẳng thực chất. Ngoài ra, Công ước yêu cầu rằng phụ nữ phải có xuất phát điểm bình đẳng và phải được tăng cường quyền năng thông qua môi trường thuận lợi để có thể đạt được bình đẳng về kết quả. Sẽ là chưa đủ nếu chỉ đảm bảo đối xử với phụ nữ giống như đối với nam giới. Đứng ra là cần phải tính đến cả sự khác biệt về sinh học cũng như xã hội và văn hóa giữa phụ nữ và nam giới. Trong những hoàn cảnh nhất định, cần phải có sự đối xử không nhất thiết giống hệt nhau giữa nam giới và phụ nữ để giải quyết những khác biệt đó. Để đạt được mục tiêu bình đẳng lâu dài như trên, cần phải có một chiến lược hiệu quả để khắc phục tình trạng số lượng đại diện của phụ nữ trong tất cả các lĩnh vực còn thấp và phân phối lại nguồn lực và quyền lực giữa phụ nữ và nam giới."

Không phân biệt đối xử

Không phân biệt đối xử là một nguyên tắc chính của CEDAW. Điều này được đặc biệt nhấn mạnh tại Điều 1 của CEDAW, trong định nghĩa về phân biệt đối xử. Điều 1 tuyên bố rằng phân biệt đối xử đối với phụ nữ⁷ là bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính làm ảnh hưởng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hoá việc phụ nữ được công nhận, thụ hưởng, hay thực hiện các quyền con người và những tự do cơ bản trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự và các lĩnh vực khác trên cơ sở bình đẳng nam nữ, bất kể tình trạng hôn nhân của họ như thế nào⁸. Định nghĩa này nhấn mạnh rằng một hành động hoặc việc không hành động sẽ bị coi là phân biệt đối xử nếu nó có “tác động hoặc mục đích” gây phân biệt đối xử đối với phụ nữ.

CEDAW nghiêm cấm những hình thức phân biệt đối xử sau đây:

- (a) *Phân biệt đối xử trực tiếp.* Phân biệt đối xử trực tiếp chỉ một hành động hoặc sự bỏ qua có “mục đích” phân biệt đối xử đối với phụ nữ, ví dụ: tuổi nghỉ hưu không bình đẳng, quyền thừa kế không bình đẳng, chấm dứt lao động vì lý do kết hôn hoặc thai sản và tuổi kết hôn khác nhau giữa nam và nữ.
- (b) *Phân biệt đối xử gián tiếp.* Phân biệt đối xử gián tiếp là hành động hoặc phớt lờ mà có “ảnh hưởng” phân biệt đối xử đối với phụ nữ, ngay cả khi không có ý định như vậy. Phụ nữ có thể phải gặp nhiều trở ngại bởi tập tục văn hóa và tôn giáo, hoặc bị cản trở bởi lợi ích của nam giới vẫn còn cố hữu trong cơ quan chủ chốt như đảng chính trị, công đoàn, tổ chức tôn giáo và tòa án. Vì thế, hành động hay phớt lờ có thể là trung lập đối với phụ nữ hay thậm chí có lợi đối với phụ nữ, nhưng thực ra ảnh hưởng hoặc tác động của nó có thể là phân biệt đối xử.
- (c) *Phân biệt đối xử đa thức.* Phân biệt đối xử về giới có thể đi cùng với các căn nguyên phân biệt đối xử khác như vấn đề chủng tộc, địa vị kinh tế, xã hội, tôn giáo, khuyết tật hay tuổi tác. Các biện pháp can thiệp cần tính đến tất cả các hình thức thiệt thòi/bất lợi để có thể giải quyết những vấn đề đó một cách thỏa đáng. Ủy ban CEDAW nhấn mạnh rằng “một số nhóm phụ nữ, ngoài việc bị phân biệt đối xử trực tiếp bởi vì họ là phụ nữ, họ còn có thể phải gánh chịu nhiều hình thức phân biệt đối xử khác nữa dựa trên những nguyên tố khác như chủng tộc, sắc tộc hoặc bản sắc tôn giáo, khuyết tật, tuổi tác, giai cấp, đẳng cấp hoặc các yếu tố khác. Sự phân biệt đối xử đa thức trước hết có thể tác động tới những nhóm phụ nữ này, hoặc ở một chừng mực nhất định bị ảnh hưởng theo nhiều cách khác nhau hơn so với nam giới.”⁷ Phụ nữ bị nếm trải phân biệt đối xử, bên cạnh việc phân biệt đối xử về giới, thường là những phụ nữ nông thôn, phụ nữ tàn tật, phụ nữ bản xứ, phụ nữ di cư và phụ nữ cao tuổi.

Những điều khoản thiếu nhạy cảm giới

Cách thể hiện thường thấy của phương pháp tiếp cận bình đẳng hình thức là *những điều khoản* thiếu nhạy cảm giới. Đó là những điều khoản không tách biệt giữa nam giới và phụ nữ, nên điều khoản thành thiếu nhạy cảm. Tuy nhiên, đây có thể trở thành phân biệt đối xử nếu như phụ nữ và nam giới không được thụ hưởng lợi ích của điều khoản bình đẳng như nhau.

Ví dụ, Bộ Luật Tố tụng dân sự của Việt Nam quy định rằng người yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời (cùng với về tài sản của bị đơn trước khi xét xử) phải đặt một khoản tiền, tài sản có giá trị, hoặc giấy tờ có giá trị. Điều khoản này, tuy thiếu nhạy cảm giới nhưng lại có thể có tác động thiên lệch đối với phụ nữ vì nói chung phụ nữ thường nghèo hơn nam giới (nghĩa là họ thường được trả công thấp hơn nam giới và ít có khả năng hơn so với nam giới trong việc sở hữu, kiểm soát hay quản lý tài sản). Do đó, không thể nói rằng việc đối xử giống nhau, như quy định trong luật, sẽ mang lại sự bình đẳng. Cần phải có các biện pháp khác nhằm tạo điều kiện tiếp cận tốt hơn cho phụ nữ.

Bình đẳng về hình thức đã bỏ qua tác động của các điều khoản thiếu nhạy cảm giới và do đó không mang lại được bình đẳng trên thực tế.

⁷ Khuyến nghị chung số 25 của CEDAW, Đoạn 12

Theo định nghĩa của CEDAW về “phân biệt đối xử” thì hoạt động giám sát tác động và ảnh hưởng của phân biệt đối xử là rất cần thiết. Chỉ đơn thuần đưa ra các biện pháp dù là trung lập về giới hay vì phụ nữ thì chưa đủ nếu các biện pháp này không mang lại bình đẳng thực chất.

Nghĩa vụ quốc gia

Nguyên tắc thứ 3 của CEDAW nhấn mạnh rằng việc thực hiện công ước là trách nhiệm của quốc gia. Nghĩa là, cho dù trách nhiệm bảo đảm bình đẳng và xóa bỏ phân biệt đối xử phải được cả khu vực nhà nước và tư nhân/phi chính phủ thực hiện, nhưng chỉ có nhà nước phải chịu trách nhiệm trực tiếp với CEDAW.

Nhà nước ở đây là gồm tất cả các cơ quan, ban ngành, tổ chức của chính phủ như các cơ quan hành pháp, lập pháp, tư pháp và các cơ quan hành chính cũng như các cơ quan chính quyền địa phương.

Các nghĩa vụ chung của quốc gia thành viên được quy định từ điều 1 – 5, còn các nghĩa vụ cụ thể của các quốc gia thành viên được nêu từ điều 6-16 của CEDAW.

CEDAW đặt ra nghĩa vụ về biện pháp và kết quả thực hiện. Quốc gia thành viên cần cam kết tuân thủ các biện pháp cụ thể về thực hiện CEDAW (nghĩa vụ về biện pháp), đồng thời cũng có nghĩa vụ đảm bảo rằng biện pháp đã chọn sẽ dẫn tới xóa bỏ phân biệt đối xử (nghĩa vụ về kết quả).

CEDAW TỪ ĐIỀU 1 TỚI ĐIỀU 30

Nghĩa vụ thực chất theo CEDAW (Điều 1-16)

Điều 1-5 gồm những nghĩa vụ chung của các quốc gia thành viên CEDAW, được nêu dưới đây:

(a) Điều 1 nêu định nghĩa về phân biệt đối xử.

(b) Điều 2 yêu cầu các quốc gia thành viên:

- Đưa các nguyên tắc bình đẳng vào hiến pháp và pháp luật (Điều 2a);
- Nghiêm cấm phân biệt đối xử thông qua biện pháp lập pháp và các biện pháp khác (Điều 2b);
- Có biện pháp bảo vệ phụ nữ về mặt pháp lý (Điều 2c);
- Không tiến hành bất cứ hành động phân biệt đối xử (Điều 2d);
- Xóa bỏ phân biệt đối xử do bất cứ nhóm đối tượng nào gây ra, ví dụ: cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp (Điều 2e); và
- Sửa đổi hoặc xóa bỏ những văn bản luật, quy định, tập quán và phong tục mang tính phân biệt đối xử (Điều 2f).

(c) Điều 3 yêu cầu các quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo sự phát triển đầy đủ của phụ nữ.

(d) Điều 4 nêu rằng các biện pháp đặc biệt tạm thời nhằm thúc đẩy nhanh bình đẳng trên thực tế (Điều 4.1) và các biện pháp nhằm bảo vệ người mẹ (Điều 4.2) sẽ không bị coi là phân biệt đối xử.

(e) Điều 5 yêu cầu các quốc gia thành viên phải sửa đổi các mẫu hình văn hóa, xã hội về hành vi cho rằng giới này là hơn, giới kia là kém hoặc dựa trên các vai trò mang tính rập khuôn mẫu.

Điều 6-16 đề cập tới những nghĩa vụ sau đây của các quốc gia thành viên trong các lĩnh vực cụ thể:

(a) *Buôn bán người và bóc lột mại dâm.* Điều 6 yêu cầu các quốc gia thành viên phải tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm trấn áp nạn buôn bán phụ nữ và bóc lột mại dâm phụ nữ.

(b) *Đời sống chính trị và công cộng.* Điều 7 yêu cầu các quốc gia thành viên phải xóa bỏ phân biệt đối xử đối với phụ nữ trong lĩnh vực đời sống chính trị và công cộng. Theo đó, phụ nữ và nam giới có quyền bình đẳng trong bỏ phiếu, ứng cử, tham gia xây dựng và thực hiện chính sách của chính phủ, tham

gia vào bộ máy, và thực hiện những chức vụ nhà nước, và tham gia vào các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức công và các tổ chức chính trị. Điều 8 tuyên bố rằng phụ nữ cũng có quyền bình đẳng đại diện cho chính phủ của mình ở cấp quốc tế và tham gia các tổ chức quốc tế.

- (c) *Quốc tịch.* Điều 9 quy định rằng người phụ nữ có quyền nhập, thay đổi hay giữ nguyên quốc tịch của mình. Quốc tịch của người vợ sẽ không mặc nhiên thay đổi do kết hôn với người nước ngoài hay sự thay đổi quốc tịch của người chồng. Trên cơ sở bình đẳng với nam giới, người phụ nữ cũng có quyền quyết định về quốc tịch cho con cái.
- (d) *Giáo dục.* Điều 10 quy định rằng các quốc gia phải đảm bảo quyền bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục. Điều này quy định rằng nam giới và phụ nữ phải có điều kiện như nhau trong tiếp cận học tập và đạt được bằng cấp. Bình đẳng phải được bảo đảm trong các trường mẫu giáo, trường phổ thông, trường kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp, kể cả trường chuyên môn kỹ thuật bậc cao cũng như tất cả các loại hình đào tạo nghề nghiệp.

Điều này cũng quy định rằng phụ nữ và nam giới phải được đảm bảo tiếp cận những chương trình học và thi cử như nhau, đội ngũ giáo viên với trình độ chuyên môn như nhau, cơ sở vật chất và trang thiết bị nhà trường có chất lượng như nhau. Phụ nữ và trẻ em gái phải được tạo cơ hội như nhau để hưởng học bổng và các chương trình giáo dục thường xuyên. Điều này cũng kêu gọi phải có những nỗ lực nhằm giảm tỉ lệ học sinh nữ bỏ học và có những biện pháp đối với tình trạng trẻ em gái phải bỏ học sớm.

Điều 10 cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải xóa bỏ những quan niệm khuôn mẫu trong giáo dục, đặc biệt thông qua việc nghiên cứu rà soát sách giáo khoa và các chương trình học.

- (e) *Việc làm.* Điều 11 yêu cầu các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp nhằm xóa bỏ phân biệt đối xử trong việc làm. Phụ nữ và nam giới có quyền làm việc như nhau và quyền hưởng các cơ hội việc làm như nhau. Điều này cũng bảo đảm việc trả công bình đẳng cho các công việc có giá trị ngang nhau và bình đẳng đối xử trong đánh giá công việc. Điều 11 cũng bảo đảm quyền tự do lựa chọn việc làm, quyền được thăng tiến, bảo đảm việc làm, bảo hiểm xã hội (trong trường hợp hưu trí, thất nghiệp, đau ốm, tàn tật và tuổi già), và quyền được hưởng môi trường làm việc lành mạnh và an toàn.

Nghiêm cấm phân biệt đối xử dựa vì lý do tình trạng hôn nhân hay làm mẹ. Điều 11 yêu cầu có các biện pháp trừng phạt đối với hành vi sa thải phụ nữ do tình trạng hôn nhân, mang thai hoặc nghỉ sinh con. Điều này áp dụng chế độ nghỉ sinh con mà vẫn được trả lương mà không mất đi các phúc lợi hoặc thâm niên công tác và các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc trẻ em. Phụ nữ có thai phải được bảo vệ đặc biệt khỏi công việc độc hại. Pháp luật mang tính bảo vệ phải được đánh giá định kỳ.

- (f) *Chăm sóc sức khỏe.* Điều 12 quy định các quốc gia thành viên phải đảm bảo cả nam giới và phụ nữ đều được tiếp cận bình đẳng với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Các quốc gia phải có những dịch vụ phù hợp cũng như đủ dinh dưỡng cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai và cho con bú.

Sự khác biệt giữa các Biện pháp đặc biệt tạm thời (Điều 4.1) và các Biện pháp đặc biệt nhằm bảo vệ người mẹ (Điều 4.2)

Khuyến nghị chung số 25 nêu:

Đoạn 15: Có một sự khác biệt rất rõ ràng giữa “các biện pháp đặc biệt” trong Điều 4, khoản 1 và “các biện pháp đặc biệt” trong khoản 2. Mục đích của Điều 4, khoản 1 là nhằm khuyến khích thúc đẩy, tăng cường vị thế của phụ nữ nhằm đạt được bình đẳng trên thực tế hoặc bình đẳng thực chất so với nam giới, và nhằm gây ảnh hưởng để có được những thay đổi cần thiết về văn hóa, xã hội và cấu trúc cần thiết, nhằm khắc phục những hình thức và tác động của phân biệt đối xử đối với phụ nữ trong quá khứ và hiện tại, đồng thời lấy lại sự công bằng cho phụ nữ. Các biện pháp này về bản chất là tạm thời.

Đoạn 16: Điều 4, khoản 2 nêu biện pháp đối xử không giống nhau với phụ nữ và nam giới do những khác biệt sinh học giữa hai giới. Những biện pháp này về bản chất là lâu dài, chỉ ít là cho đến khi những kiến thức về khoa học và công nghệ để cập tới trong Điều 11, khoản 3 có thể chứng thực cho nhận định này.

- (g) *Đời sống kinh tế và xã hội.* Điều 13 yêu cầu bình đẳng trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế và xã hội, bao gồm quyền bình đẳng trong thụ hưởng các phúc lợi gia đình, vay vốn hoặc tín dụng. Điều này đòi hỏi có quyền được tham gia các hoạt động giải trí, thể thao và đời sống văn hóa.
- (h) *Phụ nữ nông thôn.* Điều 14 nhấn mạnh sự cần thiết phải đảm bảo áp dụng CEDAW đối với phụ nữ nông thôn. Điều này yêu cầu các quốc gia thành viên đảm bảo quyền của phụ nữ nông thôn được tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển nông thôn, như tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển cũng như các hoạt động cộng đồng. Điều này cũng có nghĩa là tiếp cận các phương tiện chăm sóc sức khỏe đầy đủ, giáo dục, vay vốn và tín dụng nông nghiệp, những chương trình hỗ trợ thị trường và công nghệ. Điều 14 yêu cầu có sự đối xử bình đẳng đối với vấn đề đất đai, cải cách ruộng đất cũng như quy hoạch tái định cư; Phụ nữ nông thôn phải được hưởng các điều kiện sống đầy đủ.
- (i) *Bình đẳng trước pháp luật.* Điều 15 đảm bảo bình đẳng trước pháp luật. Phụ nữ có tư cách pháp nhân giống như nam giới. Họ có quyền bình đẳng trong ký kết hợp đồng, quản lý tài sản, tự do đi lại, và tự do lựa chọn nơi cư trú và chỗ ở. Họ được đối xử bình đẳng trước tòa án và xét xử. Những hợp đồng mà hạn chế tư cách pháp nhân của phụ nữ đều không có giá trị.
- (j) *Cuộc sống hôn nhân và gia đình.* Điều 16 yêu cầu các quốc gia thành viên đảm bảo bình đẳng trong các mối quan hệ hôn nhân và gia đình. Điều này bảo đảm quyền như nhau trong kết hôn, quyền tự do trong việc lựa chọn vợ/chồng và chỉ kết hôn khi hai bên hoàn toàn tự nguyện đồng ý. Điều này nghiêm cấm việc hứa hôn và kết hôn đối với trẻ em. Phụ nữ và nam giới được hưởng các quyền và trách nhiệm như nhau trong hôn nhân và khi ly hôn. Họ có các quyền làm cha mẹ như nhau. Họ cũng có quyền như nhau trong việc giám hộ, bảo trợ, nhận ủy thác và nhận con nuôi.

Phụ nữ và nam giới có quyền như nhau khi quyết định về số con và khoảng cách giữa những lần sinh. Vợ, chồng có quyền như nhau trong lựa chọn họ tên, nghề nghiệp và việc làm của mình. Họ có các quyền như nhau trong việc sở hữu, mua sắm, quản lý, kiểm soát, hưởng thụ và sử dụng tài sản.

Ủy ban CEDAW, chức năng và thủ tục (Điều 17-22)

Ủy ban Công ước xóa bỏ phân biệt đối xử đối với phụ nữ (Ủy ban CEDAW) có chức năng giám sát, theo dõi việc thực hiện CEDAW. Ủy ban gồm 23 chuyên gia tới từ các khu vực khác nhau, do chính phủ nước họ đề cử và được quốc gia thành viên bầu chọn với nhiệm kỳ 4 năm. Các chuyên gia này làm việc một cách độc lập và với tư cách cá nhân của mình. Ủy ban:

- Yêu cầu các quốc gia thành viên trình báo cáo;
- Tham gia các cuộc đối thoại mang tính xây dựng với các quốc gia thành viên;
- Đưa ra các Nhận xét kết luận;
- Soạn thảo các Khuyến nghị chung.

- (a) *Quy trình báo cáo.* Các quốc gia thành viên CEDAW có nghĩa vụ nộp báo cáo đầu tiên sau một năm phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước, rồi sau đó cứ bốn năm báo cáo định kỳ một lần. Để đánh giá báo cáo của quốc gia thành viên, những thông tin như các báo cáo của các tổ chức phi chính phủ (cũng được biết tới như các báo cáo “bóng” hay báo cáo thay thế), của các tổ chức chuyên môn và các ủy ban nhân quyền quốc gia hoạt động độc lập, đều được Ủy ban hoan nghênh tiếp nhận.
- (b) *Đối thoại với quốc gia thành viên.* Sau khi nộp báo cáo, quốc gia thành viên sẽ được mời cử phái đoàn tham gia cuộc đối thoại mang tính xây dựng với Ủy ban CEDAW để trình bày bản báo cáo, thảo luận về nội dung báo cáo, trao đổi quan điểm về những thách thức trong quá trình thực hiện và đưa ra các khuyến nghị.

- (c) *Các nhận xét kết luận.* Các nhận xét kết luận là các nhận xét và khuyến nghị do Ủy ban CEDAW đưa ra sau khi xem xét các báo cáo của quốc gia thành viên và đối thoại mang tính xây dựng với phái đoàn của quốc gia thành viên. Các nhận xét kết luận này rất cụ thể đối với từng quốc gia. Từ giữa năm 2008 trở về trước, các Nhận xét kết luận được gọi là các Bình luận kết luận.
- (d) *Các khuyến nghị chung.* Các khuyến nghị chung là phần giải thích chính thức của Ủy ban CEDAW về các điều cụ thể trong Công ước hay các vấn đề tạm thời hoặc mới xuất hiện.

Thủ tục hành chính, giải thích và các vấn đề khác (Điều 23-30)

Các điều cuối của CEDAW quy định về những vấn đề liên quan tới thủ tục hành chính và giải thích, bao gồm:

- (a) *Các chuẩn mực tối thiểu.* Điều 23 của CEDAW tuyên bố rằng Công ước này không ảnh hưởng đến luật pháp của các quốc gia thành viên hay hiệp ước có hiệu lực ở một quốc gia mà dẫn tới việc đạt được bình đẳng. Điều này nhấn mạnh rằng CEDAW đưa ra các quy định đối với các chuẩn mực tối thiểu về bình đẳng giới.
- (b) *Bảo lưu.* Điều 28 quy định rằng đề nghị bảo lưu nào không phù hợp với đối tượng và mục đích của CEDAW sẽ không được chấp nhận. Đề nghị bảo lưu là những tuyên bố của các quốc gia thành viên nhằm giới hạn ảnh hưởng về mặt pháp luật hoặc việc áp dụng công ước ở tại quốc gia đề nghị bảo lưu.
- (c) *Trọng tài.* Điều 29 quy định rằng bất cứ tranh cãi nào giữa các quốc gia thành viên xung quanh việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này có thể đệ trình vấn đề tranh cãi lên Tòa án quốc tế để phân xử.

Ủy ban CEDAW và các khuyến nghị chung

Ủy ban CEDAW hiện đã ban hành 26 Khuyến nghị chung:

1. Báo cáo của các quốc gia thành viên (1986)
2. Báo cáo của các quốc gia thành viên (1987)
3. Các chiến dịch giáo dục và thông tin công cộng (1987)
4. Bảo lưu (1987)
5. Các biện pháp đặc biệt tạm thời (1988)
6. Bộ máy quốc gia hiệu quả và Công khai (1988)
7. Các nguồn lực (1988)
8. Thực hiện Điều 8 của Công ước (1988)
9. Số liệu thống kê về tình hình phụ nữ (1989)
10. Kỷ niệm 10 năm thông qua CEDAW (1989)
11. Các dịch vụ cố vấn kỹ thuật về các nghĩa vụ báo cáo (1989)
12. Bạo lực đối với phụ nữ (1989)
13. Trả công bình đẳng cho các công việc có giá trị ngang nhau (1989)
14. Tục cất bỏ âm vật (1990)
15. AIDS (1990)
16. Lao động nữ không được trả công trong các doanh nghiệp gia đình ở nông thôn và thành thị (1991)
17. Các hoạt động không được trả công của phụ nữ trong gia đình (1991)
18. Phụ nữ tàn tật (1991)
19. Bạo lực đối với phụ nữ (1992)
20. Bảo lưu (1992)
21. Bình đẳng trong các quan hệ hôn nhân và gia đình (1994)
22. Sửa đổi Điều 20 (Các cuộc họp của Ủy ban CEDAW) (1995)
23. Đời sống chính trị và công cộng (1997)
24. Phụ nữ và sức khỏe (1999)
25. Các biện pháp đặc biệt tạm thời (2004)
26. Nữ lao động di cư (2008)

Xem toàn văn các Khuyến nghị chung tại:

<http://www2.ohchr.org/english/bodies/cedaw/comments.htm>

Bảng kiểm**Tăng cường hiểu biết về CEDAW**

- ✓ Làm quen với các tài liệu về CEDAW. Đọc nội dung CEDAW, các Khuyến nghị chung và Nhận xét kết luận đối với nước mình.
- ✓ Biết về những cá nhân hay và tổ chức/cơ quan làm việc về CEDAW, có thể bao gồm những ai đã từng được tập huấn về CEDAW, đã từng tham gia vào quá trình báo cáo thực hiện CEDAW hoặc giám sát việc thực hiện CEDAW. Khuyến khích họ chia sẻ kiến thức và học hỏi kinh nghiệm của họ.
- ✓ Tìm các nguồn tài liệu về CEDAW, đặc biệt là những kinh nghiệm về cách sử dụng CEDAW như thế nào để thúc đẩy bình đẳng giới ở nước mình và các nước khác. Hãy đọc hết các tài liệu đó. (Xem **Phụ lục III** về Các nguồn tài liệu nên tham khảo).
- ✓ Tham gia các phiên họp hoặc các chương trình tập huấn về CEDAW để hiểu biết sâu hơn về CEDAW, các đặc điểm, nguyên tắc của CEDAW và việc áp dụng CEDAW trong nước.
- ✓ Yêu cầu đưa nội dung CEDAW vào các cuộc hội thảo hoặc chương trình tập huấn về quyền con người của phụ nữ, bình đẳng giới, quyền con người và các vấn đề khác liên quan tới phụ nữ như sức khỏe, nhà ở hoặc giáo dục.
- ✓ Xác định các hoạt động khác liên quan tới CEDAW ở nước mình và tham gia và các hoạt động đó.
- ✓ Tham vấn với các chuyên gia CEDAW trong nước và quốc tế.

TÌNH HÌNH CỦA PHỤ NỮ VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG THỰC TẾ

CEDAW yêu cầu các quốc gia thành viên ban hành luật để đảm bảo hiện thực hóa các nguyên tắc bình đẳng. Do vậy, hiểu biết về tình hình của phụ nữ và bình đẳng giới trong thực tế là hết sức cần thiết đối với hoạt động nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên CEDAW. Nghĩa là cần nắm vững những vấn đề sau:

- (a) *Các hình thức và biểu hiện của phân biệt đối xử.* Phân biệt đối xử có thể biểu hiện và được trải nghiệm dưới nhiều cách khác nhau. Đó có thể là sự khác biệt, thiệt thòi, hạn chế, loại trừ, bóc lột và thậm chí bạo lực đối với phụ nữ. Phân biệt đối xử thậm chí có thể tự thấy trong việc không thừa nhận, không thực hiện, đòi hay duy trì các quyền.
- (b) *Ai bị phân biệt đối xử?* Câu hỏi này bao gồm việc xác định nạn nhân bị phân biệt đối xử. Để làm được việc này, nếu chỉ đơn thuần xác định phụ nữ là nhóm người bị phân biệt đối xử là chưa đủ. Điều quan trọng là phải xác định các yếu tố và các đặc tính khác tạo nên hoặc làm trầm trọng thêm tình trạng phân biệt đối xử. Luôn phải đặc biệt quan tâm xem liệu các nhóm phụ nữ chịu thiệt thòi này có là đối tượng đặc biệt mà pháp luật, chính sách, chương trình và hoạt động hàng ngày mang tính phân biệt đối xử hướng tới hay không.
- (c) *Ảnh hưởng của phân biệt đối xử.* Cần xác định các quyền bị vi phạm và tác động của sự vi phạm đó. Nghĩa là nhận biết được những ảnh hưởng của phân biệt đối xử trong các lĩnh vực khác nhau (ví dụ: phụ nữ bị tước đoạt quyền thừa kế thì không chỉ bị phân biệt đối xử trong lĩnh vực tài sản mà điều

này còn có thể dẫn tới các khó khăn khác trong việc tiếp cận tín dụng, khởi nghiệp, tham gia vào đời sống chính trị hoặc tiếp tục học cao hơn) cũng như ở các tổ chức (phụ nữ bị phân biệt đối xử trong gia đình thì cũng bị phân biệt đối xử trên cơ sở cấu trúc xã hội tương tự tại nơi làm việc và trong cộng đồng).

- (d) *Nguyên nhân và các yếu tố bổ sung.* Đó là những yếu tố gây ra hoặc góp phần vào phân biệt đối xử đối với phụ nữ. Trong nhiều trường hợp, các yếu tố này được xác định ở nghĩa rộng, ví dụ như nghèo đói, thất nghiệp hoặc toàn cầu hóa. Bất cứ khi nào có thể, cần phải tìm hiểu các yếu tố này càng cụ thể càng tốt để có thể phân tích tình hình được tốt hơn.
- (e) *Can thiệp của Nhà nước.* Các can thiệp này bao gồm pháp luật, chính sách, chương trình, dịch vụ và các hoạt động của Nhà nước và tính hiệu quả của các can thiệp này.
- (f) *Can thiệp ngoài Nhà nước.* Đề cập tới các can thiệp do các tổ chức, cơ quan phi chính phủ thực hiện và tính hiệu quả của các can thiệp này.

LUẬT VÀ XÂY DỰNG LUẬT

Định nghĩa về luật

Luật được định nghĩa là một tập hợp các quy định mang tính bắt buộc về mặt bản chất, do một cơ quan có thẩm quyền phù hợp ban hành để mọi đối tượng điều chỉnh cùng tuân thủ và hưởng lợi.⁸ Theo nghĩa rộng, luật có thể là:

- Hiến pháp;
- Các đạo luật/sắc lệnh do cơ quan lập pháp quốc gia (Nghị viện, Quốc hội hay Đại hội) và cơ quan lập pháp địa phương ban hành;
- Các văn bản do cơ quan hành pháp ban hành (Tổng thống/Chủ tịch nước, Thủ tướng, và các bộ); và
- Các phán quyết của tòa án.

Tuy nhiên, trong hầu hết các hệ thống pháp luật, thuật ngữ “luật” thường để chỉ luật pháp, tức là, các văn bản do cơ quan lập pháp quốc gia ban hành. Luật còn có thể được gọi là đạo luật, bộ luật, điều luật, hoặc chỉ thị.

Mỗi quốc gia đều có quy định riêng về những gì được coi là luật. Ví dụ, ở Việt Nam, luật hoặc “Văn bản pháp luật” được định nghĩa tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật bao gồm:

- (a) Văn bản do Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành.
- (b) Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội
- (c) Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành ở cấp trung ương bao gồm lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết và Nghị định của Chính phủ, quyết định, chỉ thị, và thông tư của các Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, và các quyết định, chỉ thị, và thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
- (d) Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành, như các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, các quyết định và chỉ thị của Ủy ban nhân dân.

⁸ Rufus Rodriguez, Nhập môn pháp luật, Manila, Rex Book Store, 2001. p.2

Hệ thống thứ bậc trong pháp luật

Một số nước có quy định cụ thể về hệ thống thứ bậc trong pháp luật, còn một số nước khác thì không. Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, hệ thống thứ bậc trong pháp luật thường tuân theo những nguyên tắc pháp lý chung quy định về thứ bậc pháp luật như sau:

- (a) *Hiến pháp là luật cao nhất hoặc tối cao của một quốc gia.* Hiến pháp quy định khuôn khổ chung về tổ chức nhà nước, quyền hạn và chức năng của chính phủ, và trong hầu hết các trường hợp quy định cả một số quyền cơ bản của công dân. Không có luật nào của quốc gia được đi ngược lại quy định của Hiến pháp. Nói cách khác, hiến pháp là thước đo chuẩn mực để đánh giá luật.
- (b) *Luật (luật do cơ quan lập pháp quốc gia ban hành) cụ thể hóa trong Hiến pháp.*⁹ Luật phải luôn luôn tuân thủ theo Hiến pháp, nếu không, sẽ bị tuyên bố là không hợp hiến.
- (c) *Văn bản do cơ quan hành pháp ban hành cụ thể hóa nội dung luật* - dù được gọi là quy tắc, quy định, nghị định hành chính hay của của bộ ngành. Các văn bản này phải luôn luôn tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật.
- (d) *Quy định do cơ quan lập pháp địa phương ban hành quy định chi tiết việc áp dụng luật pháp quốc gia trên địa bàn mà cơ quan lập pháp đó quản lý* – đôi khi được gọi là các pháp lệnh. Các quy định này được ban hành trong thẩm quyền và quyền hạn do Hiến pháp hoặc pháp luật trao cho cơ quan lập pháp địa phương. Do đó, các quy định này phải tuân thủ các chuẩn mực đặt ra trong Hiến pháp và pháp luật.
- (e) *Phán quyết của tòa án, ở một số quốc gia, cũng được coi là một phần của hệ thống pháp luật.* Do những phán quyết này là sự diễn giải của luật, nên được ban hành cùng với các điều khoản pháp luật mà phán quyết diễn giải.
- (f) *Các hiệp ước hoặc thỏa ước quốc tế được ký kết bằng văn bản giữa hai hay nhiều Quốc gia, có quan hệ khác nhau với luật pháp quốc gia.* Vị trí chính xác của những văn bản này trong hệ thống thứ bậc của luật quốc gia cũng thay đổi từ vị trí cao hơn hiến pháp, cao hơn luật, hoặc chỉ bình đẳng với luật. Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp, các hiệp ước này không thể trực tiếp được thi hành trừ khi được chuyển tải hoặc đưa vào hệ thống pháp luật quốc gia. Do đó, vị trí của các hiệp ước này trong hệ thống thứ bậc pháp luật chỉ đơn thuần mang ý nghĩa lý thuyết nếu chúng không được viện dẫn hoặc được áp dụng trực tiếp. Khi đã được chuyển tải vào hệ thống pháp luật quốc gia, các hiệp ước này được coi như pháp luật và được áp dụng như pháp luật.

Cấu trúc và nội dung của luật

Thông thường, một luật có thể có những phần sau:

- (a) *Đầu đề.* Thể hiện thông tin về cơ quan ban hành và kỳ họp khi luật được thông qua.
- (b) *Số, ký hiệu của luật.* Là số hiệu được cơ quan có thẩm quyền ban hành đặt cho luật.
- (c) *Tên.* Tên luật thể hiện vấn đề luật quy định.
- (d) *Giải thích hoặc lời tựa.* Phần này trình bày tầm quan trọng và các mục tiêu của luật.
- (e) *Điều khoản ban hành.* Tuyên bố việc ban hành luật và xác định cơ quan ban hành.
- (f) *Nội dung.* Đây là phần chính của luật bao gồm các điều khoản về nội dung, thủ tục, và các điều khoản khác.

⁹Cũng lưu ý là trong một số trường hợp cụ thể, Tổng thống/Chủ tịch nước được quyền ban hành luật trong điều kiện cụ thể, như trong tình hình khẩn cấp hoặc trong các tình hình chuyển giao.

- (g) *Điều khoản bãi bỏ*. Phần này của luật thể hiện những luật hiện hành nào cần được bãi bỏ.
- (h) *Điều khoản hiệu lực*. Tuyên bố ngày luật bắt đầu có hiệu lực.

Nội dung quy định trong luật của mỗi quốc gia là rất khác nhau. Tuy nhiên, trừ khi Hiến pháp có quy định hạn chế hoặc luật khác cao hơn, còn lại các luật khác có thể quy định về bất kỳ vấn đề gì. Luật có thể tuyên bố chính sách của Quốc gia. Luật có thể quy định đảm bảo các quyền cơ bản. Luật có thể quy định các thủ tục và quy trình. Luật có thể quy định việc thiết lập các cơ chế, các cơ quan, và phân chia trách nhiệm. Luật có thể quy định việc giải quyết các khiếu nại. Luật có thể quy định việc áp dụng các chế tài.

Thông qua luật

Các nước khác nhau có trình tự thông qua các dự thảo luật khác nhau. Để có thể tiến hành đánh giá được pháp luật, bạn cần nắm được các quy trình mà các thảo luật được thông qua như thế nào.

Quy trình thông qua dự thảo luật ở Phi-líp-pin

Ở Phi-líp-pin, các luật do cơ quan lập pháp quốc gia thông qua thường phải trải qua ba vòng đọc thẩm định vào các ngày khác nhau tại hai viện của cơ quan lập pháp: Hạ viện và Thượng viện. Quá trình này có thể được mô tả sơ lược như sau:

Lập hồ sơ. Một dự thảo luật được lập hồ sơ và được Ban thư ký cấp số hiệu. Lịch cho việc đọc lần một dự thảo luật được sắp đặt.

Đọc lần một. Trong lần đọc đầu tiên, dự thảo luật được đọc theo số hiệu, tiêu đề, và tác giả.

Chuyển cho ủy ban thích hợp. Sau lần đọc đầu tiên, dự thảo luật được chuyển tới ủy ban thích hợp để xem xét. Ủy ban được giao nhiệm vụ này có thể lập kế hoạch xin ý kiến và tham vấn công khai. Ủy ban có thể quyết định thông qua dự thảo mà có thể sửa đổi hoặc không sửa đổi, yêu cầu thay một bản khác, hợp nhất với các dự thảo khác, hoặc không thông qua. Dự thảo luật sau khi được Ủy ban này thông qua sẽ được đệ trình lên Ủy ban pháp luật để lên lịch cho lần đọc thứ hai.

Lần đọc thứ hai. Dự thảo luật sẽ được đưa ra tranh luận và chỉnh sửa ở phiên họp chung.

In ấn và phân phát. Dự thảo luật hoàn thiện được in ấn và phân phát tới các thành viên của Viện ba ngày trước lần đọc thứ ba.

Lần đọc thứ ba. Trong lần đọc thứ ba, dự thảo luật sẽ được tất cả thành viên của Viện lần lượt biểu quyết.

Chuyển sang Viện còn lại. Dự thảo luật sau khi thông qua tại Thượng hoặc Hạ viện sẽ được chuyển sang viện còn lại và lại trải qua một quy trình tương tự.

Đệ trình dự thảo lên Ủy ban lưỡng viện. Trong trường hợp có những điều khoản mâu thuẫn, cuộc họp lưỡng viện gồm các thành viên từ Hạ viện và Thượng viện sẽ được tổ chức thành lập để hài hòa, những khác biệt đó.

Thông qua. Dự thảo luật sau khi được viện còn lại thống nhất sẽ được gửi lại cả hai viện để thông qua.

Đệ trình Tổng thống. Sau đó dự thảo luật được gửi tới Tổng thống để ký ban hành thành luật. Trừ phi Tổng thống sử dụng quyền phủ quyết, dự thảo sẽ trở thành luật chính thức khi được ký.

Công bố. Để có hiệu lực, luật phải được đăng trên hai tờ báo có số lượng phát hành lớn.

Nguồn: Hiến pháp Philippin, Điều 26-27 và De Leon, Hector, Sách giáo khoa về Hiến pháp Philippin (2005), trang 191-192.

NHỮNG CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ LUẬT VÀ XÂY DỰNG LUẬT

Có thể không nhất thiết bạn phải là một chuyên gia pháp luật mới tiến hành được đánh giá pháp luật theo Công ước CEDAW, nhưng bạn cũng cần hiểu được những kiến thức cơ bản về xây dựng luật ở nước mình. Nếu như bạn không mấy quen thuộc với quy trình xây dựng luật, có thể bạn sẽ đưa ra những thắc mắc, mà đối với các luật sư thì đều đó chẳng có gì lạ, tuy nhiên không phải ai cũng thông tỏ mọi điều. Dưới đây là những câu hỏi về nghiên cứu rà soát pháp luật mà những người không phải là luật sư thường đặt ra..

Hỏi: Có phải tất cả các luật ra đời sau đều phải tuân theo quy định của các luật đang hiện hành hay không?

Không phải. Một cơ quan lập pháp không thể thông qua một luật mà luật đó không thể bị bãi bỏ hoặc sửa đổi. Nếu không việc này sẽ hạn chế quyền hạn xây dựng luật của cơ quan lập pháp nhiệm kỳ tiếp theo. Do đó, các luật ra đời sau có thể điều chỉnh, sửa đổi, hoặc bãi bỏ các luật hiện hành. Luật ra đời sau chỉ phải tuân thủ với Hiến pháp. Tuy nhiên, luật ra đời sau cũng có thể xem xét các luật hiện hành để đảm bảo tính nhất quán.

Ví dụ, Luật lao động và Luật bảo hiểm xã hội của Việt Nam quy định tuổi nghỉ hưu không giống nhau giữa nam và nữ, nghĩa là phụ nữ nghỉ hưu trước 5 năm so với nam giới. Dự thảo luật Bình đẳng giới đã đề xuất quy định tuổi nghỉ hưu như nhau giữa phụ nữ và nam giới. Một trong những ý kiến không nhất trí với quy định này là Luật bình đẳng giới phải phù hợp với các chuẩn mực của Luật lao động và Luật bảo trợ xã hội để đảm bảo sự hài hòa giữa các luật. Tuy nhiên, Luật bình đẳng giới khi được thông qua có thể sửa đổi hoặc điều chỉnh các quy định trong cả hai luật kia.

Hỏi: Nếu hai luật thuộc cùng một thứ bậc trong hệ thống cùng quy định về một chủ đề thì luật nào có hiệu lực cao hơn?

Câu hỏi này dành cho ngành luật giải thích về vị thế và xây dựng luật trả lời. Các quy định chung về các luật có mâu thuẫn nhau (hoặc có điều khoản mâu thuẫn giữa các luật với nhau) mà ở đó không có quy định nào nói về việc luật nào bị bãi bỏ thì trong trường hợp có thể, trước hết phải hài hòa được các luật này để các luật đó có thể có hiệu lực. Ví dụ, nếu một luật quy định chung về vấn đề và một luật quy định ở cấp độ cụ thể, chi tiết thì luật này có thể coi như quy định chi tiết, hướng dẫn, hoặc quy định các trường hợp miễn áp dụng luật chung.

Nếu không thể hài hòa được, thì có một số nguyên tắc giúp quyết định luật nào có hiệu lực cao hơn, đó là:

- Luật ra đời sau có hiệu lực cao hơn luật đã có trước;
- Luật đặc biệt có hiệu lực cao hơn luật chung;¹⁰
- Điều khoản đặc biệt có hiệu lực cao hơn điều khoản chung (cho dù điều khoản đó nằm trong luật đặc biệt hay luật chung và bất kể luật đó được thông qua vào thời gian nào), và
- Luật về trình tự thủ tục không thể sửa đổi luật cụ thể.

Hỏi: Bãi bỏ công khai là gì? Có phải lúc nào cũng cần thiết hay không?

Bãi bỏ công khai là việc vô hiệu hóa một luật có trước đó bằng việc ban hành một luật mới trong đó tuyên bố rằng luật đấy bị bãi bỏ. Còn bãi bỏ ngầm định chỉ có ý nghĩa là khi luật ra đời sau quy định những điều khoản trái ngược và không hài hòa được so với quy định của luật trước, cho nên chỉ có một luật có hiệu

¹⁰ Luật chung là luật có ảnh hưởng toàn bộ cộng đồng, hoặc luật quy định về một chủ đề chung về bản chất, ví dụ như Bộ luật lao động. Luật đặc biệt là luật phục vụ một mục đích cụ thể nào đó (ví dụ: luật chống quấy rối tình dục), hoặc luật dành cho một nhóm người cụ thể nào đó.

lực. Quy tắc chung là tránh không tạo ra những bãi bỏ ngầm định vì có thể sẽ gây ra những sự không rõ ràng sau này. Do đó các quy định hoặc luật bãi bỏ công khai luôn luôn được khuyến khích hơn.

Một ví dụ về bãi bỏ công khai là Điều 50 Luật ngăn chặn buôn bán người và bóc lột tình dục của Cam-pu-chia (2008) trong đó nêu rõ:

“Điều 50: Bãi bỏ luật. Luật ngăn chặn nạn bắt cóc, buôn bán/mua bán người và bóc lột người Số: cs/rkm/0296/01 do Royal Kram ban hành bị bãi bỏ theo quy định của luật này.”

Hỏi: Một luật đã được thông qua từ lâu thì có còn hiệu lực không?

Luật luôn luôn còn hiệu lực trừ khi bị một luật khác bãi bỏ hoặc bị cơ quan có thẩm quyền (ví dụ: cơ quan tư pháp) tuyên bố là không còn hiệu lực. Do đó, kể cả những luật đã ra đời từ rất lâu cũng vẫn còn nguyên hiệu lực.

Hỏi: Nếu một luật hiện không được thực thi thì có còn là luật hay không?

Vẫn là luật, vì việc không được thực thi không làm luật đó mất hiệu lực. Như đã nêu ở trên, một luật luôn luôn còn hiệu lực trừ phi bị cơ quan có thẩm quyền tuyên bố là không còn hiệu lực.

Hỏi: Trong cải cách và vận động pháp luật, tôi nên tập trung vào cải cách Hiến pháp, cải cách luật pháp, cải cách ban hành thi hành luật, hay cải cách pháp lệnh?

Câu trả lời đúng nhất là bạn nên quan tâm tới tất cả các luật có sự phân biệt đối xử, dù đó là Hiến pháp, pháp luật, quy định hành pháp, pháp lệnh. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện/cơ hội, quan trọng là phải lập kế hoạch và xác định rõ việc nội dung nào nào cấp bách hơn cần vận động, có khả năng thành công và có thể đạt được tác động mong muốn cao hơn.

Bảng kiểm

Hiểu quá trình xây dựng luật

Hãy sử dụng bảng kiểm này để nâng cao hiểu biết của bạn về những thách thức và trở ngại trong quá trình thông qua hoặc sửa đổi luật.

- ✓ Rà soát các điều khoản của hiến pháp và pháp luật về việc thông qua luật
- ✓ Tham vấn với một nhà làm luật về quy trình thông qua luật
- ✓ Tìm hiểu cấu trúc và nội dung của một văn bản luật
- ✓ Tham dự các phiên họp của cơ quan lập pháp hoặc tham gia các buổi xin ý kiến công chúng và tham vấn công khai về các dự thảo hoặc để án luật
- ✓ Tìm hiểu điểm can thiệp trong quy trình xây dựng luật (nghĩa là khi nào và làm cách nào để có thể can thiệp được vào quá trình này)
- ✓ Nắm được chương trình xây dựng luật hiện nay (thường chương trình làm việc này do cơ quan lập pháp và các bộ soạn thảo)
- ✓ Nắm được thời điểm ban hành luật mà bạn đang đánh giá (nếu luật đó mới vừa được thông qua không lâu thì sẽ có ít khả năng sửa đổi hoặc bãi bỏ tại thời điểm này)

PHẦN BA:

LẬP KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

Phần này gồm:

- ✓ Xác định mục tiêu, phạm vi, hạn chế, đối tượng mục tiêu, phương pháp và khung thời gian cho việc đánh giá pháp luật theo Công ước CEDAW
- ✓ Ai là những người phù hợp nhất để tiến hành đánh giá pháp luật theo Công ước CEDAW?

Trong quá trình tiến hành rà soát pháp luật, cần xây dựng kế hoạch rõ ràng trước khi bắt đầu công việc. Khi lập kế hoạch rà soát, bạn hãy cân nhắc các nội dung sau:

- Mục tiêu.* Xác định các mục tiêu cụ thể của hoạt động rà soát pháp luật. Mục tiêu càng rõ ràng bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Điều quan trọng là bạn cần biết mình muốn đạt được gì trong nghiên cứu rà soát pháp luật này. (Xem **Phần 1: Mục đích của việc rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW** có thể tham khảo làm mục tiêu nghiên cứu của bạn).
- Phạm vi (lĩnh vực hoặc nội dung cần rà soát).* Bạn cần xác định sẽ tiến hành rà soát pháp luật toàn diện hay chuyên đề. Rà soát toàn diện có nghĩa là đánh giá mức độ tuân thủ trên tất cả các lĩnh vực có ảnh hưởng đến bình đẳng giới, như các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, hoặc văn hóa. Nghĩa là xem xét tất cả các điều khoản cụ thể của Công ước CEDAW (từ Điều 1 đến Điều 16). Còn rà soát chuyên đề có nghĩa là đánh giá mức độ tuân thủ trong một số lĩnh vực/chủ đề lựa chọn (ví dụ: việc làm, hôn nhân và gia đình, tham chính) hoặc đánh giá từng điều của Công ước CEDAW (ví dụ: Điều 12 về sức khỏe).
- Phạm vi (các luật liên quan).* Bạn cũng cần xác định sẽ rà soát những văn bản pháp luật nào. Bạn sẽ chỉ rà soát các luật do cơ quan lập pháp ban hành, hay tất cả các văn bản pháp luật (tất cả các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan lập pháp, hành pháp, và tư pháp ban hành)? Bạn sẽ rà soát văn bản pháp luật của tất cả các cấp hay chỉ rà soát các luật được ban hành ở cấp quốc gia? (Xem Xác định phạm vi rà soát pháp luật (Các luật liên quan) ở phần sau để có thêm thông tin về vấn đề này).
- Nhóm đối tượng mục tiêu.* Cần có hiểu biết về nhóm đối tượng mục tiêu cho việc rà soát pháp luật. Đó là những người vận động vì quyền của phụ nữ, các học giả, chuyên gia, quan chức chính phủ, các nhà lập pháp, hay quần chúng nói chung? Xác định nhóm đối tượng mục tiêu giúp bạn xác định được ngôn ngữ và cách trình bày phù hợp (ví dụ: sử dụng ngôn từ đơn giản hay chuyên ngành?)
- Thời gian.* Nghiên cứu rà soát pháp luật đòi hỏi phải có thời gian thực hiện. Hãy xác định khung thời gian thực tế.
- Người viết và người chấp bút.* Những người tham gia thực hiện nghiên cứu rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW có thể là cán bộ chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan độc lập, hoặc một nhóm chuyên gia từ các ngành khác nhau. Dù là ai tham gia rà soát đi chăng nữa thì điều quan trọng là họ phải có chuyên môn về Công ước CEDAW, luật pháp, và hiểu tình hình thực tế về bình đẳng giới và phụ nữ. (Xem Ai là người phù hợp nhất để tiến hành Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW ở phần sau.)
- Hạn chế.* Luật pháp chỉ là một trong các biện pháp để đảm bảo việc tuân thủ Công ước CEDAW. Một số các nghĩa vụ theo Công ước CEDAW có thể được thực thi tốt hơn thông qua các biện pháp ở cấp độ chính sách và chương trình can thiệp, hoặc thông qua việc thi hành luật. Do đó, nghiên cứu rà soát pháp luật và cải cách pháp luật chỉ có thể để cập một hình thức/ biện pháp mà Nhà nước phải thực hiện để xóa bỏ phân biệt đối xử về giới.

(h) *Phương pháp*. Rà soát pháp luật chủ yếu được thực hiện thông qua phương pháp nghiên cứu tài liệu. Ngoài ra, việc tổ chức hội thảo, gặp gỡ với những người làm việc về quyền phụ nữ để cùng nhau xác định những chỉ số pháp luật và khuyến nghị quan trọng, cũng như để xác thực các kết quả nghiên cứu rà soát pháp luật, là một biện pháp bổ sung rất tốt. Chuyên môn và kinh nghiệm của họ sẽ làm phong phú thêm kết quả nghiên cứu. Cũng nên tham vấn với phụ nữ, đặc biệt là những người sẽ chịu tác động của những khuyến nghị từ nghiên cứu rà soát.

Một trong những thách thức cần quan tâm trong việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu là khả năng tiếp cận hạn chế với các văn bản luật hoặc thiếu dữ liệu về những tác động của các điều khoản, quy định của pháp luật. Kể cả khi có những thông tin này, thì thông tin chưa chắc đã được tách biệt về giới tính hoặc phân tích về giới.

Xác định phạm vi rà soát pháp luật (các luật có liên quan)

Hãy trả lời những câu hỏi dưới đây và xem xét các gợi ý khi xác định phạm vi nghiên cứu rà soát.

Lĩnh vực hoặc chủ đề rà soát

Hỏi: Nghiên cứu rà soát pháp luật mà bạn thực hiện là **a) toàn diện**, hay **b) chuyên đề**.

- Nếu câu trả lời là **a**, cần đánh giá tất cả các luật.
- Nếu câu trả lời là **b**, chỉ đánh giá những luật quy định về lĩnh vực được lựa chọn để nghiên cứu

Ví dụ: Việt Nam đã tiến hành rà soát pháp luật toàn diện, theo đó, hơn 200 văn bản luật quy định về 18 lĩnh vực khác nhau có liên quan đến các điều của Công ước CEDAW đã được đánh giá.

Cấp độ rà soát

Hỏi: Mục tiêu của nghiên cứu là **a) đánh giá pháp luật quốc gia**, hay **b) chỉ đánh giá văn bản quy phạm pháp luật địa phương** (ví dụ: từ cấp tỉnh xuống tới cấp thôn bản).

- Nếu câu trả lời là **a**, chỉ xem xét các luật ở cấp quốc gia.
- Nếu câu trả lời là **b**, cần xem xét cả các luật ở cấp quốc gia và địa phương.

Mức độ hoàn thiện của pháp luật

Hỏi: Luật pháp nước bạn **a) có bao gồm tất cả các chuẩn mực nên chính các luật này đã hoàn thiện rồi**, hay **b) các luật cần được các văn bản hành pháp hoặc tư pháp để hoàn thiện và bổ sung**.

- Nếu câu trả lời là **a**, chỉ cần tập trung vào các văn bản luật là đủ
- Nếu câu trả lời là **b**, cần xem xét cả các văn bản hành pháp và tư pháp để có được bức tranh toàn diện

Hiệu lực của luật

Hỏi: Các văn bản do cơ quan hành pháp ban hành có hiệu lực ngang với các văn bản do cơ quan lập pháp ban hành hay không?

- Nếu câu trả lời là **có** thì nên rà soát cả những văn bản do cơ quan hành pháp ban hành.

Ai là người phù hợp nhất để tiến hành nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW?

Đã có nhiều ý kiến tranh luận ai là người phù hợp nhất để tiến hành nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW. Việc đề này cũng tùy thuộc vào bối cảnh của từng quốc gia. Tuy nhiên, chúng ta cần nắm được những ưu, nhược điểm của chủ thể này so với chủ thể kia.

Dưới đây là danh sách ngắn về các chủ thể có thể tham gia nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW, những ưu điểm và hạn chế của từng bên, và một số đề xuất để xử lý những hạn chế đó.

<p>Chính phủ Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW có thể do Chính phủ thực hiện. Trong hầu hết các trường hợp, Bộ Tư pháp hoặc cơ quan về phụ nữ cấp quốc gia sẽ chủ trì hoặc trực tiếp tiến hành rà soát.</p>	
<p>Ưu điểm Vi đây là sáng kiến của Chính phủ nên Chính phủ sẽ chủ động tích cực trong quá trình này. Chính phủ cũng dễ công nhận kết quả của nghiên cứu và hành động để thực hiện các khuyến nghị.</p>	<p>Nhược điểm Dù được tiếp nhận, nhưng những nghiên cứu rà soát pháp luật do Chính phủ thực hiện đôi khi bị coi là không khách quan, tự khen, hoặc còn ‘mềm mỏng’ với Chính phủ.</p>
<p>Đề xuất Để giải quyết những nhược điểm kể trên, Chính phủ có thể tham vấn với các tổ chức phi chính phủ và đưa quan điểm của họ vào báo cáo rà soát. Chính phủ cũng có thể lập ra một ban cố vấn hoặc ban chuyên gia liên ngành để hỗ trợ kỹ thuật và giám sát.</p>	
<p>Các tổ chức phi chính phủ Các tổ chức phi chính phủ có thể tự mình tiến hành các hoạt động nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW.</p>	
<p>Ưu điểm Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW do các tổ chức phi chính phủ thực hiện có thể bổ trợ cho các sáng kiến của Chính phủ hoặc tập trung vào các vấn đề Chính phủ bỏ qua. Ở nhiều quốc gia, các tổ chức phi chính phủ tập trung nhiều hơn tới các vấn đề xảy ra trong thực tiễn và thường phản ánh tốt lĩnh vực này. Các tổ chức phi chính phủ cũng dễ dàng lồng ghép hoạt động vận động pháp luật trong kế hoạch của mình vào các đề xuất trong báo cáo rà soát.</p>	<p>Nhược điểm Ở những quốc gia nơi các tổ chức phi chính phủ và Chính phủ chưa phối hợp được với nhau, nghiên cứu rà soát pháp luật do tổ chức phi chính phủ thực hiện có thể bị coi là định kiến và phê phán thái quá. Chính phủ có thể từ chối công nhận kết quả đánh giá. Ngoài ra, do chính phủ không tham gia hoặc tham gia rất ít vào quá trình đánh giá nên chưa thấy quyền sở hữu của Nhà nước trong hoạt động này.</p>
<p>Đề xuất Để xử lý những nhược điểm kể trên, có thể thông tin sớm về việc nghiên cứu rà soát cho đại diện cơ quan chính phủ và khuyến khích họ chia sẻ thông tin với nhóm nghiên cứu. Cán bộ chính phủ cũng có thể được mời tư vấn về cách làm sao cho Chính phủ có thể có được quyền sở hữu của mình. Ngoài ra cũng có thể có những hoạt động chung về CEDAW để tăng cường hiểu biết về các chuẩn mực của Công ước này, và coi đó là hoạt động xây dựng lòng tin giữa chính phủ và các tổ chức phi chính phủ. Nếu có thể, các tổ chức phi chính phủ cần cố gắng đạt được cam kết ủng hộ của Chính phủ đối với kết quả/ phát hiện của rà soát pháp luật ngay từ giai đoạn đầu.</p>	

Các cơ quan bên ngoài

Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW cũng có thể được nhóm cơ quan bên ngoài tiến hành, ví dụ như các cơ quan LHQ hoặc các tổ chức quốc tế khác.

Ưu điểm

Nghiên cứu này sẽ mang ý nghĩa đánh giá độc lập. Ở một số quốc gia, do các quy định hạn chế của Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ trong nước không đưa ra những phân tích đánh giá mang tính phê phán. Do đó, các nghiên cứu của cơ quan bên ngoài có thể 'giải quyết hạn chế' bằng cách cung cấp báo cáo tham khảo về tình hình của quốc gia đó.

Nhược điểm

Nếu như không có sự ủng hộ mạnh mẽ của các đối tác trong nước, nghiên cứu này có thể vấp phải khó khăn là một bộ phận của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ trong nước không coi đó là kết quả đánh giá là của mình.

Đề xuất

Để xử lý những nhược điểm kể trên, hãy tổ chức tham vấn với các đối tác chính phủ và phi chính phủ về Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW. Cần tiếp nhận một cách cởi mở những đề xuất và tư vấn của họ. Nếu có thể, cố gắng đạt được cam kết ủng hộ của họ đối với kết quả nghiên cứu.

Nhóm hỗn hợp

Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW có thể do một nhóm hỗn hợp tiến hành. Đại diện của các cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ, chuyên gia, và những người khác có thể tham gia vào hoạt động này.

Ưu điểm

Cách này cho phép có sự tham gia của nhiều thành phần khác nhau trong nhóm. Như vậy, các bên đều có ý thức Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW là công việc của mình và kết quả là của mình.

Nhược điểm

Tùy thuộc vào mức độ năng động của các thành viên tham gia, phương pháp này có thể dẫn tới bất đồng ý kiến hoặc phải thỏa hiệp do có nhiều ưu tiên khác nhau. Nếu không có sự điều phối thích hợp, thì nó có thể làm giảm mức độ tin cậy và chuẩn mực của Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW.

Đề xuất

Xem **Những quan ngại trong việc đánh giá mức độ tuân thủ và các đề xuất biện pháp xử lý**, trong **Phần 4, Bước 6** để xử lý những nhược điểm đề cập ở dưới đây.

PHẦN BỐN:

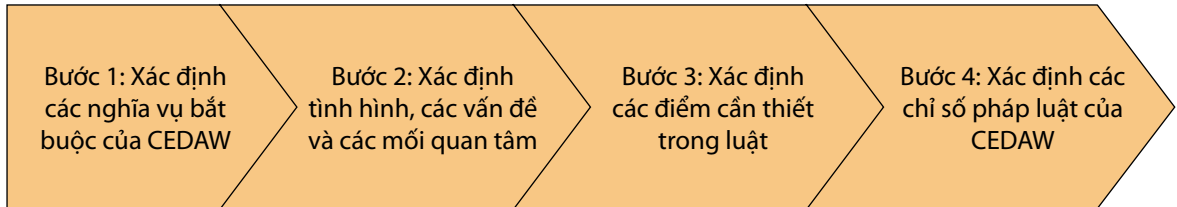
KHUNG NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

Phần này gồm:

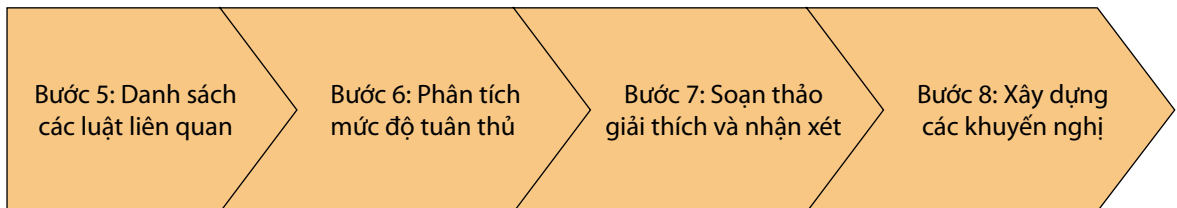
- ✓ Khung Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW (khung đánh giá)
- ✓ Xây dựng các chỉ số pháp luật
- ✓ Xác định mức độ tuân thủ và các khuyến nghị

Sau khi lập kế hoạch kỹ lưỡng cho nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW, bạn có thể bắt tay vào việc. Có hai bước chính khi tiến hành một Nghiên cứu rà soát pháp luật, mỗi bước có các bước nhỏ như sau:

1. Xây dựng các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW



2. Xác định mức độ tuân thủ và đưa ra các đề xuất



→ Trong phần này, mỗi bước sẽ được giải thích và minh họa qua các ví dụ. Những ví dụ này chỉ mang tính minh họa và không phải là quy tắc.

KHUNG NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW (KHUNG ĐÁNH GIÁ)

Trước khi bắt đầu, bạn cần quyết định cách trình bày nội dung thông tin của nghiên cứu rà soát pháp luật

- (a) dưới hình thức diễn giải;
- (b) dưới hình thức bảng biểu/ma trận; hoặc
- (c) kết hợp cả diễn giải và ma trận.

Phương án 1: Hình thức diễn giải

Lợi thế của hình thức diễn giải là có thể trình bày khối lượng lớn thông tin trong báo cáo nghiên cứu. Hình thức này cũng cho phép nhóm soạn thảo nội dung trình bày quá trình phân tích đã diễn ra như thế nào. Tuy nhiên, nhược điểm của hình thức này là báo cáo có thể sẽ rất dài và người đọc không thể đọc nhanh toàn bộ khung đánh giá được.

Phương án 2: Hình thức ma trận/bảng biểu

Lợi thế của hình thức ma trận/bảng biểu này là thể hiện được rõ từng bước gắn với tiếp theo như thế nào. Hình thức này buộc người viết phải viết ngắn gọn súc tích. Hình thức này giúp người đọc dễ dàng lướt lướt toàn bộ kết quả. Tuy nhiên nhược điểm của hình thức ma trận là cung cấp ít thông tin chi tiết và ít diễn giải hơn, đòi hỏi người đọc phải hiểu được quá trình đánh giá và nội dung khuyến nghị.

Phương án 3: Kết hợp giữa diễn giải và ma trận/bảng biểu

Ưu điểm của phương án kết hợp này là cộng gộp lợi thế của diễn giải và ma trận/bảng biểu. Nhược điểm của hình thức này là nội dung có thể bị trùng lặp. Thường thì, nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW sử dụng hình thức diễn giải kết hợp với ma trận/biểu bảng trình bày tóm tắt các kết quả. Đây là phương án tối ưu nếu thời gian cho phép.

Dưới đây là minh họa của bảng ma trận.

Xây dựng các Chỉ số Nghiên cứu rà soát pháp luật theo CEDAW				Xác định mức độ tuân thủ và khuyến nghị			
Bước 1 Các nghĩa vụ theo CEDAW	Bước 2 Tình hình, các vấn đề, và các mối quan tâm	Bước 3 Các điểm cần có trong luật	Bước 4 Chỉ số rà soát pháp luật theo CEDAW	Bước 5 Các luật liên quan	Bước 6 Mức độ tuân thủ	Bước 7 Giải thích và bình luận	Bước 8 Khuyến nghị

CÁC CHỈ SỐ PHÁP LUẬT CỦA CEDAW

Các chỉ số là gì?

Các chỉ số là các công cụ đo lường. Các chỉ số giúp đo lường mức độ tuân thủ với một tiêu chuẩn cụ thể hoặc tiến độ thực hiện một mục tiêu nhất định.

Các chỉ số pháp luật là gì?

Các chỉ số pháp luật là các chỉ số tập trung vào việc đo lường mức độ tuân thủ pháp luật trong một khuôn khổ xác định.

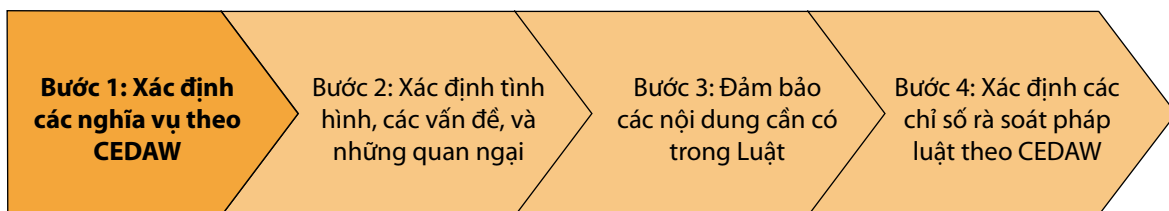
Các chỉ số CEDAW là gì?

Các chỉ số CEDAW đơn thuần là những chỉ số đo lường mức độ tuân thủ trong hành động hoặc bỏ qua hành động của quốc gia thành viên đối với Công ước CEDAW. Những chỉ số này sử dụng CEDAW làm khung để phân tích xem liệu các biện pháp của quốc gia thành viên có tuân thủ CEDAW và các nguyên tắc chính (bình đẳng thực chất, không phân biệt đối xử và nghĩa vụ quốc gia), các Khuyến nghị chung và các Nhận xét kết luận hay không.

Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW là gì?

Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW đo lường mức độ tuân thủ của pháp luật với Công ước CEDAW. Các chỉ số này rất hữu ích trong nghiên cứu rà soát pháp luật vì chúng đưa ra những chuẩn mực mà dựa vào đó có thể đo lường mức độ tuân thủ hoặc tiến độ thực hiện.

XÂY DỰNG CÁC CHỈ SỐ PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW



Bây giờ chúng ta đã sẵn sàng bắt đầu tiến hành nghiên cứu rà soát pháp luật. Bước đầu tiên trong việc xây dựng các chỉ số pháp luật CEDAW được tiến hành như sau:

1. Xác định các nghĩa vụ hoặc nhiệm vụ do CEDAW quy định trong (các) chủ đề hoặc (các) điều đã chọn.

Việc xác định các nghĩa vụ này được thực hiện thông qua nghiên cứu 3 văn bản chính sau đây:

- Công ước CEDAW
- Các khuyến nghị chung
- Nhận xét kết luận của Ủy ban CEDAW đối với nước mình

Các văn bản này cần phải được nghiên cứu trên cơ sở các nguyên tắc chính về bình đẳng thực chất, không phân biệt đối xử và nghĩa vụ quốc gia. Ngoài ra, Các Điều từ 6 đến 16 của CEDAW phải luôn được xem xét cùng với các nghĩa vụ chung của quốc gia thành viên quy định tại Điều 1-5 và Điều 24.

2. Trình bày thông tin có hệ thống.

Tùy thuộc vào mục đích của nghiên cứu rà soát, thông tin thu thập được phải được bố cục theo ba cách sau:

Phương án 1: Toàn bộ nội dung văn bản

Nghĩa là trích dẫn toàn văn nội dung của CEDAW, các Khuyến nghị chung và Nhận xét kết luận.

- Ưu điểm: Người đọc có thể lập tức thấy các nghĩa vụ quốc gia mà không cần tìm đọc tài liệu khác. Hơn nữa, việc này cũng giúp dễ dàng nêu đúng từ ngữ của các điều khoản.
- Nhược điểm: việc liệt kê các nghĩa vụ có thể rất dài và bị trùng lặp.

Phương án 2: Trích dẫn vắn tắt

Là trích dẫn nội dung của CEDAW, các Khuyến nghị chung và Nhận xét kết luận theo dạng vắn tắt. Thay vì đưa vào nguyên văn thì chỉ trích dẫn những điều hoặc đoạn cụ thể, (ví dụ: Điều 5 của CEDAW hay đoạn 5 của Khuyến nghị chung 24). Các tài liệu liên quan có thể được bổ sung ở phần phụ lục.

- Ưu điểm: Cách làm này có thể tránh các đoạn văn bản dài và trùng lặp.
- Nhược điểm: người đọc không thấy được ngay nội dung cụ thể các nghĩa vụ CEDAW. Việc liên tục tham khảo và đối chiếu giữa phần nghiên cứu rà soát và phần phụ lục làm mạch đọc bị ngắt quãng.

Phương án 3: Tóm tắt theo chủ đề

Có nghĩa là tóm tắt các điểm chính của CEDAW, các Khuyến nghị chung và Nhận xét kết luận theo các chủ đề và trích dẫn văn bản tương ứng.

- Ưu điểm: cách trích dẫn này có thể tránh được các đoạn văn bản dài và trùng lặp. Ngoài ra, người đọc lập tức có thể nhìn thấy những điểm chính của các nghĩa vụ CEDAW.
- Nhược điểm: Cách này đòi hỏi nhiều thời gian và nỗ lực hơn vì phải tổng hợp các nội dung của CEDAW, các Khuyến nghị chung và Nhận xét kết luận.

Việc bạn chọn phương án nào hoặc kết hợp các phương án nào với nhau còn tùy thuộc vào mục đích của nghiên cứu rà soát và đối tượng độc giả mà bạn hướng tới. Việc tham vấn với đối tượng độc giả mục tiêu và các chuyên gia sẽ giúp cho bạn lựa chọn được phương án tốt nhất.

Ví dụ: khi soạn thảo nghiên cứu rà soát các văn bản pháp luật Việt Nam,¹¹ một trong những tranh luận ban đầu là lựa chọn phương án nào để trình bày các nghĩa vụ theo CEDAW. Các cuộc tham vấn với đối tượng hưởng lợi, chủ yếu là các cán bộ soạn thảo pháp luật ở các Bộ ngành Chính phủ và Quốc hội đã cho thấy nhu cầu của họ là cần trực tiếp đọc Công ước CEDAW, các Khuyến nghị chung và Nhận xét kết luận quy định được nêu như thế nào trong từng chủ đề liên quan. Kết quả tham vấn cho thấy việc đọc trực tiếp nội dung Công ước CEDAW giúp cho các cán bộ này dễ dàng hiểu các nghĩa vụ và thuyết phục các cán bộ soạn thảo pháp luật tức. Do đó, trong ba phương án, họ đã chọn Phương án 1.

Minh họa Bước 1

Nếu lấy **bạo lực gia đình** làm chủ đề nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên CEDAW, thì dưới đây là phần minh họa cho Bước 1. Xem ví dụ 1 ở trang sau.

¹¹ Nghiên cứu rà soát này có tên: CEDAW và pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW.

Ví dụ 1: Minh họa các phương án trình bày Bước 1 theo các cách khác nhau (xác định các nghĩa vụ theo CEDAW) lấy chủ đề Bạo lực gia đình làm ví dụ nghiên cứu rà soát

Phương án 1: Toàn văn	Phương án 2: Trích dẫn vắn tắt	Phương án 3: Tóm tắt theo chủ đề
<p>Điều 1 Trong phạm vi Công ước này, thuật ngữ “phân biệt đối xử với phụ nữ” bao hàm bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính làm ảnh hưởng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hoá việc phụ nữ được công nhận, thụ hưởng, hay thực hiện các quyền con người và những tự do cơ bản trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự và các lĩnh vực khác trên cơ sở bình đẳng nam nữ bất kể tình trạng hôn nhân của họ như thế nào</p> <p>Điều 2 Các quốc gia thành viên lên án sự phân biệt đối xử với phụ nữ thể hiện dưới mọi hình thức, đồng ý áp dụng mọi biện pháp thích hợp và không chậm trễ đưa ra chính sách loại trừ phân biệt đối xử với phụ nữ, và cuối cùng tiến hành: (a) Thể hiện nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong Hiến pháp quốc gia hoặc các văn bản pháp luật thích hợp khác nếu nguyên tắc này chưa được đưa vào và bảo đảm việc thực thi nguyên tắc này trong thực tế bằng pháp luật và các biện pháp thích hợp khác; (b) Thông qua các biện pháp lập pháp và những biện pháp thích hợp khác, kể cả việc trừng phạt trong những trường hợp cần thiết nhằm ngăn cấm mọi sự phân biệt đối xử với phụ nữ; (c) Thiết lập cơ chế bảo vệ mang tính pháp lý các quyền của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng với nam giới và thông qua các toà án quốc gia có thẩm quyền và các cơ quan nhà nước khác để bảo vệ phụ nữ một cách có hiệu quả chống lại mọi hành động phân biệt đối xử; (d) Không tiến hành bất kỳ hành động hoặc hoạt động nào có tính chất phân biệt đối xử với phụ nữ và bảo đảm rằng các cấp chính quyền và cơ quan nhà nước sẽ hành động phù hợp với nghĩa vụ này; (e) Áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ do bất kỳ cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp nào tiến hành; (f) Áp dụng mọi biện pháp thích hợp, kể cả những biện pháp pháp luật, nhằm sửa đổi hoặc xoá bỏ mọi điều khoản, quy định, tập quán và thực tiễn hiện đang tồn tại mang tính chất phân biệt đối xử với phụ nữ; (g) Huỷ bỏ mọi điều khoản trong pháp luật hình sự quốc gia có phân biệt đối xử với phụ nữ.</p> <p>Điều 5 Các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm: (a) Sửa đổi khuôn mẫu văn hoá, xã hội về hành vi của nam giới và nữ giới nhằm xoá bỏ các thành kiến, phong tục tập quán và các thói quen khác dựa trên tư tưởng cho giới này là hơn, giới kia là kém, hoặc dựa trên những kiểu mẫu rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ; (b) Bảo đảm giáo dục về gia đình phải bao gồm sự hiểu biết đầy đủ về vai trò làm mẹ với tư cách là chức năng xã hội và thừa nhận trách nhiệm chung của cả nam giới và nữ giới trong việc nuôi dạy và phát triển con cái, lợi ích của con cái phải được nhận thức rõ là ưu tiên hàng đầu trong mọi trường hợp.</p>	<p>CEDAW, Điều 1, 2, 5 và 16 Khuyến nghị chung 19, các Đoạn 1,6, 23 và 24 (b, c, f, i, k, r, s, t, u và v) Nhận xét kết luận về quốc gia, nếu có thể.</p>	<p>Định nghĩa và phạm vi Điều 1, 2 (b, c, d, e), 5 và 16; Khuyến nghị chung 19, Đoạn 1, 6, và 23; và Nhận xét kết luận về quốc gia, nếu có thể Bạo lực trên cơ sở giới là một hình thức phân biệt đối xử gây cản trở nghiêm trọng tới khả năng thụ hưởng bình đẳng các quyền và tự do của phụ nữ. Bạo lực trên cơ sở giới bao gồm các hành vi gây ra những tổn thương hoặc chịu đựng về thể chất, tinh thần, hoặc tình dục, cũng như việc đe dọa sử dụng những hành vi này, ép buộc, và các hình thức tước đoạt tự do khác. Bạo lực gia đình là một dạng của bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm đánh đập, hăm hiếp, các loại tấn công tình dục, bạo lực tinh thần và các hình thức bạo lực khác, thiếu sự độc lập về kinh tế, và rũ bỏ trách nhiệm gia đình. Bảo vệ và Hỗ trợ Điều 2 (b, c, d, e); Khuyến nghị chung 19, Đoạn 24 (b, f, i, k, o, q, r, và t); và Nhận xét kết luận về quốc gia, nếu có thể CEDAW yêu cầu các quốc gia: (a) áp dụng những biện pháp trừng phạt nhằm nghiêm cấm phân biệt đối xử, bao gồm án phạt hình sự; (b) thiết lập sự bảo vệ về pháp luật và bảo đảm sự bảo vệ có hiệu quả chống lại phân biệt đối xử; (c) đảm bảo các cơ quan công quyền không có hành động phân biệt đối xử; (d) xoá bỏ phân biệt đối xử do bất kỳ cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp nào tiến hành; (e) có các cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại, bao gồm bồi thường; (f) cung cấp các dịch vụ bảo vệ và hỗ trợ thích hợp dành cho nạn nhân, bao gồm nơi tạm lánh, các nhân viên y tế được huấn luyện đặc biệt, dịch vụ phục hồi và tư vấn;</p>

<p>Điều 16 Các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ trong mọi vấn đề liên quan đến hôn nhân, gia đình và đặc biệt, trên cơ sở bình đẳng nam nữ.</p> <p>Khuyến nghị chung 19</p> <p>1. Bạo lực trên cơ sở giới là một hình thức phân biệt đối xử ngăn cản nghiêm trọng khả năng của phụ nữ được hưởng các quyền và sự tự do trên cơ sở bình đẳng với nam giới.</p> <p>6. Điều 1 của Công ước đã định nghĩa phân biệt đối xử chống lại phụ nữ. Định nghĩa về sự phân biệt đối xử bao gồm cả bạo lực dựa trên cơ sở giới, nghĩa là bạo lực chống lại một phụ nữ vì người đó là phụ nữ, hoặc bạo lực gây ra tác động lớn đối với phụ nữ. Nó bao gồm những hành động gây ra tổn hại về thân thể, tinh thần, tình dục hoặc gây ra đau khổ, các lời đe dọa tiến hành những hành động như vậy, sự ép buộc và các hành động tước đoạt tự do khác. Bạo lực dựa trên cơ sở giới có thể vi phạm các điều khoản cụ thể của Công ước, cho dù các điều khoản đó có nhắc đến từ bạo lực một cách rõ ràng hay không.</p> <p>23. Bạo lực gia đình là một trong những hình thức âm ỉ nhất của bạo lực chống lại phụ nữ. Nó phổ biến trong mọi xã hội. Trong những mối quan hệ gia đình, phụ nữ thuộc tất cả các lứa tuổi phải chịu đựng tất cả những hình thức bạo lực, kể cả đánh đập, hăm hiếp, các hình thức tấn công về tình dục, bạo lực về tinh thần và những hình thức bạo lực khác kéo dài dai dẳng vì các thái độ cố hữu. Việc thiếu độc lập về kinh tế buộc nhiều phụ nữ phải chịu đựng các quan hệ bạo lực. Việc nam giới rũ bỏ trách nhiệm của họ trong gia đình, ép buộc cũng có thể là một hình thức bạo lực. Các hình thức bạo lực này là nguy cơ đối với sức khỏe của phụ nữ và làm suy giảm khả năng của phụ nữ tham gia một cách bình đẳng vào đời sống gia đình và đời sống cộng đồng.</p> <p>24. Căn cứ vào những bình luận trên, Ủy ban Xóa bỏ Phân biệt đối xử đối với phụ nữ khuyến nghị:</p> <p>(b) Các quốc gia thành viên cần bảo đảm có những văn bản pháp luật chống lại bạo lực gia đình và lạm dụng, hăm hiếp, tấn công về tình dục và các hình thức bạo lực trên cơ sở giới khác, có yêu cầu bảo vệ phụ nữ một cách toàn diện, tôn trọng sự toàn vẹn và nhân phẩm của họ. Cần có các dịch vụ bảo vệ và hỗ trợ thích hợp cho các nạn nhân. Tiến hành tập huấn có nhạy cảm giới cho các cán bộ tư pháp và hành pháp và các quan chức công quyền khác là hết sức cần thiết hiệu quả Công ước;</p> <p>(c) Các quốc gia thành viên cần khuyến khích việc tập hợp những thống kê, nghiên cứu về phạm vi, nguyên nhân, hậu quả của bạo lực về tính hiệu quả của các biện pháp nhằm ngăn ngừa và giải quyết nạn bạo lực;</p> <p>(f) Cần tiến hành những biện pháp hiệu quả để khắc phục các thái độ, tập quán này. Các quốc gia cần thực hiện những chương trình giáo dục và thông tin công cộng nhằm góp phần loại bỏ các thành kiến gây cản trở cho sự bình đẳng của phụ nữ (Khuyến nghị số 3 năm 1987);</p> <p>(i) Cần có các cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại, bao gồm bồi thường;</p> <p>(k) Các quốc gia thành viên cần thiết lập hoặc hỗ trợ cho các dịch vụ dành cho nạn nhân bị bạo lực gia đình, bị hăm hiếp, tấn công về tình dục và các hình thức bạo lực giới khác, bao gồm nơi tạm lánh, các nhân viên y tế được huấn luyện đặc biệt, dịch vụ phục hồi và tư vấn;</p>	<p>(g) cung cấp các chương trình phục hồi cho thủ phạm; và</p> <p>(h) các dịch vụ hỗ trợ cho các gia đình đã xảy ra hành vi loạn luân và lạm dụng tình dục;</p> <p>Sắp xếp về mặt tổ chức Điều 2 (c, d, e) và 5; Khuyến nghị chung 19, Đoạn 24 (b, c, f, s, u và v); và Nhận xét kết luận về quốc gia, nếu có</p> <p>CEDAW yêu cầu các quốc gia:</p> <p>(a) thiết lập sự bảo vệ về phát triển và đảm bảo sự bảo vệ hiệu quả chống lại phân biệt đối xử;</p> <p>(b) đảm bảo rằng các cơ quan công quyền không có hành động phân biệt đối xử;</p> <p>(c) xóa bỏ phân biệt đối xử do bất kỳ cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp nào tiến hành;</p> <p>(d) tiến hành tập huấn có nhạy cảm giới cho các cán bộ tư pháp và hành pháp và các quan chức công quyền khác là điều thiết yếu để thực hiện có hiệu quả Công ước</p> <p>(e) soạn thảo số liệu thống kê và nghiên cứu về bạo lực gia đình</p> <p>(f) thiết lập các biện pháp nhằm khắc phục những thái độ và tập quán thông qua các chương trình giáo dục và thông tin công cộng nhằm xóa bỏ phân biệt đối xử.</p>
---	--

(o) Các quốc gia thành viên cần đảm bảo rằng phụ nữ nông thôn cũng có thể tiếp cận được những dịch vụ dành cho nạn nhân bị bạo lực và ở những nơi cần thiết, các dịch vụ đặc biệt được cung cấp cho những cộng đồng xa xôi hẻo lánh;

(q) Các quốc gia thành viên cần báo cáo về những nguy cơ đối với phụ nữ nông thôn, phạm vi và tính chất của bạo lực và lạm dụng mà họ phải chịu đựng, nhu cầu và sự tiếp cận của họ với dịch vụ hỗ trợ, các dịch vụ khác, và hiệu quả của những biện pháp khắc phục bạo lực;

(r) Các biện pháp cần thiết để khắc phục bạo lực gia đình cần bao gồm:
 Những xử phạt hình sự khi cần thiết và các biện pháp khắc phục về dân sự trong trường hợp bạo lực gia đình;
 Pháp luật nhằm xóa bỏ rào cản về danh dự trong trường hợp thành viên nữ trong gia đình bị tấn công hay sát hại;
 Các dịch vụ đảm bảo sự an toàn và an ninh cho các nạn nhân bạo lực gia đình, bao gồm nơi tạm lánh, các chương trình tư vấn và phục hồi;
 Các chương trình phục hồi cho kẻ gây ra bạo lực gia đình;
 Các dịch vụ hỗ trợ dành cho các gia đình có loạn luân hay lạm dụng tình dục;

(s) Các quốc gia thành viên cần báo cáo về phạm vi bạo lực gia đình, lạm dụng tình dục và về những biện pháp phòng ngừa, trừng phạt và khắc phục đã được áp dụng;

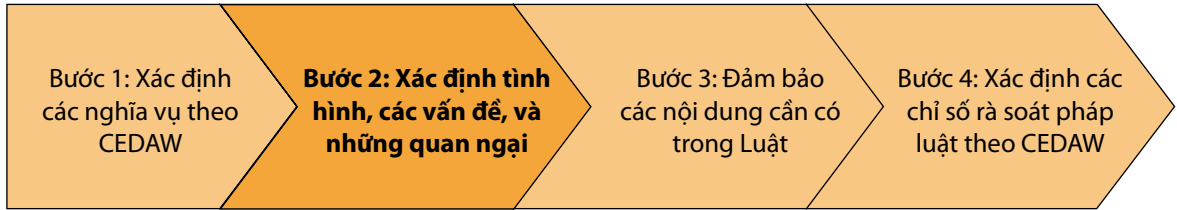
(t) Các quốc gia thành viên cần thực hiện tất cả các biện pháp pháp luật và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ phụ nữ khỏi bạo lực i một cách hiệu quả, bao gồm, không kể những hình thức khác:
 Những biện pháp pháp luật hiệu quả, kể cả các hình phạt hình sự, các quy định về bồi thường khắc phục dân sự nhằm bảo vệ phụ nữ khỏi tất cả các loại bạo lực, kể cả bạo lực và lạm dụng trong gia đình, tấn công tình dục và quấy rối tình dục ở nơi làm việc;
 Các biện pháp phòng ngừa, bao gồm các chương trình thông tin công cộng và giáo dục nhằm thay đổi thái độ, quan niệm về vai trò và địa vị của nam giới và phụ nữ;
 Các biện pháp bảo vệ, bao gồm cung cấp nơi tạm lánh, tư vấn, phục hồi và các dịch vụ hỗ trợ cho những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực hoặc những người có nguy cơ bị bạo lực;

(u) Các quốc gia thành viên cần báo cáo về tất cả các hình thức bạo lực giới và những báo cáo như vậy cần bao gồm tất cả các số liệu sẵn có về từng hình thức bạo lực và về những hậu quả do bạo lực gây ra đối với các nữ nạn nhân;

(v) Các báo cáo của các quốc gia thành viên cần bao gồm thông tin về các biện pháp pháp luật, phòng ngừa và bảo vệ đã được thực hiện nhằm khắc phục nạn bạo lực với phụ nữ, và về hiệu quả của những biện pháp như vậy.

Nhận xét kết luận về quốc gia, nếu có thể

→ Xem các ví dụ 3, 5 và 6 minh họa kỹ hơn cho Bước 1



Sau khi xác định được nghĩa vụ hoặc nhiệm vụ mà CEDAW yêu cầu, bạn cần xác định những các vấn đề và mối quan tâm của phụ nữ của nước đối chiếu với từng nghĩa vụ nêu trong CEDAW. Để làm được điều này, bạn cần:

1. Nghiên cứu tình hình thực tế về phụ nữ và bình đẳng giới

Trải nghiệm thực tế của phụ nữ và bình đẳng giới là cần thiết đối với bất cứ nghiên cứu rà soát pháp luật nào dựa trên Công ước CEDAW.

2. Liệt kê nhanh các vấn đề và mối quan tâm của phụ nữ và bình đẳng giới của nước mình.

Việc này được thực hiện dựa trên hiểu biết của bạn về các nghĩa vụ Công ước CEDAW (Bước 1) và tình hình thực tế. Hãy xác định các vấn đề chung trước, sau đó xác định các vấn đề cụ thể hơn.

3. Diễn đạt các vấn đề mà bạn đã xác định một cách rõ ràng và nhất quán.

Có các phương án khác nhau về cách thức diễn đạt các vấn đề và mối quan tâm.

Phương án 1: Ngôn ngữ trung lập

Phương án này có nghĩa là sử dụng ngôn ngữ trung lập để nêu bật một vấn đề.

- Ưu điểm: Phương án này đặc biệt hiệu quả đối với các mục đích hệ thống hóa. Việc sử dụng ngôn ngữ trung lập cho phép những người làm công tác soạn thảo đề cập được cả xu thế tích cực lẫn tiêu cực.
- Nhược điểm: Cách này có thể làm người soạn thảo bị phân tán, khiến họ mất tập trung vào các vấn đề ưu tiên (thường được thể hiện ở các xu thế tiêu cực).

Phương án 2: Ngôn ngữ dựa trên vấn đề

Phương án này có nghĩa là khi xác định một vấn đề, cách sử dụng ngôn ngữ này nhấn mạnh vào vấn đề đó.

- Ưu điểm: Sử dụng cách tiếp cận này tạo điều kiện cho những người tiến hành rà soát pháp luật xác định các vấn đề khó và cần có sự quan tâm ngay lập tức.
- Nhược điểm: Cách tiếp cận này có thể dẫn tới việc không để ý tới những chuyển biến tích cực.

Việc lựa chọn sử dụng phương án này hay phương án kia hay kết hợp của cả hai phương án còn phụ thuộc vào mục đích của việc nghiên cứu rà soát pháp luật và các đối tượng hưởng lợi đích. Các cuộc tham vấn lấy ý kiến của các đối tượng hưởng lợi và các chuyên gia là cần thiết để bảo đảm rằng phương án tốt nhất sẽ được áp dụng phục vụ cho công tác nghiên cứu rà soát pháp luật.

4. Lựa chọn và sắp xếp vấn đề và những quan tâm theo thứ tự ưu tiên để nghiên cứu rà soát pháp luật.

Bất cứ quốc gia nào cũng có rất nhiều vấn đề và mối quan tâm liên quan tới các nghĩa vụ CEDAW. Trong nhiều trường hợp, việc đặt ra ưu tiên là cần thiết để việc vận động chính sách và nghiên cứu rà soát pháp luật có trọng tâm hơn. Trong các trường hợp khác, những hạn chế về thời gian lại hạn chế cho việc đặt ra ưu tiên cho các vấn đề và mối quan tâm.

Minh họa cho Bước 2

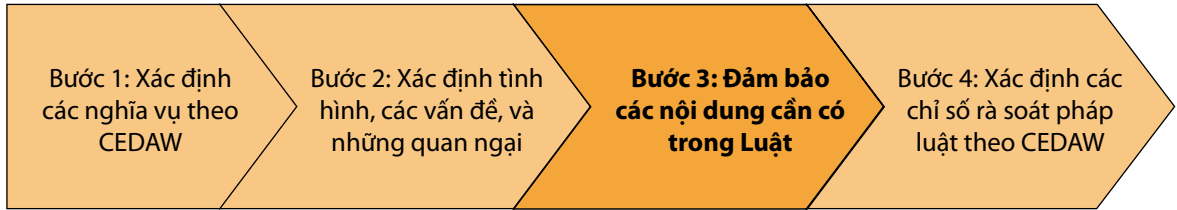
Lấy vấn đề Kết hôn làm chủ đề cần rà soát, sau đây là minh họa cho Bước 2.

Ví dụ 2: Minh họa các phương án trình bày Bước 2 (Xác định các vấn đề và mối quan tâm)

Nghĩa vụ CEDAW	PHƯƠNG ÁN 1: Ngôn ngữ trung lập*	PHƯƠNG ÁN 2: Ngôn ngữ dựa trên vấn đề*
Kết hôn Điều 16.1(a và b); Khuyến nghị chung 21, Đoạn 14-16, 25-39 và Nhận xét kết luận đối với quốc gia, nếu có	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đồng ý kết hôn 2. Tuổi kết hôn 3. Hứa hôn 4. Đăng ký kết hôn 5. Đăng ký khai sinh 6. Phụ nữ góa bụa kết hôn 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kết hôn không có sự đồng ý của bản thân người kết hôn 2. Tảo hôn 3. Hứa hôn dưới 18 tuổi 4. Hôn nhân không đăng ký 5. Không đăng ký khai sinh 6. Không tái hôn của phụ nữ góa chồng

*Các câu trả lời có thể được chia nhỏ hơn thành những vấn đề nhỏ.

→ Xem các **ví dụ 3, 5 và 6** minh họa thêm cho Bước 2.



Một khi tình hình và các vấn đề trong thực tế, những mối quan tâm về phụ nữ và bình đẳng giới trong nước được xác định, bạn cần bắt đầu nghĩ về các yêu cầu của lập pháp. Dưới đây là các bước tiến hành.

1. Xác định các nội dung quan trọng phải có trong luật nhằm tuân thủ nghĩa vụ CEDAW.

Tình hình, các vấn đề thực tế và mối quan tâm liệt kê trong Bước 2 sẽ quyết định đâu là những điểm quan trọng cần phải có trong luật để đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ Công ước CEDAW (xác định trong Bước 1).

Ví dụ, nếu xác định tảo hôn là vấn đề cần giải quyết, thì để tuân thủ Công ước CEDAW, luật pháp quốc gia cần:

- Quy định độ tuổi kết hôn tối thiểu không thấp hơn 18 tuổi;
- Thiết lập hệ thống đăng ký khai sinh và kết hôn;
- Quy định chế tài xử phạt vi phạm; và
- Quy định về việc hủy bỏ hôn nhân, và các vấn đề khác.

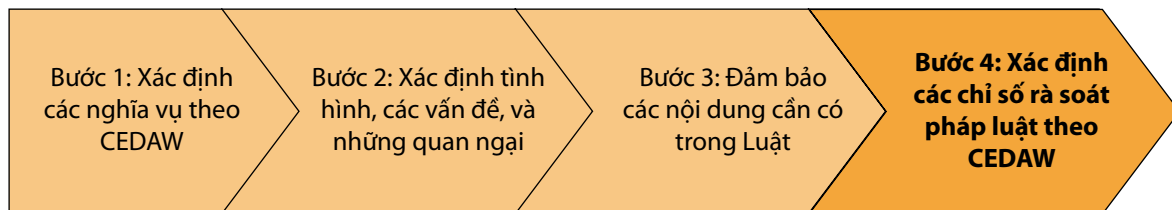
Bước 3 cần nêu cụ thể những nội dung phải được quy định trong luật chứ không phải trong các chính sách, chương trình, hoặc các biện pháp can thiệp khác. Mức độ cụ thể của các nội dung trong Bước 3 có thể dao động tùy theo phạm vi và các ưu tiên của việc rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW.

2. Đảm bảo có tính tương ứng của các nội dung

Đảm bảo mỗi vấn đề và quan ngại đều được nêu theo thứ tự tương ứng trong Bước 3. Trong một số trường hợp, một vấn đề hoặc một quan ngại được nêu trong Bước 2 sẽ tương ứng với nhiều hơn một nội dung trong Bước 3.

Minh họa Bước 3

→ Xem **Ví dụ 3, 5, và 6** minh họa Bước 3.



Bây giờ bạn đã sẵn sàng xác định các chỉ số để đo lường mức độ tuân thủ. Để làm được việc này, bạn cần:

1. Chọn lọc các nội dung đã xác định trong Bước 3 thành các Chỉ số rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW.

- Chuyển các nội dung ở Bước 3 thành các câu hỏi có thể trả lời “có” hoặc “không” (trả lời “có” nghĩa là luật tuân thủ Công ước và trả lời “không” là luật không tuân thủ).
- Đảm bảo các câu hỏi nêu ra chỉ tập trung tìm hiểu việc có hay không có luật hoặc điều khoản luật, và chúng quy định như thế nào; chứ không hỏi về chính sách, kế hoạch, hay chương trình.

Ví dụ: Câu hỏi “Có nơi tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình không?” là câu hỏi hướng vào những biện pháp can thiệp thực tế chứ không hướng vào pháp luật. Câu hỏi này nên được chuyển thành “Luật có quy định phải xây dựng những nơi tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình hay không?”

2. Các chỉ số luôn phải cụ thể, đo lường được, có thể đạt được, và phù hợp.

Các chỉ số rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW cần cụ thể, có thể đo lường được, có thể đạt được, và phù hợp.

- *Cụ thể.* Chỉ số cụ thể dẫn đến câu trả lời cụ thể. Ngược lại, các chỉ số quá rộng, chung chung, mơ hồ có thể dẫn đến không đúng hoặc phân tích và đề xuất không phù hợp. Nếu có thể, cần đảm bảo rằng mỗi chỉ số chỉ có thể trả lời theo một cách. Nếu chỉ số có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau sẽ dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá luật pháp có tuân thủ công ước hay không.

Ví dụ, một chỉ số đặt ra câu hỏi: “Luật có định nghĩa bạo lực gia đình phù hợp với các quy định của Công ước CEDAW không?” là một câu hỏi rộng, chung chung, và có thể có nhiều cách trả lời. Một người có thể trả lời theo khía cạnh quy định của luật về hành vi nào bị coi là bạo lực, trong khi người khác lại có thể trả lời theo khía cạnh luật đó quy định đối tượng nào là nạn nhân của bạo lực. Trong trường hợp này, tốt nhất là nên chia thành hai câu hỏi cụ thể: “Luật có định nghĩa bạo lực gia đình bao gồm những hành vi gây tổn hại về thể chất, trí tuệ, tình dục, và kinh tế hay không?” và “Luật có định nghĩa bạo lực gia đình là bạo lực với vợ hoặc chồng, vợ cũ, chồng cũ, hoặc những người có quan hệ thân thiết hay không?”

- *Đo lường được.* Xây dựng các chỉ số sao cho có thể dễ dàng đo lường được mức độ tuân thủ hoặc các tiến bộ đạt được. Một chỉ số rà soát pháp luật phải trả lời rõ ràng “có” hoặc “không” thay vì một câu hỏi mơ hồ dẫn đến tranh luận. Các chỉ số cụ thể bao giờ cũng dễ đánh giá hơn so với các chỉ số quá rộng hoặc chung chung.

Ví dụ, một chỉ số “Phụ nữ được hưởng những quyền gì trong thời gian nghỉ sinh con?” rất khó để đánh giá so với câu hỏi “Luật pháp có quy định phụ nữ nghỉ sinh con có được giữ nguyên lương trong một khoảng thời gian hợp lý đồng thời không bị mất thâm niên và các lợi ích khác không?” Câu hỏi thứ hai có thể trả lời được bằng “có” hoặc “không”, do đó dễ đánh giá mức độ tuân thủ hơn.

- *Có thể đạt được.* Mục đích của các chỉ số rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW là nhằm thúc đẩy cải cách pháp luật, nên các chỉ số phải đánh giá những vấn đề có thể đạt được bằng pháp luật.

Ví dụ, luật pháp không xử phạt ý nghĩ hay tư tưởng, mà chỉ xử phạt các hành động và phớt lờ. Do đó, câu hỏi “Luật có xử phạt những người có tư tưởng phân biệt đối xử đối với phụ nữ không?” là một chỉ số không phù hợp vì chỉ số này đánh giá một điều không thể đạt được bằng pháp luật. Câu hỏi này có thể được viết lại là “Luật có quy định phải triển khai các chiến dịch thông tin và giáo dục cộng đồng về phân biệt đối xử về giới hay không?” Câu hỏi sau yêu cầu biện pháp cụ thể nhằm thay đổi về hành vi và nhận thức. Có cách khác để thể hiện chỉ số này là đặt câu hỏi về việc những hành vi phân biệt đối xử hoặc phớt lờ có bị xử phạt không. Ví dụ: “Có các chế tài xử phạt đối với các hành động hoặc phớt lờ gây phân biệt đối xử về giới hay không?”

- *Phù hợp.* Các chỉ số cần phải phù hợp với bối cảnh của Quốc gia. Khi tham khảo hoặc áp dụng chỉ số của quốc gia khác thì có thể có những chỉ số không phù hợp với bối cảnh và nhu cầu của quốc gia nơi tiến hành nghiên cứu rà soát pháp luật.

Ví dụ, ở một quốc gia mà không có tập quán đòi của hồi môn, thì chỉ số về việc luật pháp có cấm đòi hỏi của hồi môn hay không không phải là một vấn đề ưu tiên và có thể làm các nhà làm luật lúng túng vì không biết có cần quy định như vậy trong luật của họ hay không.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng chúng ta cũng phải thận trọng khi bỏ ngay các chỉ số được cho là không phù hợp. Khi không có thông tin về một chủ đề cụ thể nào đó, thì cần tiến hành nghiên cứu để xác định tình hình thực tế trước khi kết luận rằng vấn đề đó không phù hợp. Xem thêm phần tính chính trị của việc lựa chọn chỉ số dưới đây để biết thêm chi tiết.

3. Nếu cần, hãy xây dựng thêm các chỉ số nhỏ.

Các chỉ số càng cụ thể càng tốt. Chính vì vậy, có thể xây dựng các chỉ số nhỏ. Các chỉ số nhỏ là việc chia một chỉ số được thành các cấu phần khác nhau để trả lời cho chỉ số chính.

Ví dụ, một chỉ số hỏi “Luật pháp có quy định biện pháp bảo vệ tức thời cho nạn nhân bạo lực gia đình hay không?” có thể chia thành các chỉ số nhỏ như sau đây:

- Biện pháp bảo vệ tức thời có ngăn chặn được người gây bạo lực không tái phạm các hành vi bạo lực hay không?
- Biện pháp bảo vệ tức thời có ngăn chặn được người gây bạo lực không tiếp xúc hoặc quấy rối nạn nhân và gia đình họ hay không?
- Biện pháp này có cho phép trục xuất tạm thời người vi phạm khỏi nơi ở của nạn nhân bất kể nơi ở đó là thuộc sở hữu của người vi phạm hay nạn nhân hay không?
- Biện pháp bảo vệ tức thời có cho phép ra quyết định về quyền nuôi con tạm thời hay không?
- Biện pháp bảo vệ tức thời có cho phép chi trả hỗ trợ cho nạn nhân hay không?
- Biện pháp này có cho phép chi trả tạm thời chi phí y tế phát sinh do hành vi bạo lực gây ra hay không?
- Biện pháp bảo vệ tạm thời có bảo đảm đủ thời gian cho nạn nhân an toàn và bảo vệ mình hay không?
- Biện pháp bảo vệ tức thời có được quyết định áp dụng trong cùng ngày khi nạn nhân yêu cầu được bảo vệ hay không?
- Biện pháp bảo vệ tức thời có được quyết định đơn phương hay không? (Quyết định đơn phương là một quyết định do thẩm phán đưa ra mà không cần yêu cầu tất cả các bên đương sự phải có mặt.)

- Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ tức thời có phải là một cơ quan dễ tiếp cận hay không?
- Luật pháp có cho phép áp dụng biện pháp bảo vệ tức thời độc lập với quá trình khởi kiện/lập hồ sơ vụ án hay không?

4. Chọn số lượng chỉ số hợp lý.

Câu hỏi thường đặt ra là cần xác định bao nhiêu chỉ số rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW? Hãy cân nhắc những yếu tố dưới đây để giúp bạn quyết định:

- *Phạm vi đánh giá.* Xét về một mặt, khi tiến hành đánh giá toàn diện về mức độ tuân thủ Công ước CEDAW, nhiều chỉ số được lựa chọn hơn. Tuy nhiên, ngay cả khi có nhiều chỉ số hơn để thực hiện đánh giá toàn diện, thì số lượng chỉ số đối với từng vấn đề cụ thể lại ít. Mặt khác, một đánh giá nếu chỉ tập trung vào một vài vấn đề cụ thể có thể có nhiều chỉ số hơn.

Ví dụ, một đánh giá toàn diện có thể có 150 chỉ số, nhưng với mỗi một vấn đề trong đó (ví dụ: y tế, giáo dục, hôn nhân gia đình) lại chỉ có 10 chỉ số. Ngược lại, một đánh giá chỉ tập trung vào vấn đề hôn nhân và gia đình có thể dễ dàng xác định tới 50 chỉ số.

- *Ưu tiên được dành cho vấn đề lớn hay vấn đề nhỏ.* Các vấn đề ưu tiên thường có nhiều chỉ số hơn cho một nội dung cụ thể. Các vấn đề ít được ưu tiên thường có ít chỉ số hơn.
- *Hạn chế về thời gian.* Khi bị hạn chế về thời gian, để có thể quản lý được hoạt động đánh giá, các chỉ số ưu tiên sẽ được chọn. Ngoài ra cũng có xu hướng hạn chế số lượng chỉ số.

5. Đảm bảo nội dung tương ứng

Đảm bảo rằng mỗi nội dung trong Bước 3 (Các nội dung cần có trong luật) đều có ít nhất một nội dung tương ứng trong Bước 4 (Xác định các Chỉ số rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW). Trong nhiều trường hợp, có thể có nhiều hơn một nội dung tương ứng ở bước sau.

Yếu tố chính trị trong việc lựa chọn các chỉ số

“Dù hoạt động đánh giá là một hoạt động mang tính kỹ thuật, nhưng quyết định về việc có đánh giá hay không và sẽ đánh giá những khía cạnh nào của vấn đề bình đẳng giới thì thường lại mang yếu tố chính trị.”¹²

Việc chỉ số nào cần được ưu tiên, hoặc loại bỏ, cụ thể hóa, hoặc khái quát hóa, đều tùy thuộc vào quá trình thương thảo và thỏa thuận giữa các bên. Để đảm bảo các chỉ số rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW thực sự phản ánh được những ưu tiên của phụ nữ và không dễ bị lãng quên bởi những thỏa thuận mang tính chính trị, thì có thể cân nhắc những gợi ý dưới đây:

Mối liên hệ. Chỉ rõ sự mối liên hệ giữa các nghĩa vụ theo Công ước Công ước CEDAW, các vấn đề và quan tâm của phụ nữ, với các chỉ số được xác định.

Các nhận xét kết luận. Các vấn đề được nêu trong Nhận xét kết luận dành cho quốc gia là một nguồn thông tin tốt giúp xác định các ưu tiên. Ngoài ra, do các Quốc gia được yêu cầu phải báo cáo về việc thực hiện những vấn đề này, nên có những chỉ số cụ thể về các vấn đề đó cũng có ý nghĩa quan trọng.

Hội thảo và tham vấn. Việc tổ chức các hội thảo và tham vấn với các chuyên gia, nhà chuyên môn, cán bộ thực hiện, các nhà vận động cho quyền lợi phụ nữ, phụ nữ, và các bên liên quan khác về những vấn đề và chỉ số họ cho là ưu tiên để cải cách luật sẽ giúp ích rất nhiều cho việc lập luận để bỏ sung hay loại ra một số chỉ số cụ thể.

Các bài viết và trình bày. Các bài viết, ấn phẩm, và bài trình bày của chuyên gia, đặc biệt là các chuyên gia về giới và pháp luật, cũng như các nhà hoạt động vì quyền của phụ nữ đối với việc cải cách một số luật cụ thể nhằm đảm bảo bình đẳng cũng rất hữu ích.

Minh họa Bước 4

Xem **Ví dụ 3, 5. Và 6** minh họa cho Bước 4. Ví dụ về các chỉ số cho từng Điều của Công ước CEDAW được trình bày tại Phụ lục 1.

¹² Annalise Moser, Báo cáo tổng quan: Giới và các chỉ số, Bridge và UNDP, 7/2007, trang 9

Minh họa các Bước 1-4

Nghiên cứu rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW về chủ đề Hôn nhân, bao gồm các Bước từ 1 đến 4, được trình bày dưới dạng một ma trận như dưới đây.

Ví dụ 3: Minh họa Bước 1-4 về Quyền bình đẳng trong hôn nhân

Bước 1 Nghĩa vụ CEDAW*	Bước 2 Tình hình, vấn đề, và quan ngại**	Bước 3 Những nội dung cần có trong luật	Bước 4 Các chỉ số rà soát pháp luật theo CEDAW
<p>Bước vào hôn nhân</p> <p>Điều. 16.1(a và b); Khuyến nghị chung số 21, đoạn 14-16, 25-39, và Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có.</p> <p>Công ước CEDAW yêu cầu Quốc gia phải thực hiện mọi biện pháp phù hợp để đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền như nhau trong quá trình bước vào hôn nhân - Quyền như nhau trong tự do lựa chọn vợ/chồng - Có quyền như nhau khi kết hôn, hoàn toàn tự nguyện và đồng thuận - Tuổi tối thiểu để kết hôn và hứa hôn là 18 tuổi - Đăng ký kết hôn bắt buộc 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết hôn không có sự đồng thuận của người kết hôn • Chế độ đa thê/đa phu • Tảo hôn/kết hôn sớm (độ tuổi kết hôn tối thiểu dưới 18) • Độ tuổi kết hôn khác nhau (quy định nam giới và phụ nữ có độ tuổi kết hôn khác nhau) • Hứa hôn cho trẻ em gái trước 18 tuổi • Hệ thống đăng ký kết hôn không hiệu quả • Hệ thống đăng ký khai sinh không hiệu quả • Cửa hồi môn • Ngăn cấm phụ nữ góa chồng tái hôn • Ý kiến đồng thuận của người mẹ đối với hôn nhân của con không có trọng lượng thích đáng 	<ul style="list-style-type: none"> • Chỉ kết hôn khi có sự đồng thuận của người kết hôn • Cấm hình thức ủy nhiệm kết hôn • Cấm chế độ đa thê/đa phu • Không công nhận hôn nhân dưới 18 tuổi • Quy định tuổi kết hôn như nhau cho cả nam và nữ • Không hứa hôn dưới 18 tuổi • Yêu cầu bắt buộc đăng ký khai sinh, kết hôn và ly hôn. • Cấm đòi của hồi môn • Không cấm phụ nữ góa chồng tái hôn • Ý kiến đồng thuận của người mẹ đối với hôn nhân của con được xem xét bình đẳng. 	<p>Các chỉ số rà soát pháp luật theo CEDAW</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật pháp có quy định phải có sự đồng thuận của bản thân hai người kết hôn về việc kết hôn hay không? 2. Việc lấy hai hay nhiều vợ/chồng có bị cấm không? 3. Có quy định độ tuổi kết hôn tối thiểu bình đẳng là 18 tuổi không? 4. Có quy định bắt buộc phải đăng ký khai sinh với một cơ quan chức năng không? 5. Có quy định bắt buộc phải đăng ký kết hôn với một cơ quan chức năng không? 6. Có quy định cấm việc đòi của hồi môn như một điều kiện của việc kết hôn hay không? 7. Có xoá bỏ mọi sự cản trở đối với việc tái hôn của phụ nữ góa chồng hay không? 8. Khi cần có ý kiến hoặc sự đồng thuận của cha mẹ, ý kiến của cả cha và mẹ có được xem xét ngang nhau hay không?

<p>Các quyền trong và sau hôn nhân</p> <p>Điều 16.c, g và h, Điều 15; Khuyên nghị chung số 21, đoạn 17-18, 24-29 và Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có</p> <p><i>Các quyền cá nhân</i></p> <p>Công ước CEDAW yêu cầu các Quốc gia thực hiện mọi biện pháp phù hợp để đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền và trách nhiệm như nhau trong hôn nhân - Quyền và trách nhiệm cá nhân như nhau khi ly hôn - Quyền cá nhân như nhau của chồng và vợ trong việc lựa chọn họ tên. <p><i>Các quyền về tài sản</i></p> <p>Công ước CEDAW yêu cầu các quốc gia thực hiện mọi biện pháp phù hợp để đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền như nhau giữa vợ và chồng về quyền sở hữu, thu nhập, quản lý, điều khiển, thụ hưởng, và định đoạt tài sản - Tự cách pháp nhân như nhau và cơ hội để thi hành tư cách đó, bao gồm quyền ký kết hợp đồng, thực hành chuyên môn, nghề nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> • Không có khả năng khởi kiện nếu không có sự đồng ý của chồng • Nơi ở của chồng được mặc nhiên coi là nơi ở của vợ • Bất buộc sử dụng họ của chồng • Không thể làm một nghề gì đó nếu không được sự cho phép của người vợ/chồng hoặc gia đình • Quy định ly do ly hôn khác nhau (ly do đưa ra để ly hôn được quy định cho nam và nữ khác nhau) • Hạn chế quyền yêu cầu bắt đầu trình tự ly hôn • Phân chia tài sản trong hôn nhân không bình đẳng • Không có quyền kiểm , sử dụng, quản lý, và định đoạt tài sản • Không bắt buộc có sự đồng thuận của vợ trong việc định đoạt tài sản chung trong hôn nhân • Sự đóng góp phi tài chính của phụ nữ cho gia đình không được xem xét khi phân chia tài sản chung • Luật đăng ký tài sản chỉ quy định ghi tên của chồng trong các tài sản chung • Quyền thừa kế không bình đẳng • Phụ nữ bị hạn chế hoặc kiểm soát quyền đối với tài sản thừa kế • Đóng góp phi tài chính của phụ nữ trong mối quan hệ thực tế (không hôn thú) không được ghi nhận 	<ul style="list-style-type: none"> • Quyền bình đẳng trong việc khởi kiện • Quyền bình đẳng trong lựa chọn nơi ở • Quyền bình đẳng trong lựa chọn mang họ • Quyền bình đẳng trong hành nghề và nghề nghiệp mà không cần sự cho phép của người vợ/chồng hoặc gia đình • Ly do ly hôn giống nhau • Quyền bình đẳng trong khởi động trình tự thủ tục ly hôn • Chia sẻ bình đẳng tài sản chung • Khả năng kiểm được, sử dụng, quản lý và định đoạt không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân • Yêu cầu có sự đồng thuận của cả hai vợ chồng khi định đoạt tài sản chung • Cả những đóng góp tài chính và phi tài chính đều được ghi nhận để tính toán chia tài sản chung • Luật đăng ký tài sản quy định tài sản chung phải đăng ký tên của cả hai vợ chồng • Bình đẳng về vị trí người thừa kế • Bình đẳng trong chia thừa kế • Có quyền như nhau đối với tài sản được thừa kế • Những đóng góp tài chính và phi tài chính đều được ghi nhận bình đẳng khi tính toán chia tài sản có được khi sống chung 	<p>9. Liệu nam và nữ có quyền bình đẳng trong việc khởi kiện mà không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của họ hay không?</p> <p>10. Luật pháp có cho phép phụ nữ được quyết định về nơi ở của mình mà không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân hay không?</p> <p>11. Nam giới và phụ nữ có quyền bình đẳng về sử dụng họ của mình hay không?</p> <p>12. Vợ và chồng có quyền bình đẳng trong lựa chọn và theo đuổi nghề nghiệp của mình hay không?</p> <p>13. Luật pháp có quy định phân chia bình đẳng tài sản và thu nhập có được trong thời gian hôn nhân, đặc biệt là dựa trên đánh giá bình đẳng về cả những đóng góp tài chính và phi tài chính (ví dụ: làm việc nhà, chăm con) trong gia đình hay không?</p> <p>14. Cả hai vợ chồng có bình đẳng về quyền sở hữu, kiểm được, quản lý, điều khiển, thụ hưởng, và định đoạt tài sản hay không?</p> <p>15. Luật pháp có quy định phải có sự đồng thuận của cả hai vợ chồng khi định đoạt tài sản chung không?</p> <p>16. Luật pháp có quy định tài sản chung phải đăng ký tên của cả hai vợ chồng không?</p> <p>17. Phụ nữ và nam giới có bình đẳng khi xem xét thứ bậc người thừa kế hay không?</p> <p>18. Phụ nữ và nam giới có được chia thừa kế bình đẳng không?</p> <p>19. Phụ nữ và nam giới có quyền như nhau đối với tài sản thừa kế không?</p> <p>20. Luật pháp có quy định phân chia tài sản và thu nhập có được trong thời gian sống chung không kết hôn (hôn nhân không đăng ký), đặc biệt là dựa trên đánh giá bình đẳng về cả những đóng góp tài chính và phi tài chính hay không?</p> <p>21. Luật có quy định về cấp dưỡng hoặc hỗ trợ người vợ/chồng cũ sau khi ly hôn dựa trên nhu cầu, tài sản, và khả năng thu nhập không?</p>

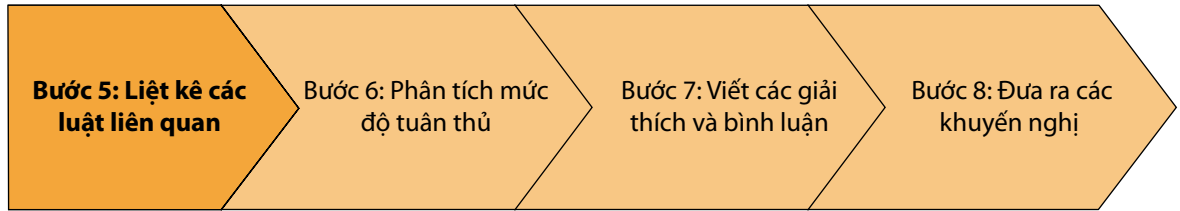
<p>Các quyền về con cái</p> <p>Điều 16.d và f; Khuyến nghị chung số 21, đoạn 19, 20 và Nhận xét kết luận của UB CEDAW cho quốc gia, nếu có</p> <p>Công ước CEDAW yêu cầu các quốc gia thực hiện mọi biện pháp phù hợp để đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền và trách nhiệm như nhau của cha mẹ, bất kể tình trạng hôn nhân - Quyền và trách nhiệm như nhau về giám hộ, bảo trợ, ủy thác, con nuôi 	<ul style="list-style-type: none"> • Không chia sẻ trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, nuôi dưỡng con cái • Không có quy định cùng giám hộ đối với con chung (người cha được giao quyền giám hộ) • Không có khả năng nhận con nuôi (phụ nữ không được nhận con nuôi) • Không trả tiền cấp dưỡng để nuôi con sau khi ly hôn 	<ul style="list-style-type: none"> • Chia sẻ trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, nuôi dưỡng con cái • Bình đẳng về quyền giám hộ • Phụ nữ được phép nhận con nuôi bất kể tình trạng hôn nhân • Quy định bắt buộc cấp dưỡng 	<p>22. Luật có quy định cả cha và mẹ đều phải chăm sóc con chung, bất kể tình trạng hôn nhân hay không?</p> <p>23. Việc quyết định quyền nuôi con và tiếp xúc với con cái có dựa trên lợi ích tốt nhất của trẻ, bất kể tình trạng hôn nhân của cha mẹ hay không?</p> <p>24. Phụ nữ và nam giới có bình đẳng về quyền giám hộ hay không?</p> <p>25. Phụ nữ có được phép nhận con nuôi, bất kể tình trạng hôn nhân hay không?</p> <p>26. Luật pháp có quy định việc chi trả tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn không?</p>
<p>Các quyền về tình dục và sinh sản</p> <p>Điều 16.6; Khuyến nghị chung đoạn 21-23</p> <p>Công ước CEDAW yêu cầu các quốc gia thực hiện mọi biện pháp phù hợp để đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cha mẹ có quyền và trách nhiệm như nhau trong việc tự do lựa chọn số lượng con và khoảng cách sinh - Quyền như nhau trong việc tiếp cận thông tin, giáo dục, và các biện pháp để thực thi quyền trên 	<ul style="list-style-type: none"> • Triệt sản cưỡng bức • Thiếu thông tin về các quyền về tình dục và sinh sản 	<ul style="list-style-type: none"> • Chế tài xử phạt hành vi ép buộc triệt sản • Quy định cung cấp thông tin đầy đủ về các quyền tình dục và sinh sản cho người sử dụng dịch vụ y tế • Các chiến dịch thông tin về quyền tình dục và sinh sản 	<p>27. Có quy định cấm và xử phạt hành vi ép buộc triệt sản hay không?</p> <p>28. Luật có quy định các cơ sở y tế phải cung cấp thông tin chính xác/đầy đủ về các quyền tình dục và sinh sản hay không?</p> <p>29. Luật pháp có quy định cơ quan hành chính nào phải thực hiện các chiến dịch truyền thông đại chúng về các biện pháp tránh thai hay không?</p>

*Trong ví dụ minh họa này, Phương án 3 (Tóm tắt theo chủ đề) được sử dụng cho Bước 1.

***Trong ví dụ minh họa này, Phương án 2 (Ngôn ngữ dựa trên vấn đề) được sử dụng cho Bước 2.

MỨC ĐỘ TUÂN THỦ VÀ KHUYẾN NGHỊ

Việc xác định mức độ tuân thủ Công ước CEDAW của Quốc gia và đưa ra các khuyến nghị bao gồm 4 bước:



Khi đã có các chỉ số pháp luật về CEDAW, thì bạn đã có thể bắt đầu các bước tiếp theo để xác định xem các luật liên quan có tuân thủ với các chỉ số này không?

1. Xác định các luật liên quan tới từng chỉ số

Luật nào sẽ được xác định còn phụ thuộc vào quyết định ban đầu về phạm vi đánh giá (xem Phần 3).

2. Trình bày luật theo cấu trúc

Bạn có thể chọn trích dẫn (a) toàn văn, (b) trích dẫn tên, hoặc (c) trích dẫn tên và tóm tắt nội dung quy định.

Phương án 1: Toàn văn. Trình bày toàn văn điều khoản luật.

- Ưu điểm: Người đọc thấy ngay các quy định của luật mà không cần tìm đọc tài liệu khác.
- Nhược điểm: Các điều khoản luật có thể rất dài và trùng lặp. Trong nhiều trường hợp, ngôn ngữ pháp luật khó hiểu đối với những người không tiếp xúc nhiều với lĩnh vực này.

Phương án 2: Trích dẫn vắn tắt. Chỉ nêu tên luật, tên các điều khoản, các phần của luật, ví dụ: Điều 5 Hiến pháp hoặc Điều 214 Bộ luật tố tụng hình sự. Những người ủng hộ phương án này cũng đề xuất có thể trích dẫn toàn văn các điều khoản trong phần phụ lục.

- Ưu điểm: Cách làm này tránh được việc trích dẫn các điều khoản dài và trùng lặp, đỡ tốn chỗ.
- Nhược điểm: Không thấy được các điều khoản của luật ngay từ đầu. Điều này hạn chế việc nghiên cứu luật. Cách làm này cũng tạo gánh nặng cho người đọc phải tìm văn bản luật được trích, có thể khiến người đọc thấy bất tiện nếu họ không thể dễ dàng tiếp cận văn bản luật, hoặc không biết làm thế nào để tiếp cận được.

Phương án 3: Trích dẫn tên và tóm tắt. Nghĩa là trích dẫn đến điều khoản và tóm tắt những nội dung chính của điều khoản đó.

Có thể làm theo hai cách: (a) trích dẫn tên và sau đó trình bày một phần tóm tắt các điều khoản trích dẫn, hoặc (b) tóm tắt trước sau đó trích dẫn tên các điều khoản.

- Ưu điểm: Phương án này giúp tránh được việc trích dẫn dài dòng và trùng lặp. Ngoài ra, người đọc cũng có thể thấy ngay những nội dung chính của điều luật. Phương án này cũng giúp những người đọc không quen thuộc với ngôn ngữ pháp luật có thể dễ dàng hiểu được.
- Nhược điểm: Phương án này đòi hỏi nhiều công sức và thời gian hơn vì phải tổng hợp các điều khoản.

Việc lựa chọn hoặc kết hợp phương án nào phụ thuộc vào mục đích nghiên cứu rà soát pháp luật và nhóm hưởng lợi hướng tới. Có thể tham vấn với đối tượng hưởng lợi và các chuyên gia để đảm bảo lựa chọn được phương án tốt nhất trong quá trình thực hiện nghiên cứu rà soát pháp luật.

3. Xem xét cả các luật cụ thể về phụ nữ hoặc về giới và các luật chung.

Xu hướng thường thấy trong việc lựa chọn các luật để rà soát là chỉ tập trung vào các luật quy định riêng về phụ nữ và về giới mà không xem xét các luật áp dụng chung. Có thể hạn chế được việc này. Trong một số trường hợp, các luật áp dụng chung đã thỏa mãn những bảo vệ cơ bản về pháp luật.¹³ Ngược lại, cũng có những trường hợp mà các luật chung này không tính tới tình trạng thực tế của phụ nữ.¹⁴ Do đó, cần phải đưa những luật này vào diện rà soát bên cạnh các luật quy định riêng về các vấn đề phụ nữ và giới. Nếu không xác định được luật chung nào có liên quan đến giới và phụ nữ, thì cần nêu rõ điều này trong Bước 5.

¹³Ví dụ, một chỉ số hỏi: “Nạn nhân bạo lực gia đình có được quyền bồi thường hay không?” thì câu trả lời có thể không nằm trong luật bạo lực gia đình mà nằm trong Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, hoặc các Bộ luật tố tụng dân sự và hình sự quy định về vấn đề bồi thường.

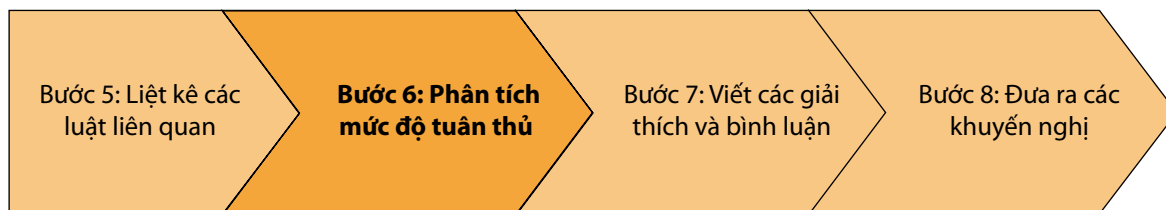
¹⁴Ví dụ, một chỉ số hỏi: “Vợ chồng có quyền bình đẳng trong việc đứng tên đăng ký tài sản chung hay không?” đòi hỏi phải khảo sát các quy định về đăng ký trong các luật về tài sản, đặc biệt là khi các luật về phụ nữ hoặc giới không đề cập đến vấn đề này. Trong nhiều trường hợp, các luật về đăng ký hoặc tài sản có thể có những điều khoản chung quy định quyền bình đẳng trong đăng ký, nhưng trên thực tế thì số lượng các tài sản được đăng ký chung dưới tên cả hai vợ chồng thường rất ít.

Minh họa Bước 5

Ví dụ 4: Minh họa các phương án trình bày Bước 5 (Liệt kê các luật liên quan) dựa trên các luật của Cam-pu-chia.

Phương án 1: Trích toàn văn	Phương án 2: Lược trích	Phương án 3: Lược trích và tóm tắt
<p>Điều 31, Hiến pháp. "...Mọi công dân Khmer đều bình đẳng trước pháp luật, được hưởng các quyền và tự do như nhau, và phải thực hiện những nghĩa vụ như nhau bất kể chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, xu hướng chính trị, nguồn gốc, địa vị xã hội, tài sản, hoặc các đặc điểm khác. Việc thực thi các quyền và tự do cá nhân của một người không được làm ảnh hưởng tới quyền và tự do của người khác. Việc thực hiện các quyền và tự do này phải phù hợp với quy định của pháp luật."</p> <p>Điều 12, Luật lao động. "Trừ trường hợp có các điều khoản quy định rõ trong luật này, hoặc trong các văn bản hoặc quy định pháp luật khác về bảo vệ phụ nữ và trẻ em, cũng như trong các điều khoản về việc nhập cảnh và lưu trú đối với người nước ngoài, người sử dụng lao động không được phép coi các yếu tố:</p> <ul style="list-style-type: none"> • chủng tộc, • màu da, • giới tính, • tín ngưỡng, • tôn giáo, • quan điểm chính trị, • tình trạng khi sinh, • nguồn gốc xã hội, • là thành viên công đoàn hoặc tham gia hoạt động công đoàn; <p>Là căn cứ để ra quyết định về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • tuyển dụng, • xác định và giao việc, • đào tạo nghề, • để bạt, • thăng chức, • trả công, • cho hưởng các lợi ích xã hội, • kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng lao động. <p>Việc đối xử khác biệt, từ chối, hoặc chấp nhận dựa trên các điều kiện là yêu cầu vốn có của những công việc cụ thể không bị coi là phân biệt đối xử.</p>	<p>Điều 31 Hiến pháp</p> <p>Điều 12 Luật lao động</p>	<p>Điều 31 Hiến pháp (Điều này bảo đảm bình đẳng về quyền, tự do và nghĩa vụ bất kể chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tín ngưỡng, xu hướng chính trị, nguồn gốc, địa vị xã hội, tài sản, hoặc các đặc điểm khác.)</p> <p>Điều 12, Luật lao động (Trừ những trường hợp có luật hoặc điều khoản quy định ngược lại, người sử dụng lao động không được đặt ra vấn đề chủng tộc, màu da, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, quan điểm chính trị, tình trạng khi sinh, nguồn gốc xã hội, là thành viên công đoàn hoặc tham gia hoạt động công đoàn trong quá trình cân nhắc tuyển dụng, xác định và giao việc, đào tạo nghề, để bạt, thăng chức, trả công, cho hưởng các lợi ích xã hội, kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.)</p> <p>Tuy nhiên, đối xử khác biệt, từ chối, hoặc chấp nhận dựa trên yêu cầu thực tế của công việc không bị coi là phân biệt đối xử).</p>

→ Xem Ví dụ 5 và 6 minh họa rõ hơn Bước 5.



Bước tiếp theo là phân tích các luật liên quan đối chiếu với các chỉ số pháp luật của CEDAW

1. Phân tích để xác định các luật liên quan có tuân thủ với các chỉ số này hay không?

Có thể thể hiện các mức độ tuân thủ khác nhau theo các cấp độ như sau:

- Tuân thủ hoàn toàn;
- Tuân thủ một phần; đến
- Không tuân thủ.

Dưới đây là một số hướng dẫn khi xác định các mức độ tuân thủ hoàn toàn, tuân thủ một phần, hoặc không tuân thủ:

- Không tuân thủ nghĩa là không có điều khoản luật nào quy định về chỉ số đánh giá, hoặc cũng có thể thể hiện qua sự tồn tại của một quy định trái với chỉ số hoặc một luật không phù hợp.
- Tuân thủ một phần nghĩa là đã có các điều khoản luật nhưng không đầy đủ. Các dấu hiệu của sự không đầy đủ có thể là mặc dù có luật pháp tốt nhưng lại không được thực thi hiệu quả, hoặc chỉ có một số điều khoản nhất định trong khi tình hình thực tế đòi hỏi phải quy định nhiều hơn.
- Tuân thủ hoàn toàn nghĩa là có điều khoản luật quy định về chỉ số đặt ra và không cần thêm điều khoản nào khác mà vẫn bảo đảm tính tuân thủ.

2. Chuẩn bị cho các mâu thuẫn và những quan ngại có thể nảy sinh trong quá trình thảo luận về mức độ tuân thủ

Dưới đây là những quan ngại cụ thể thường xuất hiện trong các thảo luận về mức độ tuân thủ:

Quan ngại số 1: Thiếu chuyên môn về CEDAW và hiểu biết về tình hình thực tế của phụ nữ

Một số người tiến hành nghiên cứu rà soát pháp luật mà không có hiểu biết sâu sắc về CEDAW và tình hình thực tế của phụ nữ. Do đó, phân tích của họ thường không đầy đủ hoặc phù hợp.

Ví dụ, khi trả lời chỉ số “Luật pháp có đảm bảo quyền thừa kế bình đẳng không?”, xu hướng trả lời thường thấy là “tuân thủ hoàn toàn” nếu như có điều khoản trung tính mà chỉ quy định chung chung về bảo vệ quyền thừa kế bình đẳng trong luật. Tuy nhiên, kết luận như vậy có thể đã bỏ qua tình hình thực tế là phụ nữ không thể thực hiện được quyền đó của mình do sức ép của truyền thống, tập quán, hoặc việc thi hành luật chưa tốt. Kết luận như trên vừa thể hiện sự thiếu am hiểu về các quy định của Công ước CEDAW và yêu cầu của khái niệm bình đẳng thực chất, vừa thể hiện thiếu kiến thức về tình hình thực tế. Câu trả lời chính xác phải là “tuân thủ một phần” vì đã có quy định của pháp luật về quyền thừa kế bình đẳng, nhưng không có quy định pháp lý nào để đảm bảo thực thi trong bối cảnh có những truyền thống và tập quán không phù hợp.

Quan ngại số 2: Thiếu kiến thức về luật và xây dựng luật

Sử dụng cùng chỉ số như trên, một xu hướng trả lời khác như “tuân thủ hoàn toàn” là việc thiếu am hiểu về luật và xây dựng luật, đặc biệt là về những nội dung có thể quy định trong luật. Trong hầu hết các trường hợp, ý kiến bàn luận thường là luật thì tốt, việc thi hành mới là vấn đề. Trong tình huống này, cần phải xem lại quy định của luật đã thực sự đủ để đảm bảo việc thi hành hiệu quả hay chưa. Luật đã quy định các quy định chi tiết để đảm bảo nam và nữ được hưởng quyền thừa kế bình đẳng chưa? Nếu chưa, thì luật này mới chỉ “tuân thủ một phần” vì còn cần bổ sung các điều khoản để đảm bảo các bên được hưởng quyền của mình.

Giải quyết quan ngại số 1 và 2: Đảm bảo có chuyên môn và tài liệu cần thiết trước khi bắt đầu nghiên cứu rà soát pháp luật. Chuyên môn về CEDAW, về tình hình thực tế của phụ nữ, về pháp luật, và xây dựng pháp luật là những điều kiện không thể thiếu trong hoạt động nghiên cứu rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW. Khi chưa có chuyên môn cần thiết, hãy mời các chuyên gia tham gia nhóm đánh giá hoặc hỗ trợ kỹ thuật. Khi không dễ dàng tiếp cận được các tài liệu, hãy nghiên cứu, tìm kiếm để có được những tài liệu đó.

Quan ngại số 3: Số liệu không phản ánh chính xác tình hình áp dụng luật trên thực tế

Không có số liệu chính xác để đánh giá tình hình áp dụng luật trên thực tế, việc đánh giá tác động và hiệu quả của luật sẽ rất khó khăn.

Giải quyết quan ngại số 3: Tìm kiếm thông tin số liệu chính xác về tình hình áp dụng luật trên thực tế ngay từ giai đoạn đầu. Ở nhiều quốc gia, những thông tin này thường không có ngay. Do đó, cần nghiên cứu sớm vấn đề này để có đủ thời gian để tìm ra những thông tin, số liệu cần thiết hoặc để bắt đầu quá trình thu thập, tổng hợp số liệu.

Quan ngại số 4: Nhu cầu thể hiện công bằng

Một số nghiên cứu rà soát pháp luật tin rằng để kết quả đánh giá được đón nhận theo tinh thần xây dựng và nhận được sự ủng hộ rộng rãi (ví dụ: từ chính phủ hoặc các nhóm đối lập), họ phải tạo ra một “vẻ ngoài công bằng”, nghĩa là phải giữ một sự cân bằng giữa các câu trả lời “tuân thủ hoàn toàn” và “không tuân thủ”.

Quan ngại số 5: Xu hướng làm mềm kết quả đánh giá và tránh các câu trả lời “không tuân thủ”

Có thể xuất hiện xu hướng tránh các câu trả lời “không tuân thủ” vì nó có thể làm chính phủ phải xấu hổ hoặc giận dữ. Ví dụ, các quan chức chính phủ có tham gia vào quá trình nghiên cứu rà soát pháp luật và họ yêu cầu việc đánh giá phải mềm mỏng hơn vì nếu không, kết quả có thể không được các quan chức cấp cao chấp nhận dẫn đến việc bác bỏ đánh giá thay vì hợp tác.

Quan ngại số 6: Thỏa hiệp

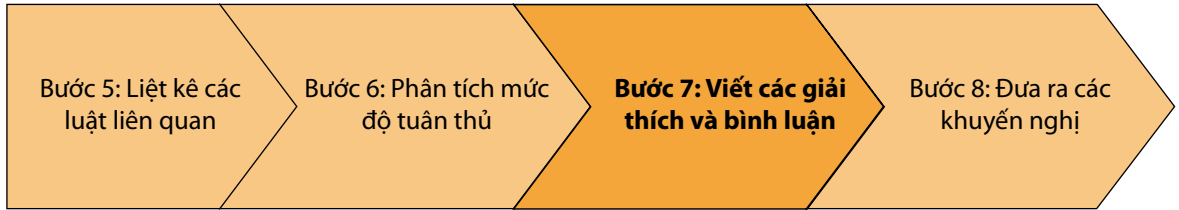
Khi nhóm nghiên cứu rà soát pháp luật bao gồm những cá nhân hoặc nhóm có lợi ích và mục tiêu ủng hộ khác nhau, việc đạt được đồng thuận trong các vấn đề nhạy cảm có thể trở nên khó khăn. Do đó, kết quả đánh giá mức độ tuân thủ có thể bị biến thành một sản phẩm của thỏa hiệp chứ không phải là sản phẩm của phân tích.

Giải quyết các quan ngại số 4, 5, và 6: Bảo đảm trung thực với Công ước CEDAW. Các tính toán và thỏa thuận về chính trị thường tồn tại như một phần của hầu hết các quá trình nghiên cứu rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW. Tuy nhiên, không nên để vấn đề phải tỏ ra công bằng và đạt được sự ủng hộ rộng rãi làm bạn xa rời các chuẩn mực mà Công ước CEDAW đặt ra. Để chuẩn bị cho thương lượng và thảo luận chính trị, nên tham khảo các bước sau đây:

- o Tìm kiếm sự ủng hộ và cộng tác của các ngành liên quan trước khi bắt đầu đánh giá.
- o Khẳng định rõ ràng việc sử dụng Công ước CEDAW là khung để đánh giá và những việc cần làm. Cần giải thích cho tất cả các bên liên quan, đặc biệt là những người mà bạn muốn họ giúp đỡ. Cũng cần giải thích rằng có thể kết quả đánh giá chưa được như mong muốn, nhưng đánh giá sẽ giúp đưa ra những khuyến nghị để định hướng các hoạt động cải thiện tình hình. Cần giải thích thêm việc mềm hóa các kết quả đánh giá có thể làm giảm hiệu quả bởi điều này sẽ làm giảm chất lượng đánh giá so với chuẩn mực của Công ước CEDAW. Sẽ là tốt hơn cho việc đánh giá khi xác định rõ các vấn đề của pháp luật để bắt đầu quá trình sửa đổi. Tiến hành nghiên cứu kỹ về thực tế và pháp luật và công bố kết quả một cách rộng rãi. Trong hầu hết trường hợp, các ý kiến phản biện kết quả thường cho rằng việc đánh giá đã không xem xét thông tin cụ thể hoặc dựa vào số liệu đã cũ. Do đó hãy đảm bảo rằng bạn đã cân nhắc tất cả thông tin liên quan. Hãy đưa ra bằng chứng và có thể tiếp cận các bằng chứng đó.
- o Trình bày rõ các kết luận đánh giá là kết quả của việc áp dụng chính xác từ Bước 1 đến Bước 6 của khung đánh giá.
- o Xây dựng năng lực về CEDAW. Trong nhiều ngành, nhiều người không hiểu được Công ước CEDAW quy định những gì. Điều này có thể dẫn đến tình trạng đánh giá phải nhận những phản ứng không tin tưởng hoặc không thiện cảm. Do đó, hãy bổ sung việc nâng cao năng lực về CEDAW vào hoạt động nghiên cứu rà soát pháp luật. Tăng cường năng lực cho những người làm việc về giới và CEDAW, đặc biệt là trong những ngành liên quan (ví dụ: quan chức chính phủ) để hiểu về CEDAW và bảo vệ những chuẩn mực của Công ước trước cấp trên, cử tri, hoặc những người khác.

Minh họa Bước 6

→ Xem **Ví dụ 5 và 6** minh họa Bước 6 (Phân tích mức độ tuân thủ).



Ngoài việc công bố các luật liên quan được đánh giá là tuân thủ hoặc không tuân thủ CEDAW, bạn cần giải thích lý do tại sao các luật liên quan tuân thủ hay không tuân thủ với chỉ số.

1. Giải thích các câu trả lời trong Bước 6 (Phân tích mức độ tuân thủ).

Tùy thuộc vào các câu trả lời ở Bước 6, nội dung của Bước 7 có thể điều chỉnh khác nhau.

- Nếu bạn trả lời “không tuân thủ”, Bước 7 sẽ nêu rõ lý do vì sao thiếu vắng điều luật quy định về chỉ số, hoặc sự tồn tại của một điều luật trái với chỉ số, hoặc quy định không phù hợp. Cần phải nêu được lý do tại sao điều luật đó lại mâu thuẫn với chỉ số hoặc không phù hợp.
- Nếu bạn trả lời “tuân thủ một phần”, Bước 7 sẽ nêu lý do tại sao điều luật lại bị coi là không phù hợp, cũng có thể nêu những nhận xét về vấn đề thực thi không hiệu quả.
- Nếu bạn trả lời “tuân thủ hoàn toàn”, Bước 7 cần nêu rõ sự tồn tại của điều khoản luật quy định đáp ứng được chỉ số đánh giá và không cần thêm quy định gì khác mà vẫn đảm bảo mức độ tuân thủ.
- Trong một số trường hợp, nếu các câu trả lời đã rõ thì không cần phải giải thích hoặc bình luận thêm.

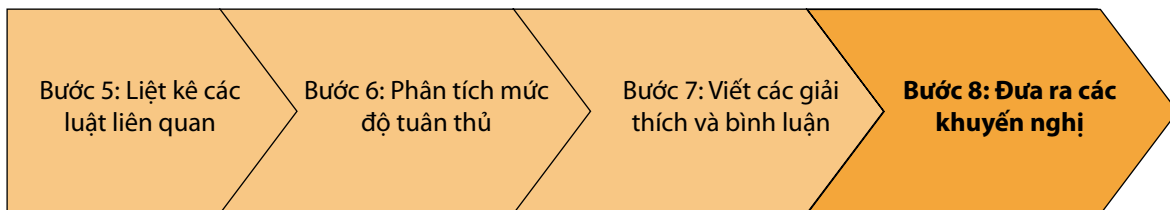
2. Bổ sung những thông tin khác có ảnh hưởng tới kết luận của bạn trong Bước 6 (Phân tích mức độ tuân thủ).

Những thông tin khác có thể trình bày trong Bước 7 bao gồm:

- Tiến hành phân tích để xác định mức độ tuân thủ với chỉ số;
- Thông tin, số liệu cụ thể minh chứng cho kết quả đánh giá;
- Những bất cập, hạn chế, và thách thức liên quan đến thực hiện và thực thi luật; và
- Ảnh hưởng hoặc tác động của luật đối với tình hình thực tế của phụ nữ.

Minh họa Bước 7

→ Xem **Ví dụ 5 và 6** minh họa Bước 7.



Cuối cùng, bạn cần đưa ra các khuyến nghị, và lưu ý các điểm sau

1. Đưa ra các khuyến nghị nên sửa đổi luật như thế nào nếu có các điểm không tuân thủ hoặc chỉ tuân thủ một phần (khuyến nghị về pháp luật).

Các khuyến nghị này nên tập trung vào cải cách pháp luật, đặc biệt là:

- Sửa đổi các quy định có sẵn;
- Bổ sung hoặc xóa bỏ quy định của luật;
- Bãi bỏ một đạo luật; hoặc
- Ban hành một luật mới.

2. Khuyến nghị cần cụ thể

Khi đưa ra khuyến nghị, bạn phải thật cụ thể. Nếu chỉ dừng lại ở việc chỉ ra việc cần phải sửa đổi hoặc ban hành quy định hoặc luật nào thì chưa đủ, bạn cần nêu rõ những nội dung chính cần có sau khi sửa đổi hoặc ban hành luật mới.

3. Hãy đề xuất các biện pháp hỗ trợ để người nhận khuyến nghị lựa chọn.

Có thể đưa ra một số khuyến nghị hỗ trợ việc thi hành hiệu quả các điều khoản về bình đẳng giới. Nếu luật pháp đã tuân thủ đúng theo tinh thần của Công ước, thì các biện pháp này sẽ bảo đảm việc thực hiện và thi hành. Nếu luật pháp chỉ mới tuân thủ một phần hoặc không tuân thủ Công ước, các biện pháp này có thể hỗ trợ việc thực hiện và thi hành luật, đồng thời bổ khuyết cho các khuyến nghị về pháp luật. Các khuyến nghị này cần được nhóm riêng thành một mục để phân biệt với các khuyến nghị về pháp luật.

Minh họa Bước 8.

→ Xem **Ví dụ 5 và 6** minh họa Bước 8. Minh họa các Bước 1-8

Minh họa các Bước 1-8**Ví dụ 5: Minh họa các Bước từ 1 đến 8 khi đánh giá quy định về Tuổi kết hôn tối thiểu**

Dưới đây chỉ là một ví dụ về cách thức áp dụng khung đánh giá khi tiến hành nghiên cứu rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW, tập trung vào một chỉ số liên quan đến vấn đề tuổi kết hôn tối thiểu. Bảng liệt kê dưới đây không phải là quy tắc. Các câu trả lời có thể khác đi tùy theo tình hình và các ưu tiên cụ thể của quốc gia.

Xây dựng các Chỉ số rà soát pháp luật theo CEDAW			Xác định mức độ tuân thủ và khuyến nghị				
Bước 1 Các nghĩa vụ theo CEDAW	Bước 2 Tình hình, vấn đề, và quan ngại	Bước 3 Nội dung cần có trong luật	Bước 4 Chỉ số rà soát pháp luật theo CEDAW	Bước 5 Các luật liên quan	Bước 6 Mức độ tuân thủ	Bước 7 Giải thích và bình luận	Bước 8 Khuyến nghị
<ul style="list-style-type: none"> Độ tuổi kết hôn tối thiểu Điều 16.2 Khuyến nghị chung số 21 đoạn 36-39 Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> Độ tuổi kết hôn tối thiểu đối với phụ nữ là 16 tuổi Độ tuổi kết hôn quy định giữa nam và nữ khác nhau 	<ul style="list-style-type: none"> Quy định độ tuổi kết hôn tối thiểu không dưới 18 tuổi Nam giới và phụ nữ phải được quy định tuổi kết hôn tối thiểu như nhau 	Luật pháp có quy định độ tuổi kết hôn tối thiểu bình đẳng giữa nam và nữ là 18 tuổi hay không?	<ul style="list-style-type: none"> Điều 7 Luật hôn nhân (nam giới phải đủ 18 tuổi trở lên và nữ giới đủ 16 tuổi trở lên mới được quyền kết hôn) 	Không tuân thủ	Có sự không tuân thủ vì (a) tuổi kết hôn của phụ nữ được quy định dưới 18 tuổi và (b) tuổi kết hôn giữa phụ nữ và nam giới không giống nhau.	Sửa đổi luật theo hướng quy định tuổi kết hôn tối thiểu là 18 áp dụng chung cho cả nữ và nam.

Ví dụ 6: Minh họa các Bước từ 1 đến 8 về vấn đề Quốc tịch

Dưới đây là một ví dụ về cách thức áp dụng khung đánh giá khi tiến hành nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên Công ước CEDAW về Quốc tịch. Bảng liệt kê không phải là quy tắc. Các câu trả lời có thể khác đi tùy theo tình hình và các ưu tiên cụ thể của quốc gia.

Xây dựng các Chỉ số rà soát pháp luật theo CEDAW			Xác định mức độ tuân thủ và khuyến nghị				
Bước 1 Các nghĩa vụ theo CEDAW	Bước 2 Tình hình, vấn đề, và mối quan tâm	Bước 3 Nội dung cần có trong luật	Bước 4 Chỉ số rà soát pháp luật theo CEDAW	Bước 5 Các luật liên quan	Bước 6 Mức độ tuân thủ	Bước 7 Giải thích và bình luận	Bước 8 Khuyến nghị
<ul style="list-style-type: none"> Điều 9, CEDAW Khuyến nghị chung số 21, đoạn 6 Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	Duy trì tư cách công dân (một phụ nữ có thể duy trì tư cách công dân của mình dù đã kết hôn với một người nước ngoài hoặc quốc tịch của chồng thay đổi)	Phụ nữ và nam giới có thể duy trì quốc tịch của mình bất kể việc kết hôn hoặc thay đổi quốc tịch của người vợ/chồng	Luật pháp có cho phép phụ nữ duy trì quốc tịch của mình kể cả khi kết hôn với người nước ngoài hoặc khi người chồng thay đổi quốc tịch hay không?	<ul style="list-style-type: none"> Điều 9 Luật quốc tịch (kết hôn, ly hôn, hoặc hủy hôn giữa một công dân với người nước ngoài không làm thay đổi quốc tịch của công dân đó) Điều 10 Luật quốc tịch (việc mất tư cách công dân của vợ hoặc chồng không làm thay đổi tư cách công dân của người kia) 	Tuân thủ hoàn toàn	Luật quy định áp dụng như nhau kể cho mọi công dân nam và nữ. Việc thực hiện luật cũng thống nhất. Không có sự bất bình đẳng giữa nam và nữ trong việc tiếp cận và thụ hưởng quyền này.	Không

<p>Quyền bình đẳng của người mẹ trong việc truyền quốc tịch của mình cho con</p>	<p>Phụ nữ phải có quyền bình đẳng trong việc truyền quốc tịch của mình cho con, bất kể tình trạng hôn nhân.</p>	<p>Phụ nữ và nam giới có quyền bình đẳng trong việc truyền quốc tịch của mình cho con hay không?</p>	<ul style="list-style-type: none"> Điều 17 Luật quốc tịch (trẻ em sinh ra có bố hoặc mẹ là người trong nước và người còn lại là người nước ngoài có thể được trao quốc tịch nếu có sự đồng ý bằng văn bản của cả hai cha mẹ tại thời điểm được đăng ký khai sinh) 	<p>Không tuân thủ</p>	<p>Luật này tác động không công bằng với phụ nữ vì: Có rất nhiều trường hợp các mối quan hệ không hôn nhân trong đó người cha là người nước ngoài đã bỏ đi, hoặc không tìm được, hoặc từ chối không đồng ý để đứa trẻ được nhận trao quốc tịch của cha. Việc này tước đi tư cách công dân của đứa trẻ.</p> <p>Có nhiều trường hợp buôn bán người trong đó trẻ được sinh ra bên ngoài lãnh thổ quốc gia có cha là người nước ngoài và mẹ là người trong nước. Trong những trường hợp này, Điều 12 có thể dẫn đến tình trạng trẻ em đó trở thành không quốc tịch.</p> <p>Phụ nữ nông thôn không biết được các quyền của mình theo luật và do đó, họ không quan tâm tới việc đăng ký tư cách công dân cho trẻ, ngay cả khi có sự đồng thuận của người cha.</p>	<p>Sửa đổi luật cho phép cha hoặc mẹ là người trong nước có thể truyền quốc tịch của mình cho con mà không cần sự đồng ý của người kia.</p> <p>Khuyến nghị trên phải được bổ sung bằng các biện pháp:</p> <p>Tăng cường nhận thức của công dân, đặc biệt là phụ nữ, về quyền truyền quốc tịch cho con có mẹ hoặc bố là người trong nước và người kia là người nước ngoài.</p> <p>Tăng cường nhận thức của cán bộ chính quyền có liên quan về quyền của người dân được truyền quốc tịch cho con có mẹ hoặc bố là người trong nước và người kia là người nước ngoài.</p>
--	---	--	--	-----------------------	---	--

	Quyền bình đẳng trong việc nhập quốc tịch	Phụ nữ và nam giới phải thỏa mãn những lý do và điều kiện như nhau để được nhập quốc tịch.	Phụ nữ và nam giới có quyền nhập quốc tịch bình đẳng hay không?	<ul style="list-style-type: none"> Điều 35 Luật quốc tịch (Người hôn phối là người nước ngoài của công dân trong nước phải thỏa mãn những lý do và điều kiện như nhau để được nhập quốc tịch. Giao cơ quan quản lý nhập cư chịu trách nhiệm quy định chi tiết) 	Tuân thủ một phần	<p>Mặc dù luật tuân thủ với chỉ số nhưng chưa phù hợp. Trên thực tế, người vợ là người nước ngoài từ các quốc gia "nguy cơ cao" muốn nhập quốc tịch thường bị cơ quan quản lý nhập cư yêu cầu đáp ứng những điều kiện bổ sung như chứng minh tư cách đạo đức, phẩm chất tốt, đã sống lâu dài với chồng, có nghề nghiệp hoặc thu nhập ổn định. Những đòi hỏi này lại không áp dụng khi người chồng là người nước ngoài. Cần bổ sung các điều khoản để đảm bảo cơ quan quản lý nhập cư không thể áp dụng Điều 35 một cách tùy ý.</p>	<p>Bổ sung Điều 35 quy định rõ ràng cấm việc đòi hỏi những điều kiện bổ sung dựa trên giới của người xin nhập quốc tịch.</p> <p>Bổ sung luật theo hướng quy định phải có các chương trình thông tin truyền thông cho cộng đồng và cho người xin nhập quốc tịch về quy định cấm này.</p>
--	---	--	---	---	-------------------	--	---

PHẦN NĂM:

SỬ DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

Phần này gồm:

- ✓ Từ đánh giá đến cải cách
- ✓ Sử dụng nghiên cứu rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW như thế nào để tạo ra thay đổi

TỪ RÀ SOÁT TỚI CẢI CÁCH

Các Nghiên cứu rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW là những công cụ quan trọng để biến hệ thống pháp luật quốc gia thành một hệ thống thừa nhận và bảo đảm sự bình đẳng và không phân biệt đối xử. Trong nhiều trường hợp, quá trình từ đánh giá tới chuyển biến không tự nhiên diễn ra mà cần phải có các hoạt động vận động pháp luật để bảo đảm những kết luận của nghiên cứu rà soát pháp luật sẽ dẫn đến cải cách pháp luật thực sự.

Để làm được điều này đòi hỏi phải kết hợp các chiến lược bổ trợ lẫn nhau, bao gồm:¹⁵

Xây dựng liên minh và mạng lưới

Xác định các cá nhân và nhóm có thể giúp đỡ trong quá trình vận động pháp luật. Điều này có ý nghĩa quan trọng vì vận động pháp luật là một việc làm khó khăn. Chiến lược này đòi hỏi nhiều thời gian, công sức, sự cam kết, và kỹ năng.

Lập sơ đồ vận động chính sách

Xác định điểm khởi đầu để can thiệp vào từng bước trong quá trình xây dựng luật. Xác định các cá nhân và nhóm mục tiêu cần tác động cũng như những người ủng hộ và nhóm những người phản đối. Xác định các kỹ năng và nhiệm vụ cần làm để hoàn thành toàn bộ công việc cũng như vai trò của từng cá nhân hoặc nhóm.

Xác định đề xuất pháp luật

Dựa trên kết quả nghiên cứu rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW, viết ra những phần chính của đề xuất pháp luật. Chia sẻ nhận thức của tất cả các những người ủng hộ về những yếu tố này. Xác định rõ vấn đề gì không thể thương lượng được. Dự đoán xem những người không ủng hộ có thể sử dụng những lập luận gì và chuẩn bị lập luận ứng phó.

Thông tin và nghiên cứu

Các nhà làm luật thường tìm kiếm số liệu, phân tích, và những thông tin khác để thuyết phục bản thân và người khác về tính hợp lý của đề xuất pháp luật. Do đó, hãy thu thập thông tin và phổ biến thông tin với những người ủng hộ, các nhà hoạch định chính sách, và các bên liên quan khác. Nếu làm tốt, nghiên cứu rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW, với tư cách là một nghiên cứu sâu, có đầy đủ thông tin cần thiết. Nếu không, hãy tiến hành các nghiên cứu thêm để bổ sung vào kết quả nghiên cứu rà soát pháp luật.

¹⁵ Xem thêm Ban Luật pháp phụ nữ. *Sổ tay vận động pháp luật dành cho phụ nữ*, Quezon City, 2001.

Vận động hành lang

Trong vận động pháp luật, vận động hành lang là một quá trình tác động tới người làm luật để thúc đẩy hoặc ngăn chặn việc thông qua một đề xuất về pháp luật. Hãy tìm hiểu về các hoạt động vận động hành lang ở trong nước hay cộng đồng của bạn. Điều này cũng có nghĩa là cần xác định các nhóm ủng hộ hoặc mạng lưới của bạn có kinh nghiệm và kỹ năng vận động hành lang và khai thác triệt để chuyên môn của họ.

Giáo dục cộng đồng

Nâng cao nhận thức và giúp cho cộng đồng hiểu rõ về đề xuất pháp luật cũng có ý nghĩa quan trọng vì các quan chức và các nhà lập pháp thường rất nhạy cảm với ý kiến của công luận và truyền thông đại chúng. Việc sử dụng các phương tiện truyền thông như truyền hình, đài phát thanh, ấn phẩm, và Internet được cho là một phương thức hiệu quả để quảng bá tới số đông người dân. Giáo dục cộng đồng tạo ra nhiều liên minh mới và người ủng hộ cho việc vận động pháp luật.

SỬ DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

Kết quả nghiên cứu rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW được sử dụng chủ yếu để thúc đẩy cải cách pháp luật. Ngoài ra, kết quả này còn có thể sử dụng vào nhiều mục đích khác bao gồm:

Là nền tảng chung cho vận động pháp luật

Hoạt động đánh giá Luật hôn nhân (Luật số 1 năm 1974) của In-đô-nê-xi-a hiện đang được Sáng kiến nhóm công tác CEDAW (CWGI) – một liên minh các tổ chức phi chính phủ theo dõi việc thực hiện Công ước CEDAW – tiến hành với hỗ trợ kỹ thuật của UNIFEM.

- **Sử dụng:** Đánh giá này sẽ được sử dụng như một căn cứ chung cho việc vận động sửa đổi Luật hôn nhân hiện hành hoặc xây dựng một luật mới. Để hỗ trợ hoạt động này, nhóm thực hiện đã xác định một bộ các chỉ số đánh giá luật theo Công ước CEDAW trong lĩnh vực hôn nhân, đưa ra các khuyến nghị cải cách, và đề xuất các điều khoản cần viết lại trong Luật hôn nhân.

Là một phương thức đánh giá tiến bộ

Chính phủ Cam-pu-chia với sự chủ trì của Bộ tư pháp và hỗ trợ của UNIFEM đang tiến hành đánh giá các luật về hôn nhân, phòng chống buôn bán người, bạo lực gia đình, và việc làm của người giúp việc gia đình, để đảm bảo tuân thủ với các nghĩa vụ của nước mình theo Công ước CEDAW.

- **Sử dụng:** Đánh giá này được tiến hành để đo lường những tiến bộ mà quốc gia đã đạt được trong việc tuân thủ Công ước CEDAW, đặc biệt là trong bối cảnh nhiều luật mới vừa được thông qua cũng như sắp được thông qua. Chính phủ Cam-pu-chia đang nỗ lực điều chỉnh những nội dung còn chưa phù hợp, ví dụ: sửa đổi ngay các điều khoản khi có thể và đưa các điều khoản khác vào chương trình xây dựng luật và quy định hiện có.

Hỗ trợ xây dựng pháp luật

Một khảo sát pháp luật theo khung Công ước CEDAW sẽ được thực hiện tại Đông Timor do Ủy ban phụ nữ và Trung tâm thông tin số liệu giới của Quốc hội nước này tiến hành. Khảo sát này sẽ cho biết những thành quả và tồn tại trong hệ thống luật pháp.

- **Sử dụng:** Kết quả của cuộc khảo sát pháp luật được dự định đưa vào quá trình xây dựng luật bình đẳng giới. Kết quả này sẽ giúp những người xây dựng dự thảo luật nhận diện được những vấn đề ưu tiên cần đưa vào những đạo luật sắp được ban hành.

Hỗ trợ xây dựng các chiến lược, kế hoạch, chương trình, hoạt động, và báo cáo

Là công cụ xác định ưu tiên

Sau khi Việt Nam thông qua Luật bình đẳng giới ngày 29/11/2006, Chỉ thị về triển khai thực hiện Luật bình đẳng giới được ban hành ngày 3/5/2007 giao Chính phủ rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Để giúp Chính phủ thực hiện rà soát theo Chỉ thị về Bình đẳng giới, hoạt động nghiên cứu rà soát pháp luật với tên gọi “CEDAW và pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam dựa trên cơ sở giới và quyền qua lăng kính CEDAW” đã được UNIFEM Việt Nam tiến hành trên 18 chủ đề với khoảng 200 văn bản quy phạm pháp luật được rà soát. Nghiên cứu rà soát pháp luật này được thảo luận với 55 đầu mối từ các bộ ngành, Đảng cộng sản Việt Nam, các tổ chức quần chúng, và nhiều cơ quan khác.

- **Sử dụng:** Nghiên cứu rà soát pháp luật được thực hiện nhằm giúp Chính phủ rà soát các văn bản luật hiện hành để đảm bảo phù hợp với Công ước CEDAW và Luật bình đẳng giới. Đánh giá này nêu bật những lĩnh vực cần được Chính phủ quan tâm giải quyết ngay. Cơ quan tiến hành nghiên cứu nêu rõ rằng việc rà soát pháp luật này là một nguồn thông tin quan trọng để: (a) Nhà nước rà soát Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2010, (b) xây dựng Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về Bình đẳng giới 2011-2020, (c) chuẩn bị Báo cáo quốc gia lần tiếp theo cho Ủy ban CEDAW vào đầu năm 2011, và (d) sửa đổi toàn diện Bộ luật lao động, cũng như các luật khác.

Là một công cụ thúc đẩy hành động thống nhất và phối hợp

Tại khu vực Thái Bình Dương, Văn phòng khu vực Thái Bình Dương của UNIFEM và Trung tâm Thái Bình Dương của UNDP đã yêu cầu thực hiện hai báo cáo rà soát tại chỗ để đánh giá mức độ tuân thủ Công ước CEDAW của hệ thống pháp luật tại 9 quốc gia trong khu vực Thái Bình Dương gồm Liên bang Micronesia, Fiji, Kiribati, Quần đảo Marshall, Papua New Guinea, Samoa, Quần đảo Solomon, Tuvalu và Vanuatu. Đánh giá này nhằm thu thập thông tin sâu về luật pháp của các quốc gia kể trên. Đánh giá đã áp dụng đồng loạt 113 chỉ số rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW ở cả 9 quốc gia. Báo cáo rà soát tại chỗ được công bố với tên gọi: “Đưa CEDAW vào pháp luật: Mức độ tuân thủ Công ước CEDAW trong hệ thống luật pháp của 9 đảo quốc trong khu vực Thái Bình Dương”.

- **Sử dụng:** Sau khi tiến hành rà soát, Chính phủ các quốc gia này đã cam kết ưu tiên vấn đề tuân thủ các chỉ số xác định được qua cuộc rà soát trong chương trình xây dựng luật của nước mình. Các cam kết hành động thống nhất hoặc phối hợp đã được thúc đẩy thông qua hoạt động rà soát pháp luật vì cả 9 quốc gia đều sử dụng các chỉ số giống nhau.

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC CHỈ SỐ RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

Dưới đây là danh mục các chỉ số mẫu về pháp luật dựa trên Công ước CEDAW theo từng vấn đề. Từng chỉ số sẽ được đánh giá theo mức độ phù hợp với tình hình thực tế về bình đẳng giới ở từng nước. Danh mục sẽ hỗ trợ xác định các chỉ số phù hợp đối với từng quốc gia. Lưu ý rằng đây không phải là một danh mục hoàn hảo.

Trong phần trình bày dưới đây, các vấn đề quy định tại các điều từ 6 đến 16, cột “Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW” chỉ tập trung vào các điều chính. Tuy nhiên, vì các điều từ 1 đến 5 quy định về các nghĩa vụ chung, nên cũng có thể liệt kê thêm vào cột “Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW” bên cạnh các điều từ 6 đến 16.

Điều 1-5: Các hoạt động chung để xóa bỏ phân biệt đối xử và đảm bảo bình đẳng	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> Điều 1-5 Khuyến nghị chung số 19 Khuyến nghị chung số 25 Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<p><i>Đảm bảo bình đẳng và không phân biệt đối xử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiến pháp có đảm bảo bình đẳng và không phân biệt đối xử dựa trên giới tính hoặc giới hay không? - Hiến pháp có đảm bảo bình đẳng và không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, độ tuổi, khuyết tật, dân tộc, địa vị kinh tế xã hội, định hướng tính dục, và các nguyên tố tương tự khác hay không? - Có định nghĩa về bình đẳng giữa nam và nữ hoặc bình đẳng giới hay không và định nghĩa đó có phù hợp với bình đẳng thực chất không? - Có định nghĩa về phân biệt đối xử/không phân biệt đối xử dựa trên cơ sở giới tính/giới hay không và định nghĩa đó có phù hợp với Điều 1 Công ước CEDAW không? <p><i>Cấm phân biệt đối xử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có luật nào quy định rõ ràng cấm các cơ quan nhà nước phân biệt đối xử về giới hay không? - Có luật nào cấm các cá nhân, doanh nghiệp, và tổ chức khu vực tư nhân phân biệt đối xử về giới hay không? - Có các chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm hoặc phớt lờ dẫn đến phân biệt đối xử hay không? - Chế tài xử phạt có nặng hơn hay không nếu người có hành vi phân biệt đối xử là nhân viên khu vực công? - Luật pháp có cấm người nước ngoài và các cơ quan, tổ chức do người nước ngoài làm chủ/điều phối phân biệt đối xử hay không? <p><i>Bảo vệ phụ nữ về mặt pháp lý</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy định quyền được bồi thường trong các vụ phân biệt đối xử không? - Có quy định bảo đảm trợ giúp pháp lý trong các vụ phân biệt đối xử không? - Có quy định bảo đảm trợ giúp pháp lý cho phụ nữ không? - Quy định chống phân biệt đối xử về giới có áp dụng với người nước ngoài không? <p><i>Các thể chế, cơ chế thực thi và giám sát</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật có quy định một cơ quan cụ thể chịu trách nhiệm về bình đẳng giới không? - Cơ quan được giao chịu trách nhiệm về bình đẳng giới có được quy định nhiệm vụ, quyền hạn, và nguồn lực cụ thể không? - Luật có quy định các cơ quan nhà nước phải lồng ghép bình đẳng giới vào hoạt động của mình hay không? - Luật có quy định phải thu thập số liệu chi tiết theo giới tính và phân tích về giới hay không? - Luật có quy định phải có các chiến lược và kế hoạch để đảm bảo thúc đẩy và duy trì bình đẳng giới không? - Có ủy ban độc lập nào (ví dụ: ủy ban phụ nữ, ủy ban quyền con người) giám sát mức độ tuân thủ của Chính phủ về bình đẳng giới và/hoặc CEDAW không? <p><i>Lồng ghép và áp dụng các hiệp định</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ước CEDAW có được coi là luật trong khuôn khổ pháp luật quốc gia không? - Các điều khoản của Công ước CEDAW có thể được dẫn chiếu trực tiếp trong thủ tục tố tụng tư pháp hoặc các quá trình tương tự như là một quyền có giá trị trong tố tụng hay không? - Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Công ước CEDAW và luật pháp trong nước, có áp dụng theo Công ước CEDAW, trừ khi quy định của pháp luật quốc gia tốt hơn quy định của CEDAW trong việc đảm bảo bình đẳng, hay không? <p><i>Các biện pháp đặc biệt ngắn hạn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật pháp có quy định áp dụng các biện pháp đặc biệt tạm thời để nhanh chóng tiến tới bình đẳng trên thực tế hay không? - Có thủ tục nào về việc áp dụng các biện pháp đặc biệt tạm thời này không?

Điều 1 và 2: Bạo lực giới	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • Điều 1-2 và 5 • Khuyến nghị chung số 19 • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<p><i>Bạo lực gia đình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạo lực gia đình theo định nghĩa của luật có gồm tất cả các hình thức bạo lực (thể chất, tinh thần, kinh tế, tình dục, và xâm hại) hay không? - Định nghĩa bạo lực gia đình có gồm hành vi cưỡng bức tình dục trong hôn nhân không? - Định nghĩa bạo lực gia đình có gồm tất cả các hình thức cưỡng ép và tước đoạt tự do không? - Quy định phòng chống bạo lực gia đình có bảo vệ cả người vợ/chồng, chồng/vợ cũ, người có con chung, người sống chung, và những người khác có quan hệ gần gũi hay không? - Luật pháp có quy định biện pháp bảo vệ tức thời cho nạn nhân bạo lực gia đình hay không? - Biện pháp này có ngăn chặn người vi phạm tiếp tục thực hiện các hành vi bạo lực hay không? - Biện pháp này có cấm người vi phạm tiếp xúc hoặc quấy rối nạn nhân và gia đình họ hay không? - Biện pháp này có cho phép trục xuất tạm thời người vi phạm khỏi nơi ở của nạn nhân bất kể nơi ở đó là thuộc sở hữu của ai hay không? - Biện pháp bảo vệ tức thời có cho phép ra quyết định về quyền nuôi con tạm thời hay không? - Biện pháp bảo vệ tức thời có cho phép chi trả hỗ trợ cho nạn nhân hay không? - Biện pháp này có cho phép chi trả tạm thời chi phí y tế phát sinh do hành vi bạo lực gây ra hay không? - Bạo lực gia đình có bị cấm không? - Biện pháp bảo vệ tạm thời có được duy trì trong thời gian đủ dài để nạn nhân đảm bảo về sự an toàn và bảo vệ của mình hay không? - Luật pháp có cho phép ban hành biện pháp bảo vệ tức thời độc lập với việc khởi tố vụ án (hoặc độc lập với việc nạn nhân có quyết định khởi kiện hay không) không? - Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ tức thời có phải là một cơ quan dễ dàng tiếp cận hay không? - Biện pháp bảo vệ tức thời có được quyết định đơn phương hay không? - Biện pháp bảo vệ tức thời có được quyết định áp dụng trong cùng ngày khi nạn nhân yêu cầu được bảo vệ hay không? - Luật pháp có quy định các dịch vụ cải tạo người có hành vi bạo lực gia đình hay không? - Luật pháp có quy định phải có dịch vụ tham vấn cho nạn nhân bạo lực gia đình và gia đình họ hay không? - Luật pháp có quy định phải có trợ giúp pháp lý miễn phí hoặc giá phù hợp cho nạn nhân bạo lực gia đình hay không? - Luật pháp có quy định có dịch vụ y tế miễn phí hoặc giá phù hợp cho nạn nhân bạo lực gia đình hay không? - Luật pháp có quy định cơ quan nào có trách nhiệm trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình hay không? - Luật pháp có quy định phải thiết lập các cơ sở tạm lánh hoặc lưu trú cho nạn nhân bạo lực hay không? - Hành vi bạo lực gia đình có bị xử phạt bằng chế tài tương ứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi không? - Luật pháp có quy định nhân viên y tế, cán bộ xã hội, lãnh đạo thôn, hoặc các cán bộ khác bắt buộc phải báo cáo các vụ bạo lực gia đình cho chính quyền địa phương hay không? - Việc bãi nại của nạn nhân có tác dụng chấm dứt việc truy tố hình sự đối với vụ án bạo lực gia đình hay không? - Nạn nhân bạo lực gia đình có quyền được bồi thường không? - Các vụ án bạo lực gia đình không được giải quyết qua hòa giải? - Luật pháp có quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong việc xử lý bạo lực gia đình hay không? - Luật pháp có quy định việc phối hợp liên ngành trong giải quyết bạo lực gia đình không? - Luật pháp có quy định phải tập huấn các cán bộ hành pháp, tư pháp, cán bộ xã hội, và nhân viên y tế về bạo lực gia đình không? - Luật pháp có quy định trách nhiệm phổ biến thông tin về bạo lực gia đình cho một cơ quan cụ thể nào không? - Luật pháp có quy định việc thu thập thông tin số liệu và nghiên cứu về bạo lực gia đình không? <p><i>Hiếp dâm và các hình thức tấn công tình dục khác</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiếp dâm và các hình thức tấn công tình dục khác có bị cấm không?

	<ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa hiếp dâm và tấn công tình dục có bao gồm hành vi cưỡng bức giao hợp đường miệng hoặc hậu môn không? - Định nghĩa hiếp dâm và tấn công tình dục có bao gồm hành vi đưa các đồ vật vào cơ quan sinh dục của người khác không? - Luật pháp có cho phép truy tố hành vi hiếp dâm kể cả khi không có sự đồng ý của nạn nhân không? - Việc truy tố hành vi hiếp dâm có chấm dứt khi nạn nhân yêu cầu bãi nại hay không? - Có quy định hành vi cưỡng bức tình dục trong hôn nhân là một tội không? - Luật pháp có cho phép chấm dứt thủ tục tố tụng hình sự đối với hành vi cưỡng bức tình dục trong hôn nhân nếu nạn nhân bãi nại hoặc tha thứ cho hành vi đó hay không? - Có quy định cấm việc viện dẫn hành vi tình dục trước đây để kết luận rằng những lần sau đó nạn nhân cũng tự nguyện quan hệ hay không? - Luật không quy định đòi hỏi nạn nhân phải chống cự mạnh mẽ thì mới coi là hiếp dâm? - Luật không quy định đòi hỏi lời khai của nạn nhân phải được nhân chứng chứng thực thì mới có thể truy tố thành công thủ phạm? - Luật có quy định đòi hỏi phải cung cấp dịch vụ hỗ trợ phục hồi về thể chất, tâm lý, và xã hội cho nạn nhân hay không? - Luật có quy định phải có dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí hoặc giá hợp lý cho nạn nhân bị hiếp dâm hay không? - Nạn nhân bị hiếp dâm có quyền được bồi thường hay không? - Luật pháp có bảo vệ nhận dạng và quyền riêng tư của nạn nhân bị hiếp dâm hoặc tấn công tình dục hay không? - Luật pháp có quy định tòa án phải sắp xếp việc xét xử sao cho nạn nhân không phải đối mặt trực tiếp với thủ phạm, ví dụ như hình thức xét xử qua video truyền trực tiếp, khi sự an toàn hoặc sức khỏe của nạn nhân bị đe dọa? - Luật pháp có quy định thủ tục bảo vệ nạn nhân bị hiếp dâm cũng như người làm chứng tránh khỏi bị trả thù hoặc đe dọa, ví dụ: các chương trình bảo vệ nạn nhân và nhân chứng? - Luật pháp có quy định phải đào tạo, tập huấn cho cán bộ hành pháp và tư pháp, cán bộ xã hội, nhân viên y tế về vấn đề hiếp dâm và tấn công tình dục, đặc biệt là cách thức xử lý các vụ việc này theo phương thức nhạy cảm về giới hay không?
--	--

Điều 6: Buôn bán người và bóc lột mại dâm	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • Điều 6 • Khuyến nghị chung số 19, đoạn 13-16 và 24 • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<p><i>Buôn bán người</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành vi buôn bán người có bị cấm không? - Luật pháp có định nghĩa buôn bán người bao gồm tất cả các hành vi có thể cấu thành buôn bán người, bao gồm tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp, hoặc tiếp nhận người bị buôn bán hay không? - Luật pháp có quy định tất cả các thủ đoạn thực hiện hành vi buôn bán người bao gồm đe dọa hoặc sử dụng vũ lực, các hình thức cưỡng ép, bắt cóc, gian lận, lừa gạt, lạm dụng quyền lực, lợi dụng tình thế dễ bị tổn thương của nạn nhân, trả hoặc nhận tiền hoặc lợi ích để đạt được sự đồng ý của những người có quyền kiểm soát đối với nạn nhân hay không? - Luật pháp có định nghĩa mục đích của hành vi buôn bán người là bao gồm các hình thức bóc lột, kể cả bóc lột mại dâm và các hình thức bóc lột tình dục khác, cưỡng ép lao động, nô dịch, các hoạt động như nô dịch, hoặc để lấy bộ phận cơ thể hay không? - Luật pháp có quy định quyền tài phán trong việc xử lý các hành vi buôn bán người xảy ra ở cả bên trong và bên ngoài lãnh thổ quốc gia, cả trường hợp công dân quốc gia đó là người vi phạm hoặc là người bị hại hay không? - Người bị buôn bán có được miễn truy tố hay không? - Việc tố cáo hành vi buôn bán người có bị mặc nhiên bác bỏ khi nạn nhân bị buôn bán quyết định bãi nại hay không? - Nạn nhân bị buôn bán có được quyền đòi bồi thường cho những thiệt hại mình phải chịu hay không? - Luật pháp có bảo vệ nhận dạng và quyền riêng tư của nạn nhân bị buôn bán không? - Luật pháp có quy định tòa án phải sắp xếp việc xét xử sao cho nạn nhân không phải đối mặt trực tiếp với thủ phạm, ví dụ như hình thức xét xử qua video truyền trực tiếp, khi sự an toàn hoặc sức khỏe của nạn nhân bị đe dọa? - Luật pháp có quy định thủ tục bảo vệ nạn nhân bị buôn bán cũng như người làm chứng tránh khỏi bị trả thù hoặc đe dọa, ví dụ: các chương trình bảo vệ nạn nhân và nhân chứng? - Buôn bán người có phải là một tội phạm có thể bị dẫn độ hay không?

PHỤ LỤC I:

DANH MỤC CÁC CHỈ SỐ RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

	<ul style="list-style-type: none"> - Buôn bán người có bị xử phạt bằng những chế tài phù hợp với mức độ nghiêm trọng của hành vi hay không? - Luật pháp có quy định có các dịch vụ hỗ trợ phục hồi và tái hòa nhập cho nạn nhân bị buôn bán không? - Luật pháp có quy định phải cung cấp dịch vụ tham vấn cho nạn nhân bị buôn bán không? - Luật pháp có quy định phải cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí hoặc giá phù hợp cho nạn nhân bị buôn bán không? - Luật pháp có quy định phải cung cấp dịch vụ y tế miễn phí hoặc giá phù hợp cho nạn nhân bị buôn bán không? - Luật pháp có quy định cơ quan chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân bị buôn bán không? - Luật pháp có quy định phải thiết lập các cơ sở tạm lánh hoặc lưu trú cho nạn nhân bị buôn bán không? - Luật pháp có quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong xử lý nạn buôn bán người hay không? - Luật pháp có quy định phải đào tạo, tập huấn cho cán bộ hành pháp và tư pháp, cán bộ xã hội, nhân viên y tế về vấn đề buôn bán người, đặc biệt là cách thức xử lý các vụ việc một cách phù hợp hay không? - Luật pháp có quy định trách nhiệm phổ biến thông tin về buôn bán người cho một cơ quan cụ thể nào hay không? <p><i>Bóc lột mại dâm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ làm mại dâm có được miễn truy tố hoặc miễn áp dụng bất kỳ hình thức giam giữ không tự nguyện nào hay không? - Hành vi tìm kiếm, tuyển mộ người để làm mại dâm có bị xử phạt không? - Hành vi hưởng lợi có nhận thức từ hoạt động mại dâm của người khác có bị xử phạt không? - Luật pháp có quy định việc bảo vệ nhận dạng và quyền riêng tư của nạn nhân bị bóc lột mại dâm không? - Luật pháp có quy định cơ quan có trách nhiệm cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bị bóc lột mại dâm không? - Luật pháp có quy định thiết lập các cơ sở tạm lánh hoặc lưu trú cho nạn nhân bị bóc lột mại dâm không? - Luật pháp có quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong việc xử lý mại dâm không? - Luật pháp có quy định đức hạnh và trình tiết của nạn nhân là một yếu tố định tội đối với tội hiếp dâm và các hình thức tấn công tình dục khác?
--	--

Điều 7- 8: Đời sống chính trị và đời sống chung

Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • Điều 7-8 • Khuyến nghị chung số 23 • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền bình đẳng trong bầu cử có được bảo đảm trong Hiến pháp hoặc luật hay không? - Điều kiện tham gia ứng cử các cơ quan dân cử có bình đẳng không? - Có điều khoản nào quy định các biện pháp đặc biệt tạm thời để đảm bảo tỷ lệ phụ nữ trong các cơ quan lập pháp đạt 30% hay không? - Điều kiện để được bổ nhiệm vào các vị trí trong hệ thống hành chính công có bình đẳng không? - Có điều khoản nào quy định các biện pháp đặc biệt tạm thời để đảm bảo tỷ lệ phụ nữ trong các vị trí khu vực công đạt 30% hay không? - Luật pháp không có quy định nào hạn chế quyền tự do đi lại của phụ nữ? - Phụ nữ có quyền bình đẳng trong việc tham gia các tổ chức quần chúng, tổ chức phi chính phủ, và các nhóm xã hội dân sự khác? - Có luật nào quy định việc đăng ký và huy động các tổ chức phi chính phủ vào hoạt động thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ hay không? - Luật pháp có đảm bảo việc tuyển dụng các nhà ngoại giao áp dụng những tiêu chuẩn như nhau cho cả nam và nữ hay không? - Luật pháp có đảm bảo lợi ích và cơ hội bình đẳng cho các nhà ngoại giao nam và nữ hay không?

Điều 9: Quốc tịch	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • Điều 9 • Khuyến nghị chung số 21, đoạn 6 • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ có quyền bình đẳng trong việc xin nhập hoặc thay đổi quốc tịch của mình hay không? - Phụ nữ có quyền bình đẳng trong việc duy trì quốc tịch của mình, kể cả khi kết hôn với một người nước ngoài hoặc khi quốc tịch của chồng thay đổi hay không? - Phụ nữ có quyền bình đẳng trong việc đặt quốc tịch của mình cho con cái hay không? - Phụ nữ có quyền bình đẳng trong việc đặt quốc tịch của mình cho chồng hay không?

Điều 10: Giáo dục	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • Điều 10 • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> - Có quy định đảm bảo bình đẳng và không phân biệt đối xử trong giáo dục không? - Luật pháp có cấm phân biệt đối xử trong tuyển dụng, lựa chọn, và đăng ký nhập học cho học sinh hay không? - Có quy định cấm việc không cho nhập học hoặc đuổi học dựa trên tình trạng mang thai và nghỉ thai sản con hay không? - Luật pháp có đảm bảo khả năng tiếp cận với cùng một chương trình học, các kỳ thi, giáo viên, và trang thiết bị nhà trường hay không? - Luật pháp có cấm phân biệt đối xử dựa trên giới tính/giới trong việc cấp học bổng hoặc hỗ trợ hay không? - Luật pháp có đảm bảo khả năng tiếp cận giáo dục của các nhóm phụ nữ thiệt thòi, bao gồm phụ nữ, trẻ em gái dân tộc và phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật hay không? - Có văn bản pháp luật đảm bảo các cán bộ quản lý, nhân viên, và giáo viên của trường học không phân biệt đối xử dựa trên giới tính/giới hay không? - Luật pháp có cấm hành vi quấy rối tình dục của cán bộ quản lý, nhân viên, giáo viên trong trường hay không? - Định nghĩa quấy rối tình dục có bao gồm các hình thức quấy rối về thể chất, tâm lý, bằng lời nói, và bằng hình ảnh hay không?

Điều 11: Việc làm	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • CEDAW, Điều 11 • Khuyến nghị chung số 13 • Khuyến nghị chung số 16 • Khuyến nghị chung số 17 • Khuyến nghị chung số 19, đoạn 17, 18 24 (j và p) • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> - Có quy định rõ ràng việc đảm bảo bình đẳng và không phân biệt đối xử trong việc làm dựa trên giới tính, chủng tộc, dân tộc, địa vị kinh tế xã hội, định hướng tính dục, và các nguyên tố khác hay không? - Phụ nữ có cơ hội việc làm bình đẳng như nam giới hay không? (Không có quy định nào hạn chế phụ nữ lựa chọn việc làm cho mình?) - Luật pháp có cấm việc áp dụng các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn khác nhau đối với nam và nữ hay không? - Luật pháp có cấm các quảng cáo việc làm chỉ chấp nhận các ứng viên thuộc một giới tính nhất định hay không? (trừ khi đó là do tính chất của biện pháp đặc biệt tạm thời) - Luật pháp có quy định các biện pháp đặc biệt tạm thời để bảo đảm việc phụ nữ tham gia vào các ngành nghề mà nam giới chiếm số đông hay không? - Luật pháp có cấm việc sa thải dựa trên cơ sở giới hay không? - Luật pháp có các điều khoản quy định bình đẳng về điều kiện chấm dứt hợp đồng làm việc hay không? - Luật pháp có điều khoản quy định trả công bình đẳng cho các công việc giống nhau và công việc có giá trị ngang nhau hay không? - Luật pháp có quy định phải áp dụng những tiêu chí giống nhau trong việc xét thăng tiến cho phụ nữ và nam giới hay không? - Luật pháp có quy định những biện pháp đặc biệt tạm thời để đảm bảo phụ nữ và nam giới có cơ hội bình đẳng được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo hay không? - Luật pháp có quy định các tiêu chí lựa chọn như nhau đối với phụ nữ và nam giới được cử đi đào tạo và các hoạt động phát triển năng lực không?

PHỤ LỤC I:

DANH MỤC CÁC CHỈ SỐ RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

	<ul style="list-style-type: none"> - Luật pháp có quy định các biện pháp đặc biệt ngắn hạn để đảm bảo phụ nữ và nam giới có khả năng tiếp cận bình đẳng với các hoạt động đào tạo và phát triển năng lực hay không? - Luật pháp có quy định các tiêu chí bình đẳng trong đánh giá công việc hay không? - Luật pháp có quy định độ tuổi và điều kiện nghỉ hưu bình đẳng không? - Luật pháp có quy định điều kiện bình đẳng để được hưởng các chế độ an sinh xã hội (như ốm đau, khuyết tật, mất việc làm) hay không? - Luật pháp có cấm hành vi quấy rối tình dục của người sử dụng lao động và đồng nghiệp hay không? - Định nghĩa quấy rối tình dục có bao gồm các hình thức quấy rối về thể chất, tâm lý, bằng lời nói, và bằng hình ảnh hay không? - Luật pháp có quy định những bảo vệ bình đẳng cho phụ nữ và nam giới đối với các nguy hiểm, rủi ro nghề nghiệp hay không? - Luật pháp có quy định quyền bình đẳng trong việc tổ chức và tham gia công đoàn hay không? - Luật pháp có cấm việc hạn chế những loại công việc phụ nữ có thể làm trong quá trình làm việc hay không? - Luật pháp có cho phép cả nam và nữ có thể làm việc an toàn ban đêm hay không? - Luật pháp có quy định cấm sa thải vì lý do tình trạng hôn nhân, thai sản, và nuôi con hay không? - Luật pháp có quy định nghỉ thai sản giữ nguyên lương trong thời gian hợp lý mà không bị trừ thời gian tính thâm niên và các lợi ích khác không? - Luật pháp có quy định phải đảm bảo cơ sở trông giữ trẻ tại nơi làm việc hoặc trả tiền phụ cấp chăm sóc con cái hay không? - Luật pháp có cho phép thời gian chăm con hợp lý trong giờ làm việc hay không? - Luật pháp có quy định bảo vệ phụ nữ khỏi những không việc nặng nhọc hoặc những công việc đã được chứng minh là nguy hại đối với sức khỏe của họ và của thai nhi trong quá trình mang thai hay không? - Có quy định nghỉ chăm con giữ nguyên lương trong khoảng thời gian hợp lý cho nam giới không? - Luật pháp có chỉ định một cơ quan chịu trách nhiệm giám sát mức độ tuân thủ các quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực việc làm hay không? - Luật pháp có chỉ định một cơ quan thi hành để đảm bảo tuân thủ các quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực việc làm hay không? - Có các chế tài đối với cơ quan giám sát và thi hành khi họ không làm tròn trách nhiệm giám sát và thi hành của mình hay không? - Có chế tài xử phạt hành vi phân biệt đối xử trong lĩnh vực việc làm không? - Nạn nhân bị phân biệt đối xử trong lĩnh vực việc làm có được bồi thường vì những thiệt hại họ phải chịu hay không?
--	---

Điều 12: Y tế	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • Điều 12 • Khuyến nghị chung số 19, đoạn 19-20 • Khuyến nghị chung số 24 • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật pháp có quy định đảm bảo không phân biệt đối xử dựa trên giới tính/giới và khả năng tiếp cận bình đẳng với chăm sóc y tế hay không? - Luật pháp có quy định cụ thể về việc bảo đảm chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục cho phụ nữ hay không? - Luật pháp có quy định bảo đảm khả năng tiếp cận của phụ nữ với các dịch vụ y tế phù hợp về mang thai và nghỉ thai sản hay không? - Luật pháp có quy định có dịch vụ y tế miễn phí hoặc giá hợp lý cho phụ nữ nghèo, phụ nữ vãn tục, và các nhóm phụ nữ yếu thế khác hay không? - Luật pháp có quy định nạo thai không phải là một tội hay không? - Nạo thai lựa chọn giới tính và các biện pháp lựa chọn giới tính trước khi sinh có bị cấm không? - Không có luật nào hạn chế quy mô gia đình? - Luật pháp không đòi hỏi phụ nữ phải có sự đồng ý của người chồng/bạn tình hoặc gia đình mới có thể tiếp cận dịch vụ y tế? - Có luật nào quy định cấm phân biệt đối xử dựa trên tình trạng hôn nhân trong tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục hay không? - Có luật nào quy định đảm bảo quyền được thông tin và tự do lựa chọn kế hoạch hóa gia đình hay không? - Có luật nào quy định cấm sử dụng các hành vi cưỡng ép, đe dọa, hoặc tác động không chính đáng trong các chương trình kế hoạch hóa gia đình hay không? - Có luật nào quy định đảm bảo khả năng tiếp cận với các phương pháp kế hoạch hóa gia đình giá cả hợp lý, hiệu quả, và đa dạng hay không?

	<ul style="list-style-type: none"> - Có luật nào quy định việc phòng ngừa và quản lý các bệnh viêm nhiễm đường sinh sản trong đó có bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS, ung thư đường sinh sản, các bệnh và ung thư phụ khoa hay không? - Có luật nào quy định cấm phân biệt đối xử đối với những người, trong đó có phụ nữ, có HIV/AIDS hoặc mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục khác hay không? - Hành vi quấy rối tình dục do nhân viên y tế thực hiện có bị cấm hay không? - Định nghĩa quấy rối tình dục có bao gồm các hình thức quấy rối về thể chất, tâm lý, bằng lời nói, và bằng hình ảnh hay không? - Luật pháp có quy định bảo vệ nhận dạng và quyền riêng tư của người bệnh hay không? - Có luật quy định phổ biến thông tin y tế, trong đó có chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục hay không? - Luật pháp có quy định giảng dạy về các quyền sinh sản và tình dục cho trẻ em và người chưa thành niên hay không? - Luật pháp có quy định phải có các khóa học về sức khỏe phụ nữ và bạo lực giới trong chương trình đào tạo nhân viên y tế hay không? - Luật pháp có quy định phải thiết lập các biện pháp tăng cường kỹ năng của những người làm nghề chữa bệnh và hộ sinh theo lối truyền thống để họ có thể cung cấp dịch vụ y tế an toàn, hiệu quả, giá cả hợp lý hay không?
--	--

Điều 13: Đời sống kinh tế và xã hội	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • Điều 13 • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> - Có quy định đảm bảo sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào lĩnh vực kinh tế hay không? - Phụ nữ có quyền bình đẳng trong tiếp cận tín dụng, vay vốn, và các quỹ không? - Có các biện pháp đặc biệt tạm thời giúp tăng tỷ lệ phụ nữ tiếp cận được với tín dụng, vay vốn, và các quỹ không? - Luật pháp có đảm bảo không có phân biệt đối xử trong việc cấp học bổng và trợ cấp thể thao không? - Luật pháp có hạn chế sự tham gia của phụ nữ vào các sự kiện và các cuộc thi đấu thể thao không?

Điều 14: Phụ nữ nông thôn	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • Điều 14 • Khuyến nghị chung số 19, đoạn 21 • Khuyến nghị chung số 24, đoạn 28 • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật có quy định các biện pháp đặc biệt tạm thời giúp tăng tỷ lệ phụ nữ nông thôn, bản địa, dân tộc tiếp cận được với tất cả các cấp và các loại hình giáo dục hay không? - Luật pháp có quy định các biện pháp đặc biệt tạm thời giúp tăng tỷ lệ phụ nữ nông thôn, bản địa, dân tộc tiếp cận được với dịch vụ y tế hay không? - Luật pháp có cho phép phụ nữ đăng ký tài sản riêng của mình dưới tên mình hay không? - Có hạn chế nào đối với quyền của phụ nữ trong việc sử dụng, thắt chặt, hoặc định đoạt tài sản của mình hay không? Ví dụ: cần có sự đồng ý của gia đình? - Luật pháp có cho phép phụ nữ nắm giữ các tài sản/đất đai của cộng đồng không? - Luật pháp có quy định bảo đảm sự tham gia của phụ nữ vào quá trình thiết kế, xây dựng, và thi hành các chính sách về đất đai, nông nghiệp, cơ sở hạ tầng, và chính sách phát triển khác hay không? - Luật pháp có quy định bảo đảm chế độ an sinh xã hội cho phụ nữ nông thôn, bản địa, dân tộc thiểu số hay không? - Luật pháp có đảm bảo tỷ lệ đại diện của phụ nữ bản địa và dân tộc thiểu số trong các cơ quan dân cử hay không?

Điều 15: Bình đẳng trước pháp luật	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật theo CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • Điều 15 • Khuyến nghị chung số 21, đoạn 7-10 • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiến pháp có đảm bảo quyền bình đẳng trước pháp luật hay không? - Luật pháp có quy định phụ nữ có tư cách pháp nhân và năng lực hành vi bình đẳng như nam giới trong tất cả các vấn đề dân sự hay không? - Phụ nữ (bất kể tình trạng hôn nhân) có quyền bình đẳng trong việc ký kết hợp đồng hay không? (Có quy định pháp luật nào hạn chế việc phụ nữ tham gia và ký kết hợp đồng hay không?)

PHỤ LỤC I:

DANH MỤC CÁC CHỈ SỐ RÀ SOÁT PHÁP LUẬT DỰA TRÊN CÔNG ƯỚC CEDAW

	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ có quyền bình đẳng trong việc đảm nhận vai trò người thừa hành hoặc quản lý bất động sản hay không? - Phụ nữ có quyền bình đẳng trong việc sở hữu, thu nhận, quản lý, điều phối, thụ hưởng, và định đoạt tài sản – trong đó có đất đai – hay không? (Không có quy định nào hạn chế quyền sở hữu, thu nhận, quản lý, điều phối, thụ hưởng, hoặc định đoạt tài sản của mình, vd như yêu cầu phải có sự cho phép của gia đình?) - Luật pháp có cho phép phụ nữ đăng ký tài sản riêng của mình dưới tên mình hay không? - Phụ nữ có thể tự đứng đơn kiện tại tòa hay không? - Pháp luật có quy định lời khai của phụ nữ có giá trị pháp lý như lời khai của nam giới hay không? - Phụ nữ có bình đẳng về quyền tự do đi lại hay không? - Phụ nữ có quyền bình đẳng như nam giới trong việc lựa chọn nơi cư trú và nhà ở cho mình, bất kể tình trạng hôn nhân hay không?
--	--

Điều 16: Hôn nhân và gia đình	
Nghĩa vụ theo Công ước CEDAW	Các chỉ số rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW
<ul style="list-style-type: none"> • Điều 16 • Khuyến nghị chung số 19, đoạn 22-24 • Khuyến nghị chung số 21 • Nhận xét kết luận của UB CEDAW về quốc gia, nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật pháp có bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình và hôn nhân hay không? - Luật pháp có bảo đảm quyền bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong kết hôn hay không? - Có quy định độ tuổi kết hôn tối thiểu bình đẳng là 18 tuổi không? - Có quy định bắt buộc phải đăng ký khai sinh với một cơ quan chức năng không? - Luật pháp có quy định phải có sự đồng thuận của bản thân hai người kết hôn về việc kết hôn hay không? - Khi cần có ý kiến hoặc sự đồng thuận của cha mẹ, ý kiến của cả cha và mẹ có được xem xét ngang nhau hay không? - Việc lấy hai hay nhiều vợ/chồng có bị cấm không? - Có quy định cấm việc đòi của hồi môn như một điều kiện của việc kết hôn hay không? - Có xoá bỏ mọi sự cản trở đối với việc tái hôn của phụ nữ góa chồng hay không? - Có quy định bắt buộc phải đăng ký kết hôn với một cơ quan chức năng không? - Hai người hôn phối (chồng và vợ) có bình đẳng về quyền sở hữu, thu nhận, quản lý, điều khiển, thụ hưởng, và định đoạt tài sản hay không? - Luật pháp không có bất cứ quy định nào đòi hỏi phải có sự đồng thuận của người hôn phối khi sử dụng biện pháp tránh thai hoặc nạo phá thai? - Vợ và chồng có quyền bình đẳng trong lựa chọn và theo đuổi nghề nghiệp của mình hay không? - Phụ nữ và nam giới có thể yêu cầu tình ly thân, hủy hôn, vô hiệu hóa hôn ước, hoặc ly hôn với những căn cứ như nhau hay không? - Luật pháp có quy định phân chia bình đẳng tài sản và thu nhập có được trong thời gian hôn nhân, đặc biệt là dựa trên đánh giá bình đẳng về cả những đóng góp tài chính và phi tài chính (ví dụ: làm việc nhà, chăm con) trong gia đình hay không? - Luật pháp có quy định phân chia tài sản và thu nhập có được trong thời gian sống chung không kết hôn (hôn nhân không đăng ký) hay không? - Luật pháp có quy định việc chi trả tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn không? - Luật có quy định về cấp dưỡng hoặc hỗ trợ người hôn phối sau khi ly hôn dựa trên nhu cầu, tài sản, và khả năng thu nhập không? - Luật pháp có quy định tài sản chung phải đăng ký tên của cả hai vợ chồng không? - Luật pháp có quy định phải có sự đồng thuận của cả hai vợ chồng trong tất cả các giao dịch liên quan tới hoặc định đoạt tài sản chung không? - Việc quyết định quyền nuôi con và tiếp xúc với con cái có dựa trên lợi ích tốt nhất của trẻ, bất kể tình trạng hôn nhân của cha mẹ hay không? - Luật có quy định cả cha và mẹ đều phải chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục con chung, bất kể tình trạng hôn nhân hay không? - Luật pháp có quy định bình đẳng về quyền giám hộ hay không? - Phụ nữ và nam giới có bình đẳng về quyền thừa kế hay không? - Phụ nữ có được phép nhận con nuôi bất kể tình trạng hôn nhân hay không?

PHỤ LỤC II:

CÔNG ƯỚC VỀ XÓA BỎ MỌI HÌNH THỨC PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ ĐỐI VỚI PHỤ NỮ (CÔNG ƯỚC CEDAW)

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)

Được thông qua và bắt đầu có thể ký kết, phê chuẩn, tham gia.

Theo Nghị quyết số 34/180 của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 18 tháng 12 năm 1979

Có hiệu lực ngày 3 tháng 9 năm 1981 theo Điều 27(1)

Các quốc gia thành viên tham gia Công ước:

Lưu ý rằng Hiến chương Liên hợp quốc một lần nữa khẳng định niềm tin vào các quyền con người cơ bản, và nhân phẩm và giá trị của mỗi con người, và vào các quyền bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ,

Lưu ý rằng Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền khẳng định nguyên tắc không chấp nhận phân biệt đối xử và tuyên bố rằng mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền, đều được hưởng mọi quyền và tự do ghi trong Tuyên ngôn này mà không có bất kỳ sự phân biệt nào, bao gồm cả phân biệt dựa vào giới tính,

Lưu ý rằng các quốc gia thành viên của những công ước quốc tế về quyền con người có nghĩa vụ bảo đảm các quyền bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ để được hưởng tất những quyền về kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị và dân sự

Xem xét các Công ước quốc tế đã được ký kết dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc và những cơ quan chuyên môn thúc đẩy các sự bình đẳng về các quyền của nam giới và phụ nữ.

Cũng lưu ý đến các nghị quyết, tuyên ngôn và khuyến nghị do Liên hợp quốc và những cơ quan chuyên môn của LHQ thông qua nhằm thúc đẩy sự bình đẳng về các quyền giữa nam giới và phụ nữ

Tuy nhiên, vẫn quan ngại rằng bất chấp những văn kiện trên, sự phân biệt đối xử sâu rộng chống lại phụ nữ vẫn tiếp tục tồn tại.

Nhắc lại rằng, sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ là vi phạm các nguyên tắc bình đẳng về quyền và tôn trọng nhân phẩm con người, là một trở ngại đối với việc phụ nữ tham gia bình đẳng với nam giới trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước họ, ngăn cản sự phát triển thịnh vượng của xã hội và gia đình, và gây khó khăn cho việc phát triển đầy đủ các khả năng tiềm tàng của phụ nữ trong việc phục vụ đất nước và nhân loại,

Quan ngại rằng, trong tình trạng nghèo khổ, phụ nữ là những người ít được tiếp cận nhất tới lương thực, y tế, giáo dục, đào tạo, cơ hội có việc làm, và các nhu cầu khác,

Tin tưởng rằng, việc thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới dựa trên sự công bằng và công lý sẽ góp phần to lớn vào việc thúc đẩy thực hiện bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ,

Nhấn mạnh rằng, việc xóa bỏ chủ nghĩa A-pác-thai, mọi hình thức phân biệt chủng tộc, sắc tộc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, sự xâm lược, chiếm đóng, thống trị, và can thiệp của nước ngoài vào công việc nội bộ của các nước là hết sức cần thiết để nam giới cũng như phụ nữ hưởng một cách đầy các quyền của họ, Khẳng định rằng, việc tăng cường hoà bình và an ninh quốc tế, việc làm giảm căng thẳng quốc tế, sự hợp tác giữa tất cả các quốc gia với nhau không phân biệt chế độ kinh tế và xã hội của họ, việc giải trừ quân bị toàn diện và triệt để, đặc biệt giải trừ vũ khí hạt nhân dưới sự kiểm soát chặt chẽ và có hiệu quả của cộng đồng quốc tế, việc khẳng định các nguyên tắc công lý, bình đẳng và cùng có lợi trong quan hệ giữa các nước, việc thực hiện những quyền tự quyết và độc lập của các dân tộc còn phải sống dưới ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân và dưới sự chiếm đóng của nước ngoài cũng như việc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia, sẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển, và do vậy sẽ góp phần đạt được sự bình đẳng toàn diện giữa nam giới và phụ nữ,

Tin tưởng rằng, sự phát triển đầy đủ và toàn diện của một đất nước, sự thịnh vượng của thế giới và sự nghiệp hoà bình đòi hỏi sự tham gia tối đa của phụ nữ một cách bình đẳng với nam giới trong tất cả các lĩnh vực,

Ghi nhớ rằng, sự đóng góp to lớn của phụ nữ vào phúc lợi của gia đình và phát triển xã hội mà lâu nay chưa được công nhận đầy đủ, ý nghĩa xã hội của việc làm mẹ và vai trò của cả cha lẫn mẹ trong gia đình và trong việc nuôi dạy con cái, và nhận thức rằng vai trò của phụ nữ trong sinh đẻ không thể được viện ra làm cơ sở cho sự phân biệt đối xử, và rằng việc nuôi dạy con cái đòi hỏi có sự chia sẻ trách nhiệm giữa cha và mẹ và xã hội nói chung,

Nhận thức rằng một sự thay đổi trong vai trò truyền thống của nam giới cũng như của phụ nữ trong xã hội và trong gia đình là cần thiết để đạt được bình đẳng đầy đủ giữa nam giới và phụ nữ,

- Quyết tâm thực hiện các nguyên tắc đề ra trong Tuyên ngôn về xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ và nhằm mục đích đó, thông qua các biện pháp cần thiết để xoá bỏ sự phân biệt đối xử như vậy dưới tất cả các hình thức và biểu hiện của nó,

Đã đồng ý như sau:

PHẦN I

Điều 1

Trong phạm vi Công ước này, thuật ngữ “phân biệt đối xử chống lại phụ nữ” bao hàm bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính có tác dụng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hoá việc phụ nữ được công nhận, thụ hưởng, hay thực hiện các quyền con người và những tự do cơ bản trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự hay bất kể lĩnh vực khác và trên cơ sở bình đẳng nam nữ, bất kể tình trạng hôn nhân của họ như thế nào.

Điều 2

Các quốc gia thành viên lên án sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ dưới tất cả các hình thức, đồng ý theo đuổi một chính sách xoá bỏ phân biệt chống lại phụ nữ bằng tất cả những biện pháp thích hợp, không chậm trễ và nhằm nhằm mục đích đó cam kết::

(a) Thể hiện nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong Hiến pháp quốc gia hoặc trong các văn bản pháp luật thích hợp khác nếu chưa được đưa vào và bảo đảm việc thực thi nguyên tắc này một cách thực tiễn qua pháp luật và các biện pháp thích hợp khác;

(b) Thông qua các biện pháp lập pháp và các các biện pháp thích hợp khác, kể cả việc trừng phạt trong những trường hợp cần thiết nhằm ngăn cấm tất cả các sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ;

(c) Thiết lập việc bảo vệ pháp lý các quyền của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng với nam giới và đảm bảo việc bảo vệ phụ nữ một cách có hiệu quả chống lại bất cứ hành động phân biệt đối xử nào thông qua những toà án quốc gia có thẩm quyền và các cơ quan công quyền khác (d) Không tiến hành tham gia bất kỳ hành động hoặc hoạt động phân biệt đối xử nào chống lại phụ nữ và bảo đảm rằng các cơ quan và thiết chế công quyền sẽ hành động phù hợp với nghĩa vụ này;

(e) Tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ do bất kỳ người nào, tổ chức hoặc doanh nghiệp nào tiến hành;

(f) Áp dụng mọi biện pháp thích hợp, kể cả những biện pháp về pháp luật, nhằm sửa đổi hoặc xoá bỏ những văn bản pháp luật, quy định, tập quán và phong tục hiện hành mà đã tạo nên sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ;

(g) Huy bỏ tất cả các quy định trong pháp luật hình sự quốc gia mà đã tạo nên sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ.

Điều 3

Các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả những biện pháp thích hợp, kể cả pháp luật, trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là chính trị, xã hội, kinh tế và văn hoá để đảm bảo sự phát triển và tiến bộ đầy đủ của phụ nữ vì mục đích bảo đảm cho họ được thực hiện và được hưởng các quyền con người và tự do cơ bản trên cơ sở bình đẳng với nam giới.

Điều 4

- Việc các quốc gia thành viên phải thông qua những biện pháp đặc biệt tạm thời nhằm thúc đẩy nhanh sự bình đẳng trong thực tế giữa nam giới và phụ nữ sẽ không bị coi là phân biệt đối xử như xác định trong Công ước này, nhưng sẽ hoàn toàn không vì thế mà đưa đến việc duy trì những chuẩn mực bất bình đẳng hoặc khác nhau. Những biện pháp này sẽ chấm dứt khi các mục tiêu bình đẳng về cơ hội và đối xử đã đạt được.
- Việc các quốc gia thành viên thông qua những biện pháp đặc biệt, kể cả các biện pháp nêu trong Công ước này nhằm bảo vệ người mẹ sẽ không bị coi là phân biệt đối xử.

Điều 5

Các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả những biện pháp thích hợp nhằm:

- Sửa đổi mẫu hình văn hoá và xã hội về hành vi của nam giới và phụ nữ nhằm loại trừ các thành kiến và phong tục tập quán dựa trên tư tưởng cho giới này là hơn, giới kia là kém, hoặc dựa trên những quan điểm rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ;
- Bảo đảm rằng giáo dục về gia đình phải bao gồm sự hiểu biết phù hợp về tính chất xã hội của chức năng làm mẹ và công nhận trách nhiệm chung của cả nam giới và phụ nữ trong việc nuôi dạy và phát triển con cái, được nhận là lợi ích của con cái là điều cần được đặt lên hàng đầu trong mọi trường hợp.

Điều 6

Các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp, kể cả pháp luật để trấn áp tất cả các hình thức buôn bán phụ nữ và bóc lột mại dâm phụ nữ.

PHẦN II**Điều 7**

Các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong đời sống chính trị và cộng đồng của đất nước và đặc biệt là phải đảm bảo cho phụ nữ trên cơ sở bình đẳng với nam giới có quyền được:

- Bỏ phiếu trong mọi cuộc bầu cử và trưng cầu dân ý, được quyền ứng cử vào tất cả các cơ quan dân cử;
- Tham gia trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách của chính phủ, tham gia vào bộ máy và các chức vụ công và thực hiện tất cả những chức năng công cộng ở tất cả các cấp chính quyền;
- Tham gia vào những tổ chức xã hội và hiệp hội phi chính phủ liên quan đến đời sống công cộng và chính trị của đất nước.

Điều 8

Các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo cho phụ nữ có cơ hội đại diện cho Chính phủ của họ ở cấp quốc tế và tham gia công việc của các tổ chức quốc tế trên cơ sở bình đẳng với nam giới và không có bất cứ sự phân biệt nào.

Điều 9

- Các quốc gia thành viên phải đảm bảo cho phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới trong việc nhập, thay đổi hay giữ nguyên quốc tịch của mình. Các quốc gia thành viên phải đặc biệt đảm bảo rằng việc kết hôn với người nước ngoài, hay sự thay đổi quốc tịch của người chồng trong thời gian hôn nhân sẽ không mất

nhiên làm thay đổi quốc tịch của người vợ, làm cho người vợ trở thành người không có quốc tịch hay ép buộc người vợ phải lấy quốc tịch của chồng.

2. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong vấn đề quốc tịch của con cái họ.

PHẦN III

Điều 10

Các quốc gia phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xoá bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ nhằm đảm bảo cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong lĩnh vực giáo dục và đặc biệt nhằm bảo đảm trên cơ sở bình đẳng nam nữ:

(a) Những điều kiện như nhau trong về hướng nghiệp, tham gia học tập và đạt được bằng cấp ở các cơ sở giáo dục thuộc các loại hình khác nhau ở nông thôn cũng như thành thị; sự bình đẳng này phải được bảo đảm trong các trường mầm non, phổ thông, kỹ thuật, chuyên nghiệp và kỹ thuật, đại học cũng như tất cả các loại hình đào tạo nghề;

(b) Tiếp cận tới những chương trình học và thi cử như nhau, đội ngũ giáo viên với trình độ chuyên môn như nhau, cơ sở vật chất và trang thiết bị nhà trường có chất lượng như nhau;

(c) Xoá bỏ mọi quan niệm rập khuôn về vai trò của nam giới và nữ giới ở mọi cấp học và trong tất cả các hình thức giáo dục bằng cách khuyến khích học sinh nam và nữ cùng học trong một lớp và bằng các loại hình giáo dục khác có thể giúp đạt được mục tiêu này, đặc biệt bằng cách điều chỉnh sách giáo khoa, chương trình giảng dạy và điều chỉnh một cách thích hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp;

(d) Có cùng những cơ hội như nhau để hưởng học bổng và các khoản trợ cấp học tập khác;

(e) Các cơ hội như nhau để tiếp cận các chương trình giáo dục thường xuyên, kể cả các chương trình xoá mù chữ cho người lớn, đặc biệt là những chương trình nhằm thu hẹp khoảng cách về trình độ văn hoá của nam giới và nữ giới trong thời gian ngắn nhất;

(f) Giảm bớt tỷ lệ nữ sinh bỏ học và tổ chức các chương trình dành cho các em gái và phụ nữ đã phải bỏ học sớm;

(g) Có cùng cơ hội như nhau để tham gia tích cực vào các hoạt động thể thao và giáo dục thể chất.

(h) Tiếp cận tới thông tin giáo dục cụ thể giúp bảo đảm sức khoẻ và hạnh phúc gia đình, kể cả thông tin tư vấn về kế hoạch hoá gia đình.

Điều 11

1. Các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xoá bỏ phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong lĩnh vực việc làm nhằm đảm bảo những quyền như nhau trên cơ sở bình đẳng nam nữ, đặc biệt là:

(a) Quyền làm việc là quyền không thể chối bỏ của tất cả mọi người;

(b) Quyền hưởng các cơ hội có việc làm như nhau, bao gồm cả việc áp dụng những tiêu chuẩn chọn lựa trong các vấn đề việc làm;

(c) Quyền tự do lựa chọn ngành nghề và việc làm, quyền được thăng tiến, bảo hộ lao động, hưởng các phúc lợi và điều kiện iện làm việc và quyền được theo học những chương trình dạy nghề và bổ túc nghiệp vụ, kể cả thực tập nghề, đào tạo nghề nâng cao và đào tạo định kỳ;

(d) Quyền được hưởng thù lao như nhau, kể cả phúc lợi, được đối xử bình đẳng với công việc có giá trị ngang nhau cũng như được đối xử bình đẳng trong đánh giá chất lượng công việc;

(e) Quyền được hưởng bảo hiểm xã hội, đặc biệt trong các trường hợp hưu trí, thất nghiệp, đau ốm, tàn tật, tuổi già và các tình trạng mất khả năng lao động khác, cũng như quyền được nghỉ phép có hưởng lương;

(f) Quyền được bảo vệ sức khoẻ và bảo đảm an toàn lao động, kể cả bảo vệ chức năng sinh đẻ.

2. Nhằm ngăn chặn sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trên cơ sở hôn nhân hay sinh đẻ, bảo đảm một cách hiệu quả cho phụ nữ có quyền được làm việc, các quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm:

- (a) Cấm và trừng phạt hành vi sa thải phụ nữ vì lý do có thai hoặc nghỉ đẻ hay phân biệt đối xử trong sa thải trên cơ sở tình trạng hôn nhân
- (b) áp dụng chế độ nghỉ đẻ vẫn hưởng lương hoặc được hưởng các phúc lợi xã hội tương đương mà không bị mất việc làm cũ, mất thâm niên hay các phụ cấp xã hội;
- (c) Khuyến khích việc cung cấp những dịch vụ hỗ trợ xã hội cần thiết cho các bậc cha mẹ để họ có thể kết hợp nghĩa vụ gia đình với trách nhiệm công việc và tham gia sinh hoạt xã hội, đặc biệt bằng cách đẩy mạnh việc thiết lập và phát triển hệ thống các cơ sở chăm sóc trẻ em;
- (d) Đảm bảo bảo vệ đặc biệt dành cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai làm những loại công việc độc hại.

3. Các quy định pháp luật liên quan tới những vấn đề nêu trong điều khoản này phải được xem xét định kỳ dưới ánh sáng của các kiến thức khoa học- kỹ thuật và phải được sửa đổi, huỷ bỏ hoặc mở rộng nếu cần thiết.

Điều 12

1. Các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xóa bỏ phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ nhằm bảo đảm cho phụ nữ được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, kể cả các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình trên cơ sở bình đẳng nam nữ.
2. Ngoài những quy định ghi trong phần 1 của điều khoản này, các quốc gia thành viên phải đảm bảo cho phụ nữ các dịch vụ thích hợp liên quan đến việc mang thai, sinh đẻ và chăm sóc sau sinh, cung cấp các dịch vụ miễn phí ở những nơi cần thiết, đảm bảo cho phụ nữ chế độ dinh dưỡng thích hợp trong thời gian mang thai và cho con bú.

Điều 13

Các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xóa bỏ phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong các lĩnh vực khác của đời sống kinh tế xã hội, nhằm đảm bảo trên cơ sở bình đẳng nam nữ những quyền như nhau, đặc biệt là:

- (a) Quyền được hưởng các phúc lợi gia đình;
- (b) Quyền vay vốn ngân hàng, cầm cố tài sản và tham gia các hình thức tín dụng khác;
- (c) Quyền được tham gia các hoạt động giải trí, thể thao và mọi mặt của đời sống văn hoá.

Điều 14

1. Các quốc gia thành viên phải quan tâm đến các vấn đề đặc biệt đặt ra đối với phụ nữ nông thôn và vai trò quan trọng của phụ nữ nông thôn trong đời sống kinh tế gia đình, kể cả công việc của họ trong những việc làm không được tính thành tiền, và phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để đảm bảo thực hiện các điều khoản của Công ước này đối với phụ nữ nông thôn.
2. Các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ nông thôn để đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, được tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển nông thôn, đặc biệt các quốc gia thành viên phải đảm bảo cho phụ nữ nông thôn các quyền:
 - (a) Tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển ở tất cả các cấp;
 - (b) Được tiếp cận các phương tiện chăm sóc sức khoẻ thích hợp kể cả thông tin, tư vấn và dịch vụ kế hoạch hoá gia đình;
 - (c) Được hưởng lợi trực tiếp từ các chương trình bảo hiểm xã hội;
 - (d) Được hưởng các loại hình giáo dục đào tạo, chính quy và không chính quy, kể cả các chương trình xoá mù chữ cũng như được hưởng mọi dịch vụ khuyến nông và dịch vụ cộng đồng để nâng cao trình độ năng lực của mình;

(e) Tổ chức các nhóm tương trợ và hợp tác xã để được tiếp cận bình đẳng tới các cơ hội kinh tế thông qua việc làm công ăn lương hoặc việc làm độc lập;

(f) Tham gia tất cả hoạt động của cộng đồng;

(g) Được tiếp cận các loại hình tín dụng và vốn vay dành cho nông nghiệp, các chương trình hỗ trợ thị trường, tiếp cận công nghệ phù hợp và được đối xử bình đẳng trong cải cách ruộng đất cũng như trong các dự án quy hoạch lại đất đai;

(h) Được hưởng các điều kiện sống đầy đủ, đặc biệt là về nhà ở, vệ sinh, điện nước, giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

PHẦN IV

Điều 15

1. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm cho phụ nữ quyền bình đẳng với nam giới trước pháp luật.

2. Các quốc gia thành viên phải dành cho phụ nữ tư cách pháp nhân giống như nam giới trong những vấn đề dân sự và những cơ hội như nhau để thực hiện tư cách đó. Đặc biệt các quốc gia thành viên phải dành cho phụ nữ quyền bình đẳng trong việc ký kết hợp đồng, quản lý tài sản và phải đối xử với họ một cách bình đẳng trong tất cả các giai đoạn tố tụng và xét xử.

3. Các quốc gia thành viên thống nhất rằng mọi hợp đồng và văn bản thỏa thuận tư nhân có hiệu lực pháp lý dù thuộc loại có tác dụng pháp lý dẫn đến việc hạn chế tư cách pháp nhân của phụ nữ đều bị coi là vô giá trị và không có hiệu lực thi hành.

4. Các quốc gia thành viên phải dành cho nam giới và phụ nữ các quyền như nhau về mặt pháp luật liên quan đến việc đi lại tự do lựa chọn nơi cư trú và chỗ ở của họ.

Điều 16

1. Các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xóa bỏ phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong mọi vấn đề liên quan đến hôn nhân, quan hệ gia đình và đặc biệt là phải bảo đảm đảm trên cơ sở bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ:

(a) Quyền như nhau trong kết hôn;

(b) Quyền tự do như nhau trong việc lựa chọn người để kết hôn và chỉ kết hôn khi được tự do quyết định và hoàn toàn tự nguyện;

(c) Quyền và trách nhiệm như nhau trong thời gian hôn nhân cũng như khi ly hôn;

(d) Có quyền và trách nhiệm như nhau khi là cha mẹ trong mọi vấn đề liên quan tới con cái, bất kể tình trạng hôn nhân như thế nào. Trong mọi trường hợp, lợi ích của con cái phải được đặt lên trên hết;

(e) Quyền tự do và trách nhiệm như nhau khi quyết định về số con, khoảng cách giữa các lần sinh và quyền tiếp cận thông tin, giáo dục và các biện pháp để thực hiện những quyền này;

(f) Quyền và trách nhiệm như nhau trong việc, giám hộ, bảo trợ, nhận ủy thác và nhận con nuôi hoặc có những quy định tương tự về vấn đề này được thể hiện trong luật pháp quốc gia; trong mọi trường hợp lợi ích của con cái phải là điều quan trọng nhất;

(g) Vợ chồng có quyền như nhau trong việc lựa chọn tên họ, nghề nghiệp và việc làm của bản thân;

(h) Vợ chồng có quyền như nhau trong việc sở hữu, mua sắm, kiểm soát, quản lý, hưởng thụ và sử dụng tài sản, dù đó là tài sản không phải bỏ tiền ra mua hay có giá trị lớn.

2. Việc hứa hôn và kết hôn của trẻ em phải bị coi là không có hiệu lực pháp lý và phải tiến hành mọi hành động cần thiết, kể cả về mặt pháp luật nhằm quy định độ tuổi tối thiểu có thể kết hôn và bắt buộc phải làm thủ tục đăng ký kết hôn chính thức.

PHẦN V**Điều 17**

1. Nhằm mục đích xem xét những tiến bộ đạt được trong thực hiện Công ước này, Ủy ban về xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ (dưới đây sẽ gọi tắt là Ủy ban) phải được thành lập, gồm những chuyên gia có uy tín cao và thông thạo về các lĩnh vực đề cập trong Công ước. Ủy ban gồm 18 ủy viên, khi Công ước bắt đầu có hiệu lực, và sau khi quốc gia thứ 35 phê chuẩn hoặc tham gia Công ước, số ủy viên của ủy ban sẽ tăng lên 23. Các chuyên gia tham gia ủy ban sẽ do các quốc gia đề cử trong số các công dân của nước mình và đảm đương chức vụ tại Ủy ban với danh nghĩa cá nhân. Cần chú ý đến sự phân bố cân bằng về địa lý và đảm bảo có đại diện của nhiều nền văn minh cũng như của các hệ thống pháp lý chính thống khác nhau.
2. Các ủy viên của Ủy ban được bầu bằng phiếu kín từ danh sách các ứng cử viên do các quốc gia tham gia Công ước đề cử. Mỗi quốc gia tham gia Công ước có quyền đề cử một ứng cử viên trong số các công dân của nước mình.
3. Lần bầu cử đầu tiên sẽ được tiến hành sau 6 tháng tính từ ngày Công ước bắt đầu có hiệu lực. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ gửi thư cho các quốc gia tham gia Công ước trước mỗi lần bầu cử ít nhất là 3 tháng, đề nghị trong vòng hai tháng phải giới thiệu ứng cử viên. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ chuẩn bị danh sách các ứng cử viên theo thứ tự bảng chữ cái, trong đó ghi rõ tên quốc gia đã đề cử những ứng cử viên này và gửi cho các quốc gia tham gia Công ước.
4. Các ủy viên của Ủy ban sẽ được bầu tại cuộc họp các quốc gia tham gia Công ước do Tổng thư ký triệu tập tại trụ sở Liên hợp quốc. Cuộc họp này phải có ít nhất 2/3 tổng số các quốc gia thành viên tham dự mới là hợp lệ. Những người trúng cử phải là những ứng cử viên có nhiều phiếu nhất và có đa số tuyệt đối phiếu bầu của đại diện các quốc gia thành viên tham dự cuộc họp và tham gia bầu cử.
5. Nhiệm kỳ của các ủy viên Ủy ban là 4 năm. Tuy nhiên nhiệm kỳ của 9 trong số các ủy viên trúng cử trong lần bầu đầu tiên sẽ kết thúc sau 2 năm. Ngay sau khi bầu cử lần đầu, chủ tịch Ủy ban sẽ rút thăm tên 9 ủy viên này.
6. Năm ủy viên bổ sung sẽ được bầu theo quy định ở phần 2, 3 và 4 của Điều 17, sau khi quốc gia thứ 35 đã phê chuẩn hoặc tham gia Công ước. Nhiệm kỳ của 2 trong số 5 ủy viên được bầu bổ sung là 2 năm. Chủ tịch Ủy ban sẽ rút thăm tên 2 ủy viên này.
7. Trong trường hợp đột xuất, khi một ủy viên Ủy ban thôi không tham gia thì quốc gia của ủy viên đó phải chỉ định người thay thế trong số các công dân của mình, với điều kiện được Ủy ban thông qua.
8. Các ủy viên của Ủy ban sẽ được nhận thù lao từ nguồn của Liên hợp quốc với điều kiện được Đại hội đồng thông qua. Hình thức và điều kiện trả thù lao do Đại hội đồng quy định căn cứ vào mức độ trách nhiệm trước Ủy ban.
9. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ cung cấp số nhân viên và phương tiện cần thiết để Ủy ban có thể hoàn thành một cách hữu hiệu các chức năng của mình theo quy định của Công ước.

Điều 18

1. Các quốc gia tham gia Công ước cam kết đệ trình lên Tổng thư ký Liên hợp quốc báo cáo về các biện pháp pháp luật, tư pháp, hành chính hoặc các biện pháp khác đã được tiến hành nhằm thực hiện các điều khoản của Công ước và những tiến bộ đạt được để Ủy ban xem xét theo quy định sau:
 - (a) Trong thời gian 1 năm kể từ khi Công ước có hiệu lực đối với các quốc gia nói trên;
 - (b) Sau đó ít nhất 4 năm một lần, và ngoài ra bất cứ khi nào Ủy ban yêu cầu.
2. Các báo cáo trên có thể nêu rõ những nhân tố và khó khăn làm ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành nghĩa vụ do Công ước đề ra.

Điều 19

1. Ủy ban sẽ thông qua quy chế riêng.
2. Ủy ban sẽ cử ra các quan chức của mình làm việc trong nhiệm kỳ 2 năm.

Điều 20

1. Ủy ban họp thường kỳ mỗi năm một lần trong thời gian không quá 2 tuần để xem xét các báo cáo do các quốc gia tham gia Công ước gửi đến theo Điều 18 của Công ước.
2. Các cuộc họp của Ủy ban thông thường được tổ chức tại trụ sở của Liên hợp quốc, hoặc ở bất kỳ địa điểm thuận tiện nào do Ủy ban quyết định.

Điều 21

1. Hằng năm, Ủy ban sẽ báo cáo về các hoạt động của mình với Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Hội đồng kinh tế và xã hội và có thể đưa ra những đề xuất hoặc kiến nghị chung trên cơ sở xem xét các báo cáo và thông tin nhận được từ các quốc gia thành viên. Những đề xuất và kiến nghị đó sẽ được đưa vào báo cáo của Ủy ban kèm theo ý kiến nếu có của các quốc gia thành viên.
2. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ chuyển các báo cáo của Ủy ban cho Ủy ban địa vị phụ nữ để biết.

Điều 22

Các cơ quan chuyên môn có quyền được cử đại diện tham gia xem xét việc thực hiện những điều khoản của Công ước trong phạm vi hoạt động của mình. Ủy ban có thể mời các cơ quan chuyên môn đệ trình báo cáo về tình hình thực hiện Công ước trong những lĩnh vực liên quan đến phạm vi hoạt động của họ.

PHẦN VI

Điều 23

Những điểm đã trình bày trong Công ước này không ảnh hưởng đến bất kỳ quy định nào dẫn tới việc đạt được bình đẳng nam nữ nhanh hơn mà có trong:

- (a) Luật pháp của mỗi quốc gia tham gia Công ước, hoặc
- (b) Trong bất kỳ Công ước, hiệp ước hoặc thoả thuận quốc tế khác có hiệu lực ở nước đó.

Điều 24

Các quốc gia tham gia Công ước cam kết sẽ áp dụng mọi biện pháp cần thiết ở cấp quốc gia nhằm thực hiện đầy đủ các quyền đã được công nhận trong Công ước này.

Điều 25

1. Tất cả các quốc gia đều có thể ký Công ước này.
2. Tổng thư ký Liên hợp quốc được giao nhiệm vụ lưu chiếu bản Công ước này.
3. Công ước này phải được các quốc gia phê chuẩn. Các văn bản phê chuẩn phải được gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc lưu chiếu.
4. Công ước này để ngỏ cho tất cả các quốc gia gia nhập. Việc gia nhập sẽ có hiệu lực khi các quốc gia nộp văn bản gia nhập Công ước cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Điều 26

1. Các quốc gia tham gia Công ước đều có thể đề nghị sửa đổi Công ước này vào bất kỳ lúc nào bằng cách gửi văn bản cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

2. Đại hội đồng Liên hợp quốc sẽ quyết định các biện pháp phải tiến hành, nếu cần, trong trường hợp có đề nghị như trên.

Điều 27

1. Công ước này sẽ có hiệu lực kể từ ngày thứ 30 sau khi văn bản phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước của quốc gia thứ 20 được giao cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

2. Đối với mỗi quốc gia phê chuẩn hoặc tham gia Công ước kể từ sau khi có văn bản phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước của quốc gia thứ 20, Công ước sẽ có hiệu lực đối với mỗi quốc gia đó từ ngày thứ 30 kể từ ngày họ gửi văn bản phê chuẩn hoặc gia nhập.

Điều 28

1. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ nhận và cho lưu hành tới tất cả tất cả các quốc gia khác văn bản ý kiến bảo lưu của các quốc gia khi phê chuẩn hoặc ra nhập.

2. Những ý kiến bảo lưu không phù hợp với đối tượng và mục đích của Công ước này sẽ không được chấp nhận.

3. Những ý kiến bảo lưu có thể được rút bỏ bất kỳ lúc nào bằng thông báo gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ thông báo cho tất cả các quốc gia biết. Thông báo rút lui bảo lưu sẽ có giá trị từ ngày Tổng thư ký Liên hợp quốc nhận được văn bản đề nghị.

Điều 29

1. Mọi tranh chấp giữa hai hoặc nhiều quốc gia tham gia Công ước xung quanh việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì một trong số các quốc gia tranh chấp có thể yêu cầu đưa ra trọng tài quốc tế. Nếu trong vòng 6 tháng kể từ khi yêu cầu phân giải được đưa ra mà các bên vẫn không đi đến thống nhất về cách phân giải của trọng tài thì một bên bất kỳ có thể đệ trình vấn đề tranh chấp với Tòa án quốc tế bằng cách đệ đơn theo đúng quy chế của Tòa án.

2. Mọi quốc gia, vào thời điểm ký hay phê chuẩn Công ước hoặc khi tham gia Công ước, có thể tuyên bố không bị ràng buộc bởi khoản 1 của điều này. Các quốc gia khác tham gia Công ước sẽ không bị ràng buộc gì về phần này trong quan hệ với quốc gia đã đưa ra bảo lưu trên.

3. Bất kỳ quốc gia nào bảo lưu theo khoản 2 của điều này đều có thể rút lại bảo lưu đó bất kỳ lúc nào bằng cách thông báo cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Điều 30

Bản Công ước bằng các thứ tiếng A-Rập, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha đều có giá trị như nhau và được Tổng thư ký Liên hợp quốc lưu chiếu.

ĐỂ LÀM BẰNG, các đại diện có đủ thẩm quyền có tên dưới đây, có đủ thẩm quyền, đã ký Công ước này.

PHỤ LỤC III:**ĐỀ XUẤT THAM KHẢO CÁC NGUỒN TÀI LIỆU VỀ CEDAW**

Có rất nhiều nguồn tài liệu về CEDAW có thể tiếp cận được, trong đó có các tài liệu được lựa chọn giới thiệu dưới đây. Chúng tôi ưu tiên lựa chọn những tài liệu có đăng tải trên mạng vì những tài liệu này dễ tiếp cận hơn.

1. Các tài liệu CEDAW

- *Toàn văn Công ước CEDAW: Văn phòng Cao ủy về nhân quyền (OHCHR)*. <http://www2.ohchr.org/english/law/cedaw.htm>
- *Các Khuyến nghị chung CEDAW: Văn phòng Cao ủy về nhân quyền (OHCHR)*. <http://www2.ohchr.org/english/bodies/cedaw/comments.htm>
- *Các Nhận xét kết luận của Ủy ban CEDAW: Các Hiệp ước nhân quyền của Liên hợp quốc*. <http://www.bayefsky.com/docs.php/area/conclobs/node/2/treaty/cedaw/opt/0>

Văn phòng Cao ủy về nhân quyền là Ban thư ký của Ủy ban CEDAW. Các trang web liệt kê trong mục 3.1 dưới đây cũng bao gồm một số tài liệu về CEDAW.

2. Các ấn phẩm**2.1 Thông tin chung về Công ước CEDAW và việc áp dụng Công ước này**

- Hội Luật sư Mỹ, Sáng kiến pháp luật Trung và Đông Âu (ABA CEELI). *Công cụ đánh giá CEDAW, 2002*. http://www.abanet.org/rol/publications/cedaw_assessment_tool.shtml
- GTZ và Quỹ Phát triển phụ nữ Liên hợp quốc (UNIFEM). *Con đường đến bình đẳng giới: CEDAW, Bắc Kinh và MDGs, 2004*. http://www.unifem.org/materials/item_detail.php?ProductID=20
- Đối tác vì pháp luật và phát triển và UNIFEM. *CEDAW: Khôi phục các quyền cho phụ nữ*. New Delhi, 2004. <http://www.unifem.org.in/CEDAW.pdf>
- UNIFEM. *Đưa bình đẳng vào gia đình: Thi hành Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ*, New York, 1998. http://www.unifem.org/attachments/products/BringingEqualityHome_eng.pdf
- UNIFEM. *Bộ tài liệu giới thiệu Công ước CEDAW, 2008*. http://cedaw-seasia.org/docs/general/CEDAW_Briefing_Kit.pdf

2.2 CEDAW, Các Chỉ số và Nghiên cứu rà soát pháp luật

- Ủy ban phụ nữ Campuchia. *Bạo lực với phụ nữ: Luật pháp Campuchia phân biệt đối xử với phụ nữ như thế nào: Một báo cáo Cambow, 2007*. http://cedaw-seasia.org/docs/Cam-pu-chia/ViolenceWomenReport2007_ENG.pdf
- CENWOR và UNIFEM. *Các chỉ số rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW cho khu vực Nam Á: Một sáng kiến*. Sri Lanka, 2004. http://www.unifem.org.in/PDF/CEDAW_Indicators.pdf
- UNIFEM. *CEDAW và pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW*. Bangkok, 2009. http://cedaw-seasia.org/docs/general/CEDAWandVietnamese_Law.pdf

- UNIFEM. *Luật pháp về bạo lực gia đình và việc thực thi: Phân tích ở các quốc gia ASEAN dựa trên các tiêu chuẩn và hình mẫu hoạt động toàn cầu*. Bangkok, 2009. <http://cedaw-seasia.org/docs/DomesticViolenceLegislation.pdf>
- UNIFEM. *Luật bình đẳng giới: Điển hình toàn cầu và Đánh giá năm quốc gia Đông Nam Á*. Bangkok, 2009. http://cedaw-seasia.org/resource_documents.html#gel_global
- Văn phòng Châu Âu của UNDP và CIS. *Xây dựng luật có tính nhạy cảm về giới: Làm sao để thúc đẩy và duy trì bình đẳng giới ở Trung, Đông Âu, và Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS)*, Bratislava, 2003. <http://europeandcis.undp.org/gender/show/67CA99C8-F203-1EE9-B3D3B9C542E18404>
- UNIFEM và Trung tâm Thái Bình Dương của UNDP. *Đưa Công ước CEDAW vào pháp luật: mức độ tuân thủ Công ước CEDAW của hệ thống pháp luật 9 đảo quốc trên Thái Bình Dương*, Suva, 2007. <http://pacific.unifem.org/documents/TranslatingCEDAWIntoLaw.pdf>

2.3 Áp dụng Công ước CEDAW vào các vấn đề cụ thể

- Chiongson, Rea Abada. *Quyền quyết định có kết hôn, khi nào, và với ai: Nghĩa vụ của các quốc gia theo Công ước CEDAW và các văn kiện quốc tế khác về Quyền con người*. Kuala Lumpur, IRAW Asia Pacific, 2005. http://www.iwraw-ap.org/aboutus/pdf/OPS_VI.pdf
- Ramaseshan, Geeta. *Xử lý tội hiếp dâm ở khía cạnh là một hành vi xâm phạm quyền con người: Vai trò của các thông lệ và văn kiện quốc tế về quyền con người*, Kuala Lumpur, IRAW Asia Pacific, 2007. http://www.iwraw-ap.org/aboutus/pdf/OPS10_Final_Publication_Version_Dec_18.pdf
- UNIFEM. *Lật ngược tình thế: CEDAW và các xu hướng giới của Đại dịch HIV/AIDS*, New York, 2001. http://www.unifem.org/materials/item_detail.php?ProductID=13
- UNIFEM. *Phụ nữ, hòa bình và an ninh: Nghị quyết 1325 của CEDAW và Hội đồng bảo an: Hướng dẫn nhanh*, 2006. http://www.unifem.org/attachments/products/CEDAWandUNSCR1325_eng.pdf

2.4. Các nguồn tài liệu CEDAW ở Đông Nam Á

- Dairiam, Shanthy. *Tình hình thực hiện Công ước CEDAW tại các quốc gia ASEAN và một số quốc gia hồi giáo*, Kuala Lumpur, IRAW Asia Pacific, 2004. <http://www.iwraw-ap.org/aboutus/pdf/OPSI.pdf>
- *Jurnal Perempuan (ở Bahasa In-đô-nê-xi-a)*, Số. 45, Jakarta, Tháng 1 năm 2006. <http://cedaw-seasia.org/docs/In-đô-nê-xi-a/JP45.pdf>
- UNIFEM. *Tài liệu tập huấn Công ước CEDAW (tại Lào)*, 2009. http://cedaw-seasia.org/docs/lao/CEDAW_Training_Manual.pdf
- UNIFEM. *Áp dụng Công ước CEDAW tại Philippin*, Bangkok, 2009. http://cedaw-seasia.org/philippines_resources.html#goingcedaw
- UNIFEM. *Những nội dung cơ bản để hiểu Công ước CEDAW và áp dụng vào bối cảnh Campuchia*. http://cedawseasia.org/docs/Cam-pu-chia/Essentials_to_Understanding_CEDAWCam-pu-chian_Context_Eng.pdf
- UNIFEM. *Thời điểm để hành động: Thực thi Công ước CEDAW ở Đông Nam Á*, Bangkok, 2009. http://cedaw-seasia.org/resource_documents.html

3. Các trang web

3.1 Chung

- Tổ chức Giám sát hoạt động quyền phụ nữ quốc tế tại Châu Á Thái Bình Dương (IWRAP Asia Pacific).
<http://www.iwraw-ap.org/convention.htm>
- Văn phòng Cao ủy về nhân quyền (OHCHR)
<http://www2.ohchr.org/english/law/cedaw.htm>
- Quỹ phát triển phụ nữ Liên hợp quốc (UNIFEM).
http://www.unifem.org/gender_issues/human_rights/
- Các hiệp ước nhân quyền của Liên hợp quốc.
<http://www.bayefsky.com/treaties/cedaw.php>
- Thư viện nhân quyền Đại học Minnesota.
<http://www1.umn.edu/humanrts/cedaw/cedaw-page.htm>

3.2 Đông Nam Á

- Hội đồng quốc gia Campuchia vì phụ nữ.
<http://cncw.gov.kh/page.php?menu=5>
- Hành động CEDAW ở Đông Nam Á
http://cedaw-seasia.org/resource_documents.html#gel_global
- Tổ chức theo dõi Công ước CEDAW Philippin.
<http://www.cedaw-watch.org/resources.htm>
- Sáng kiến nhóm công tác CEDAW (In-đô-nê-xi-a).
<http://cwgi.wordpress.com/>
- Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam.
<http://www.ubphunu-ncfaw.gov.vn/?lang=E&func=news&catid=191&MN=173>
- Chương trình CEDAW của UNIFEM tại Đông Nam Á.
http://www.unifem-eseasia.org/Cedaw_and_Human_Rights/in_action.html
- Tổ chức hỗ trợ phụ nữ (Malaysia).
<http://www.wao.org.my/research/cedaw.htm>

ĐỀ XUẤT THAM KHẢO CÁC NGUỒN TÀI LIỆU VỀ CEDAW

Banda, Fareda. *Dự án xây dựng một cơ chế điều chỉnh các luật có tính chất phân biệt đối xử với phụ nữ*, (do Văn phòng Cao ủy về nhân quyền – quyền phụ nữ và nhóm công tác giới), <http://www.ohchr.org/EN/PublicationsResources/Pages/Publications.aspx>

Bernas, Joaquin. *Hiến pháp năm 1987 của Philippin: Rà soát toàn diện*, Manila, Rex Bookstore, 2006.

CENWOR và UNIFEM. *Các chỉ số rà soát pháp luật theo Công ước CEDAW cho khu vực Nam Á: Một sáng kiến*. Sri Lanka, 2004

Diaz, Noli. *Xây dựng luật (tái bản lần 3)*, Manila, Rex Bookstore, 2007.

IWRAP Asia Pacific. *Hướng dẫn giám sát: Mô hình giám sát việc thực thi Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ*, Kuala Lumpur.

Erturk, Yakin. *Thúc đẩy và duy trì tất cả các quyền con người, dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, và văn hóa, trong đó có quyền phát triển*. Báo cáo của Nhóm đặc phái viên về về bạo lực với phụ nữ, nguyên nhân và hậu quả, Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc, A/HRC/7/6, 29/1/ 2008.

Moser, Annalise. *Giới và các chỉ số: Báo cáo tổng quản*, Bridge và UNDP, 7/2007.

Rodriguez, Rufus. *Nhập môn pháp luật*, Manila, Rex Book Store, 2001.

UNDP. *Drafting Gender-Aware Legislation: How to Promote và Protect Gender Equality in Central và Eastern Europe và in the Commonwealth of Independent States (CIS)*, Bratislava, 2003.

UNDP. *Xây dựng chương trình tư pháp: Khả năng tiếp cận cho tất cả mọi người: Hướng dẫn cho cán bộ thực thi về phương pháp tiếp cận tư pháp dựa trên quyền con người*, Bangkok, 2005.

UNIFEM. *CEDAW và pháp luật: Nghiên cứu rà soát các văn bản pháp luật Việt Nam dựa trên giới và quyền qua lăng kính CEDAW*, Bangkok, 2009.

UNIFEM. *Các chỉ số đánh giá bạo lực đối với phụ nữ: Hội thảo nhóm chuyên gia* (do Cơ quan Liên hợp quốc vì sự tiến bộ của phụ nữ, Ủy ban kinh tế của Liên hợp quốc tại Châu Âu, và Cơ quan thống kê Liên hợp quốc tổ chức) Geneva, 8-10/10/2007.

UNIFEM và Trung tâm Thái Bình Dương của UNDP. *Đưa Công ước CEDAW vào pháp luật: mức độ tuân thủ Công ước CEDAW của hệ thống pháp luật 9 đảo quốc trên Thái Bình Dương*, Suva, 2007.

Cơ quan pháp luật phụ nữ. *Tài liệu hướng dẫn vận động pháp luật cho phụ nữ*, Quezon City, 2001.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

Chịu trách nhiệm xuất bản: P. Giám đốc Lê Tiến Dũng

Biên tập và chịu trách nhiệm nội dung: UN Women

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2011

In theo giấy phép xuất bản số 141-2011/CXB/167/05-01/VHTT

Production by Lotus Communications, info@lotushanoi.com.vn

Pháp luật của chúng ta có thúc đẩy Bình đẳng giới? Sổ tay hướng dẫn giám sát đánh giá pháp luật theo Công ước CEDAW là một hướng dẫn thân thiện với người sử dụng, nhằm rà soát luật pháp để các định liệu các luật có phân biệt đối xử đối với phụ nữ hay không? Sử dụng Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ như một khung pháp lý quốc tế, sổ tay này đặc biệt được xây dựng từ kinh nghiệm của các nước Đông Nam Á, nhưng có thể áp dụng trên phạm vi toàn cầu, giúp bạn đọc thực hiện từng bước thông qua quá trình đánh giá mục độ tuân thủ CEDAW trong luật pháp của quốc gia. Từ việc lập kế hoạch cho tới việc tiến hành rà soát pháp luật, với việc tham vấn, giúp bạn tối đa hóa thành công trong quá trình này. Cuốn sổ tay này sẽ chỉ ra cho chính phủ các nước, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan nghiên cứu và các nhà thực thi chính sách cách làm việc để hướng tới bình đẳng giới và cách xây dựng bộ chỉ số rà soát pháp luật trên cơ sở công ước CEDAW, xây dựng các khuyến nghị và sử dụng kết quả rà soát pháp luật theo CEDAW của bạn để vận động cho sự thay đổi luật pháp vì mục tiêu bình đẳng giới.